

CÁC VĂN BẢN

**CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2021 - 2026**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:	VĂN THỊ THANH HƯƠNG HOÀNG MẠNH THẮNG TRẦN HÀ TRANG NGUYỄN THỊ THU HÒA TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	LÊ MINH ĐỨC
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	TRẦN HÀ TRANG NGUYỄN VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 827-2021/CXBIPH/3-04/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 140-QĐ/NXBCTQG, ngày 24/3/2021.

Nộp lưu chiếu: tháng 3 năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-57-6618-7.

CÁC VĂN BẢN
CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2021 - 2026



Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Các văn chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu quốc hội khoá XV và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 448tr. ; 21cm

ISBN 9786045765418

1. Pháp luật 2. Bầu cử 3. Đại biểu quốc hội 4. Đại biểu hội đồng nhân dân 5. Văn bản pháp qui 6. Việt Nam

342.5970702638 - dc23

CTH0684p-CIP

CÁC VĂN BẢN
CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2021 - 2026



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2021

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội đã quyết nghị ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là Chủ nhật, ngày 23/5/2021.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành thành công, đúng pháp luật, Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Nhằm giúp cán bộ, công chức làm công tác tổ chức, phục vụ cuộc bầu cử và Nhân dân thuận tiện trong việc tìm hiểu, áp dụng, triển khai thi hành pháp luật về bầu cử và các quy định hướng dẫn cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.***

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 02 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần thứ nhất

CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

1. CHỈ THỊ
SỐ 45-CT/TW NGÀY 20/6/2020
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội
khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 dự kiến sẽ được tiến hành vào ngày Chủ nhật, 23/5/2021. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước nhằm lựa chọn, bầu ra những đại biểu tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, cuộc bầu cử diễn ra trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 35 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội, nhưng cũng đối mặt

với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh thương mại, công nghệ, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, nhân tố bất ổn mới. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải ra sức phấn đấu, đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đạt kết quả cao, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, các tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử; bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

2. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ. Gắn kết quả nhân sự của đại hội đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị nhân sự để giới thiệu những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức và năng lực, có quan điểm, lập

trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, có điều kiện thực hiện nhiệm vụ tham gia làm đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Kiên quyết không giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn, nhất là những người sa sút về phẩm chất đạo đức, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, xu nịnh, kiêu ngạo, quan liêu, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước.

3. Phấn đấu giới thiệu, lựa chọn bầu được những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thật sự tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm đủ tiêu chuẩn, đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, trong đó lấy tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu làm trọng tâm, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Phấn đấu bầu đủ 500 đại biểu Quốc hội và đạt tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách.

4. Việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải bảo đảm theo đúng quy trình luật định và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền. Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trong việc tổ chức hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong công tác bầu cử, bảo đảm các điều kiện thuận lợi để mọi công dân thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

5. Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cụ thể, chặt chẽ các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị phụ trách tổ chức bầu cử; quy trình đề cử, ứng cử; việc phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội do Trung ương giới thiệu; việc thẩm định hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; việc tuyên truyền, vận động bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quy định cụ thể đối với việc tự ứng cử, phải có quy trình thật chặt chẽ, đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Quy định rõ việc gì được làm, việc gì không được làm trong vận động bầu cử; tránh tình trạng “vận động” không lành mạnh; khắc phục hiệu quả những hạn chế, khuyết điểm trong tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các khóa gần đây.

6. Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; về vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; về vị trí, vai trò của người đại biểu nhân dân; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Động viên mọi cử tri tự giác, tích cực và chủ động tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ về danh sách người ứng cử; mỗi cán bộ,

đảng viên phải gương mẫu, đề cao trách nhiệm, tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bầu cử.

7. Chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng các phương án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân; ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật về bầu cử. Kiên quyết đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc, âm mưu, hành động phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối. Có các phương án chủ động ứng phó với những tình huống thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử.

8. Các tỉnh ủy, thành ủy thành lập ban chỉ đạo để lãnh đạo toàn diện công tác bầu cử, làm tốt công tác giới thiệu người ứng cử ở địa phương, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương.

9. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương, Hội đồng bầu cử quốc gia, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chỉ thị này; chủ động phối hợp chặt chẽ trong quá trình chỉ đạo, tổ chức bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thành công tốt đẹp.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

Nguyễn Phú Trọng

2. HƯỚNG DẪN

SỐ 13-HD/UBKTTW NGÀY 02/12/2020 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

**Về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng
nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp ủy,
tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp**

*- Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 20/6/2020 của Bộ
Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa
XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm
kỳ 2021-2026;*

*- Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu
Hội đồng nhân dân;*

*- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra
Trung ương khóa XII;*

*- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc
gia tại Công văn số 06/HĐBCQG-CTĐB, ngày 16/9/2020,
Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn việc giải quyết
tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và
đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp như sau:*

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Việc giải quyết tố cáo, khiếu nại liên quan đến bầu cử hoặc nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Các tổ chức khi nhận được đơn thư tố cáo, khiếu nại phải phân loại, xử lý đầy đủ, chính xác và kịp thời giải quyết theo đúng quy định; đối với những đơn thư tố cáo, khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, khiếu nại biết.

3. Qua giải quyết tố cáo, khiếu nại phải kết luận rõ đúng, sai, khuyết điểm, vi phạm (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

4. Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, ngừng việc xem xét, giải quyết mọi tố cáo, khiếu nại liên quan đến người ứng cử và việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp cho đến khi bầu cử xong.

- Trong trường hợp những tố cáo đã rõ, có đủ cơ sở để kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc

thông báo với Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định theo thẩm quyền về việc xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử.

- Trường hợp tố cáo thuộc thẩm quyền nhưng chưa xem xét, giải quyết được hoặc đang giải quyết nhưng không thể kết thúc trước 10 ngày tính đến ngày bầu cử thì kịp thời báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo với Ủy ban bầu cử cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định theo quy định.

5. Tố cáo không giải quyết gồm: tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ; tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền (do Điều lệ Đảng và Luật Tố cáo quy định) xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo có tên nhưng không rõ nội dung, không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo; đơn tố cáo không phải bản do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại: quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định.

6. Xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và Nhà nước đối với hành vi lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống nhằm gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, phá hoại bầu cử.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CẤP ỦY, BAN CÁN SỰ ĐẢNG, ĐẢNG ĐOÀN, ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP, CÁC CƠ QUAN THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA CẤP ỦY

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn

a) Lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại liên quan công tác bầu cử và nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trong đảng bộ, địa phương, cơ quan đơn vị mình; chỉ đạo làm rõ và giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo của đảng viên, công dân ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người trước, trong và sau ngày bầu cử.

b) Chủ trì giải quyết theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo giải quyết những tố cáo, khiếu nại theo Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quyết định số 210-QĐ/TW, ngày 08/11/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và quy định

của cấp ủy các cấp về giải quyết tố cáo, khiếu nại đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện quản lý.

c) Chỉ đạo giải quyết tố cáo liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và thuộc trách nhiệm giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức, bảo đảm việc giải quyết tố cáo chặt chẽ, đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra các cấp

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý đầy đủ, chính xác, kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và tiến hành giải quyết đơn thư thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết; thực hiện chuyển đơn thư tố cáo, khiếu nại không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết và thông báo cho người tố cáo, khiếu nại biết bằng hình thức thích hợp.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo, khiếu nại; báo cáo, đề xuất cấp ủy cùng cấp xem xét, chỉ đạo giải quyết những tố cáo phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, thuộc trách nhiệm giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức; tổng hợp kết quả giải quyết tố cáo, khiếu nại liên quan đến nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thuộc trách nhiệm của

mình và báo cáo kịp thời cho cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo cho Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân); đồng thời, báo cáo Ủy ban Kiểm tra cấp trên để tổng hợp.

c) Trường hợp tố cáo có nhiều nội dung, liên quan đến trách nhiệm giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức thì Ủy ban Kiểm tra chủ trì giải quyết; các cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp để cử cán bộ tham gia đoàn giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra và các tổ chức đảng có liên quan báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp giao cho một cơ quan chủ trì hoặc ban thường vụ cấp ủy quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo theo quy định.

d) Cùng với việc giải quyết tố cáo, khiếu nại; Ủy ban Kiểm tra các cấp phải tăng cường giám sát, chủ động nắm chắc tình hình nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Kịp thời phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy định trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức cuộc bầu cử; vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm và quy định về trách nhiệm nêu gương để kiểm tra, kết luận, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Qua giám sát, nắm tình hình, nếu phát hiện những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thì chủ động phối hợp với ban tổ chức của cấp ủy báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo cho Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định.

e) Ủy ban Kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp cấp ủy tổng hợp những tố cáo, khiếu nại liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý là nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 cùng cấp và gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy

a) Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo đúng quy định; chuyển đơn, thư tố cáo, khiếu nại không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết và thông báo cho người tố cáo, khiếu nại biết bằng hình thức thích hợp.

b) Chủ trì xem xét giải quyết những tố cáo, khiếu nại thuộc phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền theo đúng Quyết định số 210-QĐ/TW, ngày 08/11/2013 của Bộ Chính trị về giải quyết tố cáo, khiếu nại đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư và quy định của cấp ủy các cấp về giải quyết tố cáo, khiếu nại đối với cán bộ thuộc diện quản lý.

c) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra cùng cấp và các tổ chức đảng, cơ quan có liên quan giải quyết những nội dung tố cáo, khiếu nại đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp ủy cùng cấp quản lý theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tổ chức đảng các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn này.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động tổ chức thực hiện công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền.

3. Ủy ban Kiểm tra các cấp tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hướng dẫn này.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp kịp thời phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC

Bùi Thị Minh Hoài

3. HƯỚNG DẪN
SỐ 36-HD/BTCTW NGÀY 20/01/2021
CỦA BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG
Về việc công tác nhân sự đại biểu Quốc hội
khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Thông báo kết luận số 174- TB/TW ngày 08/6/2020 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu khi thực hiện lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu theo Bộ luật Lao động năm 2019, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Lãnh đạo thực hiện chỉ thị và kết luận của Bộ Chính trị

Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (*sau đây gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy*) thành lập ban chỉ đạo để lãnh đạo công tác bầu cử; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương. Thành phần ban chỉ đạo gồm: ban thường vụ cấp ủy, đại diện lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố. Trưởng ban chỉ đạo là đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy.

Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy; các ban và cơ quan của Trung ương Đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt của địa phương, cơ quan, đơn vị để quán triệt thực hiện chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Thành phần tham dự hội nghị do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị ở Trung ương xem xét, quyết định.

2. Tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội khóa XV

2.1. Tiêu chuẩn chung

Người ứng cử đại biểu Quốc hội phải bảo đảm các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội theo quy định của Luật

Tổ chức Quốc hội, cụ thể: trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội đang công tác tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn chung còn phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu, xuất sắc; có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng; có năng lực phân tích, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến; thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm. Không giới thiệu và đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ

hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết; những người vi phạm Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị hoặc có vấn đề về chính trị chưa được kết luận. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền tham gia Quốc hội.

2.2. Về tiêu chuẩn, điều kiện của đại biểu Quốc hội chuyên trách

Ngoài các tiêu chuẩn chung, người ứng cử đại biểu Quốc hội chuyên trách còn phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện sau:

- Có trình độ đào tạo đại học trở lên.
- Người ứng cử làm đại biểu Quốc hội chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội nói chung phải kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ từ vụ trưởng và tương đương, chức vụ giám đốc sở, ngành và tương đương trở lên; có quy hoạch làm đại biểu Quốc hội chuyên trách hoặc có quy hoạch chức danh thứ trưởng và tương đương trở lên. Nếu là cán bộ quân đội, công an thì phải kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh cục trưởng, vụ trưởng và tương đương, chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, chỉ huy trưởng

bộ đội biên phòng tỉnh, giám đốc công an tỉnh¹ và tương đương trở lên hoặc có quân hàm từ Đại tá trở lên.

- Người ứng cử làm đại biểu Quốc hội chuyên trách để làm phó trưởng đoàn ở địa phương phải là tỉnh ủy viên, đang giữ chức vụ giám đốc sở hoặc tương đương trở lên, nói chung có quy hoạch một trong các chức danh sau: ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tương đương trở lên.

- Đối với một số lĩnh vực cần thiết phải cơ cấu đại biểu Quốc hội nhưng không có nhân sự cấp vụ trưởng và tương đương đáp ứng yêu cầu thì Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể, bảo đảm đúng quy định².

- Về độ tuổi:

+ Cán bộ, công chức, viên chức lần đầu ứng cử nói chung phải đủ tuổi tham gia 02 khóa Quốc hội trở lên hoặc ít nhất trọn một khóa, nam sinh từ tháng 02/1966, nữ sinh từ tháng 01/1971 trở lại đây. Đại biểu Quốc hội chuyên trách tái cử (*trừ các đồng chí Ủy viên Ủy ban*

1. Theo Thông báo kết luận số 174-TB/TW ngày 08/6/2020 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Theo Thông báo kết luận số 174-TB/TW ngày 08/6/2020 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Thường vụ Quốc hội) phải còn đủ tuổi công tác ít nhất là 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tính đến tháng 5/2021, nam sinh từ tháng 8/1963, nữ sinh từ tháng 7/1968 trở lại đây¹. Riêng những người ứng cử đại biểu Quốc hội là cán bộ quân đội, công an thực hiện theo độ tuổi quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam và Luật Công an Nhân dân. Đối với những trường hợp tuổi ứng cử cao hơn, như ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các hội theo Kết luận số 58-KL/TW ngày 12/9/2019 của Ban Bí thư² do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

+ Đại biểu Quốc hội là cán bộ nữ thuộc đối tượng nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo kết luận của Bộ Chính trị³

1. Theo khoản 2 Điều 169: Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với nam; đủ 55 tuổi 04 tháng đối với nữ. Sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam; 04 tháng đối với lao động nữ.

2. Kết luận 58-KL/TW ngày 12/9/2019 của Ban Bí thư về độ tuổi tham gia công tác hội: “Tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử tham gia làm lãnh đạo các hội (chủ tịch, phó chủ tịch hội) không quá 65 tuổi. Trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, nhưng chỉ áp dụng đối với chủ tịch hội”.

3. Công văn số 12278-CV/VPTW ngày 03/12/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị về cán bộ nữ nghỉ hưu ở tuổi 60.

và nghị định của Chính phủ¹ được tính tuổi công tác như nam, người ứng cử lần đầu sinh từ tháng 01/1966, tái cử sinh từ tháng 7/1963 trở lại đây.

+ Các đồng chí không đủ tuổi tái cử nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu thì cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, bố trí công tác phù hợp hoặc giữ nguyên một số chế độ, chờ đủ tuổi nghỉ hưu; những đồng chí có nguyện vọng nghỉ chế độ trước tuổi thì giải quyết theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương.

+ Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương khi đến tuổi nghỉ hưu được giữ chức vụ công tác đến hết nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương khi đến tuổi nghỉ hưu thì thôi giữ các chức vụ và tiếp tục làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội đến hết nhiệm kỳ².

- Về tiêu chuẩn sức khỏe: được cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận đủ sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến tháng 5/2021, cụ thể:

1. Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức và Nghị định số 104/2020/NĐ-CP, ngày 04/9/2020 của Chính phủ bổ sung đối tượng nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ nữ là ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy là người dân tộc thiểu số.

2. Theo Thông báo kết luận số 174-TB/TW ngày 08/6/2020 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

+ Đối với cán bộ ở các cơ quan Trung ương: do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương hướng dẫn, xác định cơ sở y tế để khám sức khỏe.

+ Đối với cán bộ ở địa phương: do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn, xác định cơ sở y tế để khám sức khỏe.

3. Tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

3.1. Tiêu chuẩn chung

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải bảo đảm các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể: trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang công tác tại cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước nói chung phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu; có tư tưởng chính trị vững vàng; có năng lực xây dựng chính sách và khả năng tổ chức hoạt động giám sát, có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến; thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm. Không giới thiệu và đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết; những người vi phạm Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị hoặc có vấn đề về chính trị chưa được kết luận. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền tham gia Hội đồng nhân dân các cấp.

3.2. Về tiêu chuẩn, điều kiện của đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách

Ngoài các tiêu chuẩn chung, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở các cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Có trình độ đào tạo đại học trở lên (*đối với cấp tỉnh và cấp huyện*).

- Ở cấp tỉnh: cán bộ ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là tỉnh ủy viên trở lên (*trong đó phải có 01 đồng chí là ủy viên ban thường vụ*), đang giữ chức vụ từ giám đốc sở hoặc tương đương trở lên và đã được quy hoạch phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh trở lên; cán bộ ứng cử trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ phó giám đốc sở hoặc tương đương trở lên; ứng cử phó trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ trưởng phòng hoặc tương đương trong các sở, ban, ngành ở cấp tỉnh trở lên.

- Ở cấp huyện: cán bộ ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là huyện ủy viên, giữ chức vụ từ trưởng phòng hoặc tương đương ở cấp huyện trở lên và đã được quy hoạch phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên; cán bộ ứng cử trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ phó trưởng phòng hoặc tương đương ở cấp huyện trở lên; ứng cử phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 05 năm trở lên và đã được quy hoạch vào chức vụ từ phó trưởng phòng hoặc tương đương ở cấp huyện trở lên.

Đối với các đồng chí dự kiến bố trí làm trưởng các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện kiêm nhiệm,

cần có năng lực, trình độ, sức khỏe và thời gian để đáp ứng yêu cầu công việc.

- Ở cấp xã: cán bộ ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là cấp ủy viên, nơi nào có điều kiện thì bố trí ủy viên thường vụ đảng ủy cấp xã. Căn cứ tình hình cụ thể, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện đối với cán bộ ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp xã.

- Về độ tuổi:

+ Cán bộ, công chức, viên chức lần đầu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách phải đủ tuổi tham gia 02 nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân trở lên hoặc ít nhất trọn một nhiệm kỳ, nam sinh từ tháng 02/1966, nữ sinh từ tháng 01/1971 trở lại đây; nhân sự tái cử phải còn đủ tuổi công tác ít nhất là 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tính từ tháng 5/2021, nam sinh từ tháng 8/1963, nữ sinh từ tháng 7/1968 trở lại đây và sẽ nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019. Riêng những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ quân đội, công an thực hiện theo độ tuổi quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân. Đối với những trường hợp tuổi ứng cử cao hơn, như Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các hội theo Kết luận số 58-KL/TW ngày 12/9/2019 của Ban Bí thư do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

+ Cán bộ nữ thuộc đối tượng nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo nghị định của Chính phủ¹ được tính tuổi công tác như nam, người ứng cử lần đầu sinh từ tháng 01/1966, tái cử sinh từ tháng 7/1963 trở lại đây và sẽ nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định.

- Về tiêu chuẩn sức khỏe: được cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận đủ sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến tháng 5/2021 (*tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn, xác định cơ sở y tế để khám sức khỏe*).

4. Về bố trí trưởng đoàn, phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và nhân sự lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

4.1. Các đồng chí là lãnh đạo chủ chốt tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cấp ủy đề xuất và được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, nếu trúng cử thì đảm nhiệm chức danh trưởng đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố theo nguyên tắc mỗi đồng chí thường trực cấp ủy cấp tỉnh nhìn chung không giữ quá 02 chức danh lãnh đạo (*Bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân và trưởng đoàn đại biểu Quốc hội*); các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng được phân công làm trưởng đoàn đại

1. Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức và Nghị định số 104/2020/NĐ-CP, ngày 04/9/2020 của Chính phủ bổ sung đối tượng nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ nữ là ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy là người dân tộc thiểu số.

biểu Quốc hội tỉnh, thành phố thì không giữ quá 03 chức danh lãnh đạo. Các đồng chí đảm nhiệm chức danh phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố phải là tỉnh ủy viên, giữ chức vụ giám đốc sở hoặc tương đương trở lên, nói chung có quy hoạch một trong các chức danh sau: ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tương đương trở lên.

4.2. Việc giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp phải căn cứ vào phương án nhân sự do cấp ủy chuẩn bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*gắn với công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025*); trường hợp cần thiết nếu phải thay đổi thì báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.3. Các đồng chí được giới thiệu ứng cử làm trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, ứng cử giữ chức chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2021-2026 theo Đề án nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2025 đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII thông qua, thì không phải báo cáo lại Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII; trường hợp cần thiết phải bố trí lại Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội theo đề án tổng thể, do Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII xem xét, quyết định.

4.4. Cấp ủy các cấp lãnh đạo việc bố trí nhân sự ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng nhân dân,

Ủy ban nhân dân các cấp về các đơn vị bầu cử, đảm bảo sự hài hòa, tương quan chung trong việc bố trí nhân sự ứng cử tại các đơn vị bầu cử ở địa phương.

4.5. Về số lượng cấp phó đối với chức danh lãnh đạo đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện theo quy định hiện hành. Các tỉnh, thành phố được cơ cấu 02 phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội thì phải có 01 đồng chí là ủy viên thường vụ tỉnh, thành ủy.

4.6. Trường hợp khi trưởng đoàn đại biểu Quốc hội có sự thay đổi công tác thì ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nhân sự phù hợp đảm nhiệm vị trí trưởng đoàn đại biểu Quốc hội; trường hợp đặc biệt nếu tại địa phương không có nhân sự đáp ứng yêu cầu thì có thể xem xét, phân công đồng chí đại biểu Quốc hội ứng cử tại địa bàn là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý kiêm nhiệm trưởng đoàn.

5. Phát huy dân chủ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong giới thiệu nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

5.1. Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định tại Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; quy trình, thủ tục, hồ sơ cụ thể thực hiện theo quy định của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đối với nhân sự là đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước, việc giới thiệu ứng cử phải thực hiện theo đúng các quy định của Đảng và Nhà nước. Đối với người ngoài Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan xem xét, kết luận về tiêu chuẩn chính trị và chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

5.2. Đối với mỗi chức danh lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ giới thiệu một đại biểu tham gia ứng cử theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

5.3. Đảng viên tự ứng cử đại biểu Quốc hội, tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đồng thời phải được cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền quản lý đảng viên đồng ý, cụ thể như sau:

- Đối với đảng viên không giữ chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, nếu tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì phải báo cáo và phải được chi bộ, đảng bộ cơ sở (*nơi đảng viên sinh hoạt*) đồng ý.

- Đối với đảng viên đang giữ các chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoặc đã nghỉ hưu, nếu tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội

đồng nhân dân thì phải báo cáo và phải được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ và cấp ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ, đảng bộ cơ sở (*nơi đảng viên sinh hoạt*) đồng ý.

6. Tổ chức thực hiện

Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương căn cứ chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Hướng dẫn này và các văn bản của Trung ương có liên quan để lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; bảo đảm tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định; chú ý rà soát kỹ lưỡng, thẩm định chặt chẽ hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định.

Các tỉnh ủy, thành ủy xét thấy cần thiết, có thể ban hành hướng dẫn việc thực hiện cụ thể ở địa phương mình bảo đảm theo các quy định của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương để hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, chỉ đạo.

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thanh Bình

4. HƯỚNG DẪN
SỐ 169-HD/BTGTW NGÀY 22/01/2021
CỦA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
Về việc tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 -2026”, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn công tác tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền sâu rộng, tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

nhiệm kỳ 2021-2026 đạt kết quả cao, bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

- Thông qua tuyên truyền bầu cử góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đoàn kết, sáng tạo, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Yêu cầu

Công tác tuyên truyền bầu cử phải đúng sự chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng và Hội đồng bầu cử quốc gia, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, không phô trương, hình thức; tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân; gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ của đất nước, bộ, ngành, địa phương, đơn vị và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền, nêu bật mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; phân tích, làm rõ bối cảnh diễn ra sự kiện chính trị quan trọng này, đó là đất nước ta sau 35 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực đời sống

cũng như vượt qua những khó khăn, thách thức, nhất là từ dịch bệnh Covid -19 của năm 2020.

2. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về cuộc bầu cử được nêu trong các chỉ thị của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ (*Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về “Lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026”*; *Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026”*); các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chức năng các cấp, như Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 1186/2021-UBTVQH14 về việc hướng dẫn tổ chức hội nghị cử tri, việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố, việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung, Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 về dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026...*), Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng (*Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 về “giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội*

đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp”), Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15/01/2021 về Hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026) và Hội đồng nhân dân các cấp...

3. Tuyên truyền các quy định của pháp luật, như: *Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2015 (vừa được bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (vừa được bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14), Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ về “Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026”, trong đó tập trung tuyên truyền vị trí, vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; nguyên tắc bầu cử, tiêu chuẩn đại biểu, quyền bầu cử và ứng cử của công dân; số lượng, cơ cấu đại biểu (độ tuổi, vùng miền, thành phần...); việc thẩm định hồ sơ, danh sách, lý lịch của người được giới thiệu ứng cử và tự ứng cử; quyền lợi và trách nhiệm của cử tri... Chú trọng giới thiệu những điểm mới của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.*

4. Nêu bật những thành tựu của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp qua các thời kỳ; khẳng định sự kế thừa, phát huy tinh thần đổi mới của Quốc hội trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; việc thực hiện trách nhiệm là cơ quan quyền lực nhà nước trong việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong những năm vừa qua, đặc biệt là 5 năm gần đây.

5. Tuyên truyền sự lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bầu cử (chuẩn bị tổ chức và quá trình thực hiện...); nhấn mạnh vai trò, tinh thần trách nhiệm của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị cũng như cử tri cả nước, góp phần vào sự thành công của cuộc bầu cử. Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và không khí dân chủ, đúng pháp luật trong bầu cử, nhất là ý thức tự giác thực hiện quyền lợi và trách nhiệm của cử tri.

6. Tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động chào mừng; biểu dương kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử, nhất là bầu cử ở nơi biên giới, hải đảo, các vùng còn nhiều khó khăn, các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo.

7. Tuyên truyền đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng

bầu cử để kích động, gây rối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng và Nhà nước.

III. CÁC MỐC THỜI GIAN THỰC HIỆN TUYÊN TRUYỀN

Công tác tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành từ tháng 01/2021, cao điểm từ tháng 4/2021 đến ngày bầu cử 23/5/2021 và sau khi kết thúc bầu cử, công bố kết quả bầu cử, cụ thể:

Đợt 1: Từ tháng 01/2021, cao điểm tháng 4/2021

Tập trung tuyên truyền Hiến pháp năm 2013, Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các quy định của pháp luật, kế hoạch, hướng dẫn về bầu cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quy định về giới thiệu người ứng cử, tự ứng cử; quyền lợi và trách nhiệm của cử tri.

Tuyên truyền những thành tựu của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp qua các thời kỳ, đặc biệt là những đổi mới trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước những năm gần đây.

Đợt 2: Từ tháng 4/2021 đến ngày bầu cử 23/5/2021

Tiếp tục tuyên truyền về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, quyền và nghĩa vụ của người ứng cử, quyền lợi và nghĩa vụ của cử tri, các quy định về bầu cử và thể thức bầu cử.

Tập trung tuyên truyền về diễn biến cuộc bầu cử, không khí phấn khởi, tin tưởng của cử tri và Nhân dân cả nước trong ngày bầu cử 23/5/2021.

Đợt 3: Sau ngày bầu cử 23/5/2021

Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và các hoạt động chào mừng thành công cuộc bầu cử trên cả nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương: Chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức có hiệu quả công tác tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo nội dung mục II, III của Hướng dẫn này; chú trọng tuyên truyền công tác chuẩn bị bầu cử, bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật và không khí phấn khởi, tinh thần tự giác tham gia đi bầu cử của cử tri.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương: Chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng công tác tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; chủ trì xây dựng hướng dẫn và biên soạn tài liệu tuyên truyền trong Đảng và Nhân dân theo sự phân công.

3. Văn phòng Quốc hội: Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin - Truyền thông để chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền trong Đảng và xã hội; chủ động cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền cho cơ quan thông tấn báo chí.

4. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên khác: Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức tốt công tác tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 cho cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng bầu cử. Bám sát cơ sở, địa bàn, địa phương, tăng cường các hoạt động, hình thức tuyên truyền để gắn kết các tầng lớp Nhân dân trong xã hội hướng về ngày bầu cử; nắm bắt tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp Nhân dân trước, trong và sau cuộc bầu cử để có những đề xuất, giải pháp kịp thời ngăn chặn những vấn đề nhạy cảm mới phát sinh.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc chỉ đạo thông tin, tuyên truyền các hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm dân chủ, đúng quy định pháp luật.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông: Quản lý chặt chẽ các hoạt động thông tin, truyền thông và báo chí - xuất bản; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở phát thanh các bản tin giới thiệu cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo tổ chức các hoạt động thông tin cổ động trực quan, nhất là trên pa nô, áp phích, tranh cổ động, bảng điện tử, triển lãm và hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng; chú trọng tới khu vực bầu cử, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

7. Bộ Ngoại giao: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài tuyên truyền về sự kiện chính trị quan trọng của đất nước; chủ trì biên soạn và cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí nước ngoài.

8. Liên hiệp các hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam: Chỉ đạo Hội Văn học - Nghệ thuật các tỉnh, thành phố tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động văn nghệ sĩ sáng tác và quảng bá những tác phẩm văn học - nghệ thuật hay, hấp dẫn chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

9. Các cơ quan báo chí: Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng kế hoạch tuyên truyền; mở chuyên trang, chuyên mục, tọa đàm tuyên truyền có hiệu quả về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; chú trọng nội dung phỏng vấn, nhất là của cử tri và người được giới thiệu ứng cử, tự ứng cử.

10. Ban tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: Chủ động tham mưu giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tuyên truyền đúng

định hướng; biên tập, lồng ghép nội dung tuyên truyền vào Bản tin sinh hoạt chi bộ hoặc Thông tin công tác tuyên giáo của đơn vị, ngành, địa phương; coi trọng công tác kiểm tra, theo dõi các hoạt động tuyên truyền; vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân đăng tải thông tin, tuyên truyền tích cực trên mạng VCNet.vn và các trang mạng xã hội khác. Chủ động nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; từ đó đề xuất kịp thời với cấp ủy, chính quyền các hoạt động tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội.

V. MỘT SỐ KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN

1. Nhiệt liệt chào mừng Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

2. Ngày 23/5/2021, cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

3. Cử tri cả nước tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

4. Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân!

5. Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là ngày hội của toàn dân!

6. Sáng suốt lựa chọn những người tiêu biểu về đức, tài, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền

làm chủ của Nhân dân bầu vào Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

7. Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là trực tiếp góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân!

8. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua lập thành tích chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026!

9. Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

10. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

11. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phan Xuân Thủy

Phần thứ hai

CÁC VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC, ĐOÀN THỂ

5. NGHỊ QUYẾT
SỐ 118/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI
Về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2020/QH14 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Nghị quyết số 111/2020/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê chuẩn danh sách các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia, gồm các ông, bà

1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Bà Tòng Thị Phóng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Ông Trương Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

4. Ông Trần Thanh Mẫn, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

5. Bà Đặng Thị Ngọc Thịnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

6. Ông Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.

7. Ông Ngô Xuân Lịch, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

8. Ông Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên.

9. Ông Trần Cẩm Tú, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên.

10. Ông Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

11. Ông Đỗ Bá Tỵ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

12. Ông Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên.

13. Ông Trần Văn Túy, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy viên.

14. Ông Nguyễn Hạnh Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên.

15. Ông Lê Vĩnh Tân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên.

16. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên.

17. Ông Nguyễn Đình Khang, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên.

18. Ông Thào Xuân Sùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên.

19. Ông Lê Quốc Phong, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

20. Ông Nguyễn Văn Đước, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy viên.

21. Bà Hà Thị Nga, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Ủy viên.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia

1. Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Hội đồng bầu cử quốc gia có địa điểm làm việc tại Nhà Quốc hội, con dấu, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2020.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

6. NGHỊ QUYẾT
SỐ 133/2020/QH14 NGÀY 17/11/2020
CỦA QUỐC HỘI
Về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ
2021-2026

QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội
đồng nhân dân số 85/2015/QH13,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1

Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là **Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.**

Điều 2

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia,

Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức hữu quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

7. NGHỊ QUYẾT
SỐ 1185/NQ-UBTVQH14 NGÀY 11/01/2021
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu
Quốc hội khóa XV

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Xét đề nghị của Ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 30/TTr-BCTĐB ngày 08 tháng 01 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV

Tổng số đại biểu Quốc hội khóa XV là 500 người.

Điều 2. Số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở Trung ương và địa phương

Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở Trung ương và địa phương như sau:

1. Số lượng đại biểu ở các cơ quan Trung ương là 207 đại biểu (41,4%)

Số lượng đại biểu ở các cơ quan Trung ương được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- Các cơ quan Đảng: 10 đại biểu (2,0%).
- Cơ quan Chủ tịch nước: 03 đại biểu (0,6%).
- Các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương): 133 đại biểu (26,6%).
- Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ (bao gồm cả Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an): 15 đại biểu (3,0%).
- Lực lượng vũ trang:
 - + Quân đội (cơ quan bộ, các quân khu, quân chủng và lĩnh vực trọng yếu): 12 đại biểu (2,4%);
 - + Công an: 02 đại biểu (0,4%).
- Tòa án nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).
- Kiểm toán nhà nước: 01 đại biểu (0,2%).
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên: 29 đại biểu (5,8%).

2. Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương là 293 đại biểu (58,6%)

Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương được phân bố như sau:

a) Cơ cấu định hướng gồm 220 đại biểu (44%)

Cơ cấu định hướng là cơ cấu khung để các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm:

- Lãnh đạo chủ chốt ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiêm Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (Bí thư hoặc Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân) 63 đại biểu (12,6%).

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội 67 đại biểu (13,4%) (đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hóa, mỗi địa phương có 02 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 09 đại biểu (1,8%).

- Công đoàn: 06 đại biểu (1,2%).

- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 05 đại biểu (1,0%).

- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam: 07 đại biểu (1,4%).

- Hội Nông dân Việt Nam: 05 đại biểu (1,0%).

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 03 đại biểu (0,6%).

- Đại biểu tôn giáo: 06 đại biểu (1,2%).

- Quân đội (bao gồm Bộ Chỉ huy quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh): 14 đại biểu (2,8%).

- Công an: 09 đại biểu (1,8%).

- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Sở Tư pháp: 13 đại biểu (2,6%), trong đó: Tòa án nhân dân: 05 đại biểu; Viện kiểm sát nhân dân: 04 đại biểu; Sở Tư pháp: 04 đại biểu.

- Tổ chức khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo (viện nghiên cứu, đại học, học viện,...): 06 đại biểu (1,2%).

- Doanh nghiệp, hiệp hội, nghiệp đoàn về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: 07 đại biểu (1,4%).

b) Cơ cấu hướng dẫn do các địa phương giới thiệu 73 đại biểu (14,6%)

Cơ cấu hướng dẫn là cơ cấu linh hoạt để các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử tiêu biểu, gồm đại diện các ngành: khoa học - công nghệ, lao động, thương binh - xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật, đại diện Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên... Trong cơ cấu này, cần quan tâm phân bổ hợp lý số người là phụ nữ, ngoài Đảng, dân tộc, trẻ tuổi và tự ứng cử.

3. Cơ cấu kết hợp

Cơ cấu kết hợp là các cơ cấu theo chỉ tiêu kết hợp. Một người ứng cử đại biểu Quốc hội có thể có nhiều hơn một cơ cấu kết hợp, gồm:

- Đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoảng 95 đồng chí (14%), trong đó có 12-14 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.

- Đại biểu là người ngoài Đảng: từ 25-50 đại biểu (5%-10%).

- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): khoảng 50 đại biểu (10%).

- Đại biểu tái cử: khoảng 160 đại biểu (32%).

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số bảo đảm tỷ lệ ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

- Đại biểu là phụ nữ bảo đảm tỷ lệ ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

4. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm bầu đủ số lượng 500 đại biểu, đáp ứng tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, có cơ cấu phù hợp, là người tiêu biểu đại diện các ngành, các giới và các tầng lớp Nhân dân; không nên kết hợp nhiều cơ cấu đối với một đại biểu.

Điều 3. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo nguyên tắc:

- Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất là 03 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương.

- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 đại biểu.

- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất là 06 đại biểu.

2. Dự kiến phân bổ đại biểu Trung ương ứng cử ở địa phương theo nguyên tắc:

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 06 đại biểu thì có 02 đại biểu Trung ương.

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 07 đại biểu thì có 03 đại biểu Trung ương.

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 08 đại biểu thì có 03-04 đại biểu Trung ương.

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 09 đại biểu thì có 04 đại biểu Trung ương.

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 11 đến 14 đại biểu thì có 05-07 đại biểu Trung ương.

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 29-30 đại biểu thì có 14-15 đại biểu Trung ương.

3. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV dự kiến được bầu ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phân bổ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Dự kiến cơ cấu, thành phần và những người được giới thiệu ứng cử

Căn cứ vào quy định tại các điều 1, 2 và 3 của Nghị quyết này và Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp Nhân dân trong Quốc hội khóa XV.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban

Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU, THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1185/NQ-
UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

STT	Tỉnh/Thành phố	Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XV		
		Tổng số	Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở Trung ương giới thiệu	Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu
1	TP Hồ Chí Minh	30	15	15
2	Hà Nội	29	14	15
3	Thanh Hóa	14	7	7
4	Nghệ An	13	6	7
5	Đồng Nai	12	6	6
6	Bình Dương	11	6	5
7	Hải Phòng	9	4	5
8	Hải Dương	9	4	5
9	An Giang	9	4	5
10	Đắk Lắk	9	4	5
11	Thái Bình	9	4	5
12	Bắc Giang	9	4	5
13	Đồng Tháp	8	4	4
14	Gia Lai	8	4	4
15	Quảng Ninh	8	4	4
16	Nam Định	8	3	5
17	Tiền Giang	8	3	5
18	Kiên Giang	8	3	5
19	Long An	8	3	5

20	Quảng Nam	7	3	4
21	Bình Định	7	3	4
22	Phú Thọ	7	3	4
23	Bắc Ninh	7	3	4
24	Lâm Đồng	7	3	4
25	Thái Nguyên	7	3	4
26	Hà Tĩnh	7	3	4
27	Bến Tre	7	3	4
28	Sơn La	7	3	4
29	Hưng Yên	7	3	4
30	Cần Thơ	7	3	4
31	Khánh Hòa	7	3	4
32	Bình Thuận	7	3	4
33	Quảng Ngãi	7	3	4
34	Cà Mau	7	3	4
35	Sóc Trăng	7	3	4
36	Thừa Thiên Huế	7	3	4
37	Tây Ninh	6	2	4
38	Vĩnh Phúc	6	2	4
39	Bà Rịa - Vũng Tàu	6	2	4
40	Đà Nẵng	6	2	4
41	Vĩnh Long	6	2	4
42	Trà Vinh	6	2	4
43	Bình Phước	6	2	4
44	Ninh Bình	6	2	4
45	Bạc Liêu	6	2	4
46	Quảng Bình	6	2	4
47	Phú Yên	6	2	4
48	Hà Giang	6	2	4
49	Hà Nam	6	2	4
50	Hòa Bình	6	2	4
51	Yên Bái	6	2	4
52	Tuyên Quang	6	2	4

53	Lạng Sơn	6	2	4
54	Lào Cai	6	2	4
55	Hậu Giang	6	2	4
56	Quảng Trị	6	2	4
57	Đắk Nông	6	2	4
58	Điện Biên	6	2	4
59	Ninh Thuận	6	2	4
60	Kon Tum	6	2	4
61	Cao Bằng	6	2	4
62	Lai Châu	6	2	4
63	Bắc Kạn	6	2	4
	Tổng	500	207	293

8. NGHỊ QUYẾT

**SỐ 1186/2021/UBTVQH14 NGÀY 11/01/2021
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

**Quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức
hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử
đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn,
tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người
ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu
Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong
bầu cử bổ sung**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội
đồng nhân dân số 85/2015/QH13,*

QUYẾT NGHỊ

Chương I

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CỬ TRI LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 1. Tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác

1. Hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức ở nơi người ứng cử đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

2. Thẩm quyền chủ trì và triệu tập hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện như sau:

a) Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức đó triệu tập và chủ trì hội nghị, trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản này;

b) Người ứng cử đang công tác tại các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Quốc hội tổ chức. Người ứng cử là đại biểu

Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội (nơi chưa thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân) tổ chức. Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

c) Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nơi chưa thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân) thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức. Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chánh Văn phòng

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

d) Người ứng cử đang là Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ tổ chức; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

đ) Người ứng cử đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Kiểm toán nhà nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

e) Người ứng cử làm việc tại đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thì người đứng đầu đơn vị, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị;

g) Người ứng cử công tác tại Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã hoặc

là công chức xã, phường, thị trấn thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác được thực hiện tại hội nghị liên tịch giữa Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Người đứng đầu Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị;

h) Người ứng cử công tác ở các đơn vị vũ trang nhân dân thì do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị;

i) Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người ứng cử thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị;

k) Trường hợp nơi công tác hoặc nơi làm việc của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản này chưa có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu triệu tập và chủ trì hội nghị.

3. Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại diện cử tri và phải bảo đảm có ít nhất là 70 cử tri tham dự hội nghị. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban chấp hành Công đoàn phối

hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các tổ chức Công đoàn trực thuộc cử đại diện tham dự; trường hợp không có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

4. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

Điều 2. Tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú

1. Hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống.

Trường hợp người ứng cử cư trú tại khu chung cư, khu đô thị chưa có tổ dân phố thì tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị nơi người đó sinh sống để lấy ý kiến đối với người ứng cử.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách và mời cử tri

đến dự hội nghị. Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị chưa có tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Ban quản trị khu chung cư hoặc Ban quản lý khu chung cư, Ban quản trị khu đô thị (nếu có) lập danh sách và mời cử tri cư trú tại tòa nhà khu chung cư hoặc khu đô thị đến dự hội nghị.

3. Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự hội nghị.

Điều 3. Nội dung và biên bản hội nghị cử tri

1. Tại hội nghị cử tri nơi công tác và hội nghị cử tri nơi cư trú, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử.

2. Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử. Việc gửi biên bản được quy định như sau:

a) Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức;

b) Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức;

c) Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị

hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức;

d) Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri;

đ) Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri;

e) Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Điều 4. Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri

1. Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

a) Giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định;
c) Báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

d) Giới thiệu danh sách người ứng cử;

đ) Đọc tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội), tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân) và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Thư ký hội nghị đọc tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

3. Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử.

4. Người ứng cử phát biểu.

5. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

6. Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri nơi công tác phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Phiếu tín nhiệm của cử tri nơi cư trú phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên người ứng cử. Nếu có nhiều người ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

7. Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

8. Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri (theo Mẫu số 01/HNCT hoặc Mẫu số 02/HNCT).

Chương II

GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 5. Nội dung, trình tự dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Chi hội trưởng các đoàn thể hợp với Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

cấp xã theo thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ trì hội nghị gồm toàn bộ các thành viên của Ban công tác Mặt trận để thảo luận, dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Thủ tục tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị, cử Thư ký hội nghị và đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

c) Hội nghị thảo luận và nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

d) Trưởng ban công tác Mặt trận tổng hợp ý kiến và kết luận hội nghị;

đ) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 03/HNMT).

Điều 6. Hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi giấy mời tham dự hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Thành phần mời dự hội nghị gồm:

a) Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị;

b) Toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận;

c) Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố;

d) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri được thực hiện như sau:

a) Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì hội nghị cử tri, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự hội nghị; giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị; giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định; báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

b) Người chủ trì hội nghị đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử; đọc tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Đại diện Ban công tác Mặt trận đọc danh sách do Ban công tác Mặt trận dự kiến những người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cử tri có thể giới thiệu thêm người ứng cử để hội nghị xem xét;

d) Hội nghị thảo luận về những người được giới thiệu ứng cử;

đ) Hội nghị quyết định biểu quyết danh sách chính thức những người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người được giới thiệu ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc dấu của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên của những người được hội nghị cử tri dự kiến giới thiệu ứng cử. Nếu có nhiều người được giới thiệu ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người được giới thiệu ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người được giới thiệu ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

Người được giới thiệu ứng cử là người được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm. Trường hợp có nhiều người cùng được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm thì người được giới thiệu ứng cử được xác định theo kết quả biểu quyết tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng được phân bổ; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì người chủ trì hội nghị lập danh sách những người đó để hội nghị biểu quyết lại và lấy người có kết quả biểu quyết cao hơn mà không cần phải đạt trên 50% tổng số cử tri có mặt. Trường hợp biểu quyết lại mà kết quả biểu quyết vẫn ngang nhau thì việc có biểu quyết tiếp hay không do hội nghị quyết định;

e) Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết;

g) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 04/HNCT).

Chương III

HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TRONG BẦU CỬ BỔ SUNG

Điều 7. Công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung

Việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức và thực hiện theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương V của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn có liên quan. Riêng thời gian tiến hành hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

Điều 8. Thời gian tiến hành hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

2. Sau hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố được phân bổ số lượng người giới thiệu ứng cử tiến hành lựa chọn, giới thiệu người ứng cử chậm nhất là 19 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai để thỏa thuận lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức chậm nhất là 16 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

4. Việc tổ chức hội nghị cử tri lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú và nơi công tác (nếu có) về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện chậm nhất là 14 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

5. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức chậm nhất là 12 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này nếu có khó khăn, vướng mắc thì cơ quan, tổ chức báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội để kịp thời hướng dẫn.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1186/2021/
UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định
chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới
thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã
ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người
ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội,
đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung)*

(1).....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI LẤY Ý KIẾN
NHẬN XÉT VỀ NGƯỜI ĐƯỢC DỰ KIẾN GIỚI THIỆU
ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Hồigiờ..... ngày..... tháng..... năm, tại (2) ...
....., đã tiến hành hội nghị cử tri tại
(1)..... để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối
với người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới
thiệu ứng cử (3).....

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:.....
..... Chúc vụ

- Họ và tên Thư ký hội nghị:.....
..... Chúc vụ

1. Thành phần hội nghị gồm:

+

+

+

- Tổng số cử tri (trong cơ quan/tổ chức/đơn vị) được
mời:

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị:
.....

2. Họ và tên người của cơ quan, tổ chức, đơn vị dự
giới thiệu ứng cử:

1

2

3

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người được
giới thiệu ứng cử:

1

2

3

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết thể hiện sự tín
nhiệm đối với người được giới thiệu ứng cử bằng hình
thức(4)

Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người được
giới thiệu ứng cử như sau:

1

2

3

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người được
giới thiệu ứng cử cần phải xác minh (nếu có)
.....(5)

Hội nghị kết thúc hồi:..... giờ.....
cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(ký tên)

(ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(ký tên, đóng dấu)

(ghi rõ chức vụ và họ tên)

Ghi chú:

Mẫu số 01/HNCT áp dụng đối với hội nghị cử tri để lấy ý kiến nhận xét về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến giới thiệu ứng cử (theo quy định tại các điều 41, 42 và 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Ghi rõ “đại biểu Quốc hội khóa...” hoặc “đại biểu Hội đồng nhân dân cấp... nhiệm kỳ...” tùy theo từng trường hợp.

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(5) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người ứng cử.

(*) Biên bản này phải được gửi kèm theo biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

(1).....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI
LẤY Ý KIẾN CỬ TRI (2).....

Hồi... giờ... ngày... tháng... năm..., tại (3)
....., đã tiến hành hội nghị cử tri (2)
..... để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm
đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội/đại biểu Hội đồng
nhân dân.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:.....
..... Chúc vụ

- Họ và tên Thư ký hội nghị:.....
..... Chúc vụ

1. Thành phần hội nghị gồm:

+

+

+

- Tổng số cử tri (trong cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc
thôn/tổ dân phố) được mời:

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị:

.....

2. Họ và tên người ứng cử:

1

2

3

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người ứng cử:

1

2

3

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết thể hiện sự tín nhiệm đối với người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức(4)

Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử như sau:

1.....

2

3

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người ứng cử cần phải xác minh (nếu có) (5).....

Hội nghị kết thúc hồi:..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)
(ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(ký tên, đóng dấu)
(ghi rõ chức vụ và họ tên)

Ghi chú:

Mẫu số 02/HNCT áp dụng đối với hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi cư trú để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (theo quy định tại Điều 45

và Điều 54 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử đang công tác (nếu có) hoặc tên xã/phường/thị trấn nơi người ứng cử cư trú.

(2) Ghi rõ “NƠI CƯ TRÚ” hoặc “NƠI CÔNG TÁC”.

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị (ghi rõ nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đặt trụ sở đối với hội nghị cử tri nơi công tác hoặc tên thôn, tổ dân phố đối với hội nghị cử tri nơi cư trú).

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(5) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người ứng cử.

(*) Biên bản này phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

ỦY BAN MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ/
PHƯỜNG/THỊ TRẤN (1).....
BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN
THÔN/TỔ DÂN PHỐ (2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN
DỰ KIẾN GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Hồi... giờ... ngày... tháng... năm..., tại (3)
..... Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố
(2)..... tiến hành hội nghị Ban công tác Mặt
trận để thảo luận việc dự kiến giới thiệu người để đưa ra
hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng
cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

1. Tổng số người được triệu tập:..... người.

Số người có mặt:..... người, vắng..... người
có lý do.

2. Hội nghị nghe Thông báo của Ban Thường trực
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/thị trấn
(1)..... phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần
người của thôn/tổ dân phố (2)..... được giới
thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Nghe
ông (bà), Trưởng ban công tác Mặt
trận nêu dự kiến giới thiệu người để đưa ra hội nghị cử

tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Căn cứ tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, hội nghị thảo luận, nhận xét và biểu thị sự tín nhiệm đối với những người được giới thiệu ứng cử như sau:

1	}	(Ghi rõ họ tên và ý kiến nhận xét đối với từng người tại hội nghị)
2		
3		

Hội nghị nhất trí dự kiến danh sách các ông (bà) có tên sau đây để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn (1)..... nhiệm kỳ (4)

1

2

3

Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ tên)

TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Đóng dấu xác nhận của

UBMTTQVN cấp xã)

Ghi chú:

(1) Tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã.

(2) Tên gọi của thôn, tổ dân phố hoặc tương đương.

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(4) Ghi rõ nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã.

(*) Biên bản này gửi cùng với biên bản hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

THÔN/TỔ DÂN PHỐ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(1)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI GIỚI THIỆU
NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN (2),
NHIỆM KỲ (3)**

Hồi... giờ... ngày... tháng... năm..., thôn/tổ dân phố
(1)..... đã tiến hành hội nghị giới thiệu
người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm
kỳ (3)..... theo Thông báo số.....TB/MTTQ ngày....
tháng.... năm.....của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt
Nam xã/phường/thị trấn (2)..... về việc phân bổ
số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố
được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:.....
..... Chúc vụ.....

- Họ và tên Thư ký hội nghị:.....
..... Chúc vụ.....

1. Thành phần hội nghị gồm:

+

+

- Tổng số cử tri được mời:

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị:

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn (2)..... nhiệm kỳ (3)..... :

1

2

3

3. Nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:
(ghi tóm tắt ưu, khuyết điểm theo tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân):

1

2

3

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết về danh sách người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân bằng hình thức(4)

5. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người có tên sau đây để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/thị trấn) (2)..... hiệp thương lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp (kèm theo danh sách trích ngang):

1

2

3

Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)
(ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(ký tên)
(ghi rõ chức vụ và họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên thôn, tổ dân phố và tương đương.
- (2) Tên đơn vị hành chính cấp xã.
- (3) Ghi rõ nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã.
- (4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.
- (*) Biên bản này được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ngay sau khi kết thúc hội nghị.

9. NGHỊ QUYẾT
SỐ 1187/NQ-UBTVQH14 NGÀY 11/01/2021
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu,
thành phần và phân bổ số lượng người được
giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 613/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo số 01/BC-CP ngày 05 tháng 01 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 3711/BC-UBPL14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo số 3776/BC-UBPL14 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Pháp luật về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

1. Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các cơ sở sau đây:

a) Dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thống kê dân số do cơ quan thống kê cấp tỉnh công bố tại thời điểm gần nhất tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020;

b) Việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan có liên quan rà soát, tập hợp các văn bản, quyết định còn hiệu lực pháp luật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo và công bố trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia (<http://hoidongbaucu.quochoi.vn>) chậm nhất là ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách ở từng đơn vị hành chính căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đối với cấp tỉnh, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ

chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở mỗi ban của Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 03 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên ở mỗi ban của Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 04 người.

Đối với thành phố Đà Nẵng, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 02 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở mỗi ban của Hội đồng nhân dân thành phố tối đa là 03 người;

c) Đối với cấp huyện, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Trưởng ban, Phó Trưởng ban ở mỗi ban của Hội đồng nhân dân tối đa là 02 người;

d) Đối với cấp xã, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân là 01 người.

Điều 2. Cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

1. Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cấp mình.

2. Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ

quan nhà nước ở cấp mình và các thôn, tổ dân phố, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính cấp mình.

3. Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bố số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; coi trọng chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh, cấp huyện), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; có đại diện của các thành phần xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo, độ tuổi và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm có ít nhất là 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; phấn đấu tỷ lệ phụ nữ trúng cử là khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người trong danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân số của từng địa phương. Quan tâm đến những dân tộc thiểu số trong nhiều khóa chưa có người tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân;

c) Phấn đấu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng không thấp hơn 10% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Phấn đấu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) không thấp hơn 15% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Phấn đấu đạt tỷ lệ từ 30% trở lên đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 tái cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở từng cấp;

c) Giảm tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước so với nhiệm kỳ 2016-2021;

g) Việc phân bổ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 tại các đơn vị bầu cử phải bảo đảm công bằng, bình đẳng; bảo đảm tương quan hợp lý với tỷ lệ dân số giữa các đơn vị hành chính trực thuộc, giữa các thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các cơ

quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

10. NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH
SỐ 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-
ĐCTUBTWMTTQVN NGÀY 15/01/2021
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI -
CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN
TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
Hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu
người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch hướng dẫn quy trình

hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Chương I

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ NHẤT ĐỂ THỎA THUẬN VỀ CƠ CẤU, THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1

VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021.

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở Trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì và

được thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

1. Hội nghị cử chủ tọa trong Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở Trung ương) hoặc trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) và Thư ký hội nghị.

2. Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở Trung ương, đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày dự kiến về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở Trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở địa phương, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình bày dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

3. Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm số dư người ứng

cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

4. Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT kèm theo Nghị quyết này).

5. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở Trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Điều chỉnh và hướng dẫn việc giới thiệu người ứng cử

1. Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu

ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 40 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

2. Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Chương II của Nghị quyết này.

Mục 2

VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 4. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở mỗi cấp được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 03 tháng 02 năm 2021 đến ngày 17 tháng 02 năm 2021 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 5. Nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

1. Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thư ký hội nghị.

2. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trình bày dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã).

3. Hội nghị thảo luận để thống nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần

hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

4. Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết này).

Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Điều chỉnh và hướng dẫn việc giới thiệu người ứng cử

1. Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tiến hành điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo quy định tại Điều 51 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

2. Trên cơ sở điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân từng cấp về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố được phân bổ

giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Chương II của Nghị quyết này.

Chương II

CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1

VIỆC GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội theo các bước sau đây:

a) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị họp để dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội;

b) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

c) Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (sau đây gọi chung là nơi công tác) của người được dự kiến giới thiệu ứng cử, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 8. Hợp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Thành phần dự họp:

a) Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;

b) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp;

c) Chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử;

b) Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội để lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Cuộc họp thông qua biên bản (theo Mẫu số 02/BCĐBQH-MT kèm theo Nghị quyết này).

Điều 9. Hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được tiến hành theo quy định tại các điều 1, 3 và 4 của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Biên bản hội nghị được lập theo Mẫu số 02/HNCT kèm theo Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trình tự, thủ tục giới thiệu lại người được dự kiến giới thiệu ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

Điều 10. Hội nghị ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Thành phần dự hội nghị:

a) Đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Đoàn Chủ tịch mở rộng tới người đứng đầu các tổ chức thành viên (tổ chức nào không có tổ chức thành viên thì tổ chức hội nghị Đoàn Chủ tịch mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc); Ban Thường vụ mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc Ban Thường trực mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

b) Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, thành phần dự hội nghị gồm lãnh đạo cơ quan và đại diện Ban chấp hành Công đoàn, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

c) Đối với đơn vị vũ trang nhân dân, thành phần dự hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

b) Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó;

c) Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBQH-MT kèm theo Nghị quyết này).

Điều 11. Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội và biên bản hội nghị

1. Căn cứ vào kết quả của hội nghị ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021, người ứng cử phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội.

Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Việc gửi biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 41 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hoàn thành chậm nhất là ngày 14 tháng 3 năm 2021.

Mục 2

VIỆC GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 12. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

1. Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021.

2. Người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo các bước sau đây:

a) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị họp để dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

c) Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử.

4. Việc giới thiệu người của thôn, tổ dân phố để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 13. Hợp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thành phần dự họp:

a) Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;

b) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp;

c) Chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy

đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử;

b) Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử;

c) Cuộc họp thông qua biên bản (theo Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết này).

Điều 14. Hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo quy định tại các điều 1, 3 và 4 của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Biên bản hội nghị được lập theo Mẫu số 02/HNCT kèm theo Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trình tự, thủ tục giới thiệu lại người được dự kiến giới thiệu ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này.

Điều 15. Hội nghị ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thành phần dự hội nghị:

a) Đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Ban Thường vụ mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc Ban Thường trực mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc lãnh đạo các tổ chức thành viên. Trường hợp tổ chức xã hội không lập Ban Thường vụ thì tổ chức hội nghị Ban chấp hành;

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị Ủy ban nhân dân mở rộng đến đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc;

c) Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân;

d) Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân,

Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

đ) Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn;

e) Đối với các đơn vị sự nghiệp thì người đứng đầu đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban chấp hành Công đoàn;

g) Đối với tổ chức kinh tế thì người đứng đầu tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị ban lãnh đạo mở rộng đến người đứng đầu các phòng, ban, phân xưởng, trạm, trại và đại diện Ban chấp hành Công đoàn;

h) Đối với đơn vị vũ trang nhân dân thì chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp;

i) Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả

hội nghị lấy ý kiến của cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

b) Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó;

c) Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBHDND-MT kèm theo Nghị quyết này).

Điều 16. Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và biên bản hội nghị

1. Căn cứ vào kết quả của hội nghị ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021, người ứng cử phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3

Điều 36 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Việc gửi biên bản hội nghị cử tri nơi công tác, biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị và biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương III

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ HAI ĐỂ THỎA THUẬN LẬP DANH SÁCH SƠ BỘ NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1

VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 17. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 3 năm 2021.

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở Trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định

tại Điều 43 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 18. Nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở Trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tình hình người tự ứng cử ở địa phương (nếu có).

2. Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây:

- a) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội;
- b) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số

lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất;

d) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến;

đ) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

3. Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử và kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú, nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương); nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

4. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT kèm theo Nghị quyết này).

5. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở Trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Mục 2

VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 19. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở mỗi cấp được tổ chức trong thời gian từ ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến ngày 19 tháng 3 năm 2021 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 20. Nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), tình hình người tự ứng cử (nếu có).

2. Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân căn cứ vào các nội dung sau đây:

a) Tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Kết quả điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất;

d) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến;

đ) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) của người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

4. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết này).

5. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LẤY Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ TÍN NHIỆM CỦA CỬ TRI ĐỐI VỚI NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 21. Tổ chức hội nghị cử tri đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức họp với đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri.

2. Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử cư trú do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

3. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13

tháng 4 năm 2021 theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Chương I của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 22. Tổ chức hội nghị cử tri đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Ngay sau hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương họp với người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp (đối với cấp xã thì mời các Trưởng ban công tác Mặt trận trên địa bàn), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cư trú để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử có tên trong danh sách sơ bộ và ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử cư trú do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

3. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo quy định tại Điều 54 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và tại Chương I của Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 23. Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Trách nhiệm xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 46 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất là ngày 13 tháng 4 năm 2021, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải được tiến hành xong.

Điều 24. Điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội

Chậm nhất là ngày 29 tháng 3 năm 2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ hai cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 47 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương V

**TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG
LẦN THỨ BA ĐỂ LỰA CHỌN, LẬP DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI ĐỦ TIÊU CHUẨN ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN**

Mục 1

**VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI
ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**

Điều 25. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2021.

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở Trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam triệu tập và chủ trì được thực hiện theo quy định tại Điều 48 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập và chủ trì được thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 26. Nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở Trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh) báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Những trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị

cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

2. Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thỏa thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

3. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 04/BCĐBQH-MT kèm theo Nghị quyết này).

4. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở Trung ương và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Mục 2

VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 27. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở mỗi cấp được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến ngày 18 tháng 4 năm 2021 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 28. Nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Những trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

2. Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

3. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết này).

4. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định của Nghị quyết này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện những nhiệm vụ được quy định trong Nghị quyết này.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
UBTW MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn

Nguyễn Xuân Phúc

Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số
09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN
ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban
Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn
quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu
Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026)*

**ỦY BAN MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM**
..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG
LẦN THỨ.....⁽²⁾

(V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội
khóa XV)

Hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2021, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽¹⁾ tiến hành hội nghị hiệp thương lần thứ⁽²⁾ để:

+) } (Ghi rõ mục đích của hội nghị hiệp
+) } thương theo quy định của Luật Bầu
+) } cử ĐBQH và ĐBHNĐ)

- Chủ trì hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:.....

- Thư ký hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:

1. Thành phần hội nghị gồm:

+) } Ở Trung ương, thành phần ghi theo khoản 1
+) } Điều 38 của Luật Bầu cử ĐBQH và
+) } ĐBHNĐ; ở cấp tỉnh thành phần ghi theo
khoản 1 Điều 39 của Luật Bầu cử ĐBQH và
ĐBHNĐ (bao gồm tổng số đại biểu được
mời, tổng số có mặt, tổng số vắng mặt)

- Khách mời của hội nghị gồm:

+ Ông (bà)	}	(Ghi tên đại biểu các cơ quan đến dự)
+ Ông (bà)		
+ Ông (bà)		

2. Hội nghị tiến hành với chương trình nội dung như sau:

1	}	(Ghi diễn biến hội nghị với từng nội dung)
2		
3		
4		

3. Hội nghị nhất trí những nội dung như sau:

+.....)	}	(Ghi nội dung theo chương trình hội nghị hiệp thương)
+.....)		
+.....)		

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

ỦY BAN MTTQ VN

TỈNH/THÀNH PHỐ....

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

(2) Lần thứ nhất, thứ hai hoặc thứ ba.

(*) Biên bản hội nghị ở Trung ương gửi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ở cấp tỉnh gửi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh.

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

BIÊN BẢN
HỌP BAN LÃNH ĐẠO DỰ KIẾN GIỚI THIỆU
NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV

Hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2021, cơ quan (tổ chức, đơn vị)⁽¹⁾..... đã tiến hành họp ban lãnh đạo để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV theo Thông báo số...../TB-MTTQ ngày.....tháng..... năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽²⁾ về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà)

Chức vụ:

- Thư ký cuộc họp: ông (bà)

Chức vụ:

1. Thành phần dự họp: ⁽³⁾

+

+

+

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Cuộc họp đã dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV:

1.....

2.....

3. Ý kiến nhận xét của cuộc họp đối với từng người như sau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Cuộc họp nhất trí dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV (kèm theo danh sách trích ngang):

1.

2.

5. Cuộc họp kết thúc hồi..... giờ.....

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tổ chức hội nghị hiệp thương).

(3) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ
GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV

Hồi... giờ..., ngày... tháng... năm 2021, cơ quan (tổ chức, đơn vị) ⁽¹⁾.....đã tiến hành hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, theo Thông báo số...../TB-MTTQ ngày..... tháng..... năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....⁽²⁾ về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Chủ trì hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:

.....

- Thư ký hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:

.....

1. Thành phần hội nghị: ⁽³⁾

+

+

+

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV:

1.

2.

3. Ý kiến nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người sau đây để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV (kèm theo danh sách trích ngang)⁽⁴⁾:

1.

2.

5. Hội nghị kết thúc hồi..... giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

(Ghi rõ họ và tên)

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tổ chức hội nghị hiệp thương).

(3) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(4) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBQH-MT.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

DANH SÁCH

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
(Do cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử)

STT	Họ và tên ⁽²⁾	Ngày tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay ⁽³⁾	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ ⁽⁴⁾	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu Quốc hội khóa (nếu có)	Đại biểu HĐND nhiệm kỳ (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
...																		

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
- (3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
- (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...).

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
(Kèm theo biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ.....
của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....)

STT	Họ và tên ⁽²⁾	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay ⁽³⁾	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ ⁽⁴⁾	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu Quốc hội khóa (nếu có)	Đại biểu HĐND nhiệm kỳ (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
...																		

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM.....
(Ký tên, đóng dấu)
(*Ghi rõ họ và tên, chức vụ*)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.
- (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
- (3) Nói người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
- (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...).

Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT

ỦY BAN MẶT TRẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ QUỐC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
VIỆT NAM
..... (1)

....., ngày..... tháng..... năm 2021

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG
LẦN THỨ.....⁽²⁾**

**(V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu
Hội đồng nhân dân)**

Hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2021, tại
(3)..... Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ
quốc Việt Nam (tỉnh, huyện, xã...) (1)..... tiến hành
Hội nghị hiệp thương lần thứ...(2) đề:

+) } (Ghi rõ mục đích của hội nghị hiệp thương
+) } theo quy định của Luật Bầu cử ĐBQH và
+) } ĐBĐND)

- Chủ trì hội nghị: ông (bà)
Chức vụ:

- Thư ký hội nghị: ông (bà)
Chức vụ:

1. Thành phần hội nghị gồm:

+) } Thành phần ghi theo khoản 1 Điều 50
 +) } của Luật Bầu cử ĐBQH và ĐBHĐND
 +) } (bao gồm tổng số đại biểu được mời,
 tổng số có mặt, tổng số vắng mặt)

- Khách mời của hội nghị gồm:

+ Ông (bà):) } (Ghi tên đại biểu các cơ quan đến dự)
 + Ông (bà):) }
 + Ông (bà):) }

2. Hội nghị tiến hành với chương trình nội dung như sau:

-) } (Ghi diễn biến hội nghị với từng nội
 -) } dung)
 -) }
 -) }

3. Hội nghị nhất trí những nội dung như sau:

+) } (Ghi nội dung theo chương trình hội nghị
 +) } hiệp thương)
 +) }

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ
 (Ký tên)
 (Ghi rõ họ và tên)

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ
 (Ký tên, đóng dấu)
 (Ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

(2) Lần thứ nhất, thứ hai hoặc thứ ba.

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(*) Biên bản hội nghị ở cấp tỉnh gửi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; ở cấp huyện, cấp xã gửi Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

BIÊN BẢN
HỌP BAN LÃNH ĐẠO DỰ KIẾN
GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN.....
NHIỆM KỲ 2021-2026

Hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2021, tại
(2) cơ quan tổ chức, đơn vị (1)..... đã tiến
hành họp ban lãnh đạo để dự kiến giới thiệu người ứng
cử đại biểu Hội đồng nhân dân..... nhiệm kỳ 2021-2026,
theo Thông báo số...../TB-MTTQ ngày..... tháng.....
năm 2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (tỉnh, huyện,
xã)(3) về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng
người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà)

Chức vụ:

- Thư ký cuộc họp: ông (bà)

Chức vụ:

1. Thành phần họp: (4)

+

+

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Cuộc họp đã dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân..... nhiệm kỳ 2021-2026:

1.....

2.....

3. Ý kiến nhận xét của cuộc họp đối với từng người như sau:

+

+

4. Cuộc họp nhất trí dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (kèm theo danh sách trích ngang) (5):

1.

2.

- Hội nghị kết thúc hồi giờ

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(4) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(5) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN.....
NHIỆM KỲ 2021-2026

Hội..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2021, ⁽²⁾.....
cơ quan, tổ chức, đơn vị ⁽¹⁾..... đã tiến hành hội nghị
giới thiệu những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân
dân..... nhiệm kỳ 2021-2026, theo Thông báo số
...../TB-MTTQ ngày..... tháng..... năm 2021 của Ủy
ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tỉnh, huyện, xã)⁽³⁾.....
về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được
giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Chủ trì hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:
.....

- Thư ký hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:
.....

1. Thành phần hội nghị: ⁽⁴⁾

+

+

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân..... nhiệm kỳ 2021-2026:

1.

2.

3. Ý kiến nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:

+

+

4. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người sau đây để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (kèm theo danh sách trích ngang)⁽⁵⁾:

1

2

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ.....

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

(Ký tên)

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(4) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(5) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GIỚI THIỆU ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN..... NHIỆM KỲ 2021-2026

STT	Họ và tên ^(a)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay ^(a)	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ ^(d)	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ				
1																	
2																	
...																	

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
- (3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
- (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...).

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN..... NHIỆM KỲ 2021-2026

(Kèm theo biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ..... ngày..... tháng năm 2021)

STT	Họ và tên ⁽¹⁾	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay ⁽²⁾	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ ⁽³⁾	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị					
1																	
2																	
...																	

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM.....
(Ký tên, đóng dấu)
(*Ghi rõ họ và tên, chức vụ*)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội hiệp thương.
- (2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
- (3) Nói người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
- (4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...).

11. NGHỊ QUYẾT
SỐ 05/NQ-HĐBCQG NGÀY 16/9/2020
CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Phân công thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia; triệu tập và chủ trì các cuộc họp

của Hội đồng bầu cử quốc gia. Chỉ đạo công tác bầu cử tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Tòng Thị Phóng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng bầu cử quốc gia giúp Chủ tịch điều hành công việc thường xuyên của Hội đồng bầu cử quốc gia và các nội dung liên quan về công tác nhân sự; hoạt động của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia. Chỉ đạo công tác bầu cử tại thành phố Hải Phòng, tỉnh Hải Dương.

3. Ông Trương Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp công tác với Chính phủ, chỉ đạo công tác nhân sự khối Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ, đại biểu Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang.

4. Ông Trần Thanh Mẫn, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm trong công tác nhân sự khối Mặt trận Tổ quốc, hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; hướng dẫn công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và công tác tiếp xúc cử tri vận động bầu cử. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội

dung trong công tác bầu cử liên quan đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Đặng Thị Ngọc Thịnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong quá trình triển khai công tác bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

6. Ông Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân diện Trung ương quản lý. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh.

7. Ông Ngô Xuân Lịch, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh quốc phòng; chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử trong quân đội và tại các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận.

8. Ông Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và y tế trong quá trình bầu cử. Chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ công an tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử trong công an và ở các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

9. Ông Trần Cẩm Tú, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác hướng dẫn, thẩm tra, xác minh, kết luận đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, tư cách đại biểu Quốc hội được bầu, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh.

10. Ông Ưông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm về hướng dẫn thực hiện luật, pháp luật bầu cử; phụ trách Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam.

11. Ông Đỗ Bá Ty, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong công tác kiểm tra, giám sát bầu cử; trực tiếp phụ trách Tiểu ban an ninh, trật tự và y tế.

Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

12. Ông Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; phụ trách Tiểu ban giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

13. Ông Trần Văn Túy, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; việc tiếp nhận, xem xét hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Đồng Nai, Vĩnh Phúc, Phú Thọ.

14. Ông Nguyễn Hạnh Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia phục vụ hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Hội đồng bầu cử quốc gia phân bổ

kinh phí bầu cử; đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn.

15. Ông Lê Vĩnh Tân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia chịu trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan giúp Chính phủ trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh.

16. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn.

17. Ông Nguyễn Đình Khang, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm chỉ đạo các tổ chức công đoàn trong cả nước trong việc vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên công đoàn tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình.

18. Ông Thào Xuân Sùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm chỉ đạo các tổ

chức Hội Nông dân trong cả nước trong việc vận động nông dân tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Đắk Nông, Lâm Đồng.

19. Ông Lê Quốc Phong, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam trong cả nước trong việc vận động đoàn viên, hội viên thanh niên tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái.

20. Ông Nguyễn Văn Được, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm chỉ đạo Hội Cựu chiến binh Việt Nam và tổ chức Hội Cựu chiến binh trong cả nước trong việc vận động các hội viên Hội Cựu chiến binh tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk.

21. Bà Hà Thị Nga, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, chịu trách nhiệm chỉ đạo Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc giới thiệu ứng cử viên đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; chỉ đạo

công tác vận động phụ nữ trong cả nước tham gia các hoạt động của cuộc bầu cử. Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định.

Điều 2. Các ông, bà có tên tại Điều 1 theo trách nhiệm triển khai nhiệm vụ được phân công nhằm góp phần tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

12. NGHỊ QUYẾT
SỐ 41/NQ-HĐBCQG NGÀY 18/01/2021
CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Hướng dẫn mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu
bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các mẫu
văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Xét đề nghị của Ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 42/TTr-BCTĐB ngày 16 tháng 01 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử và các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử

Ban hành kèm theo Nghị quyết này các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Mẫu hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, gồm các mẫu từ mẫu số 01/HĐBC-QH đến mẫu số 05/HĐBC-QH;

2. Mẫu hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, gồm các mẫu từ mẫu số 06/HĐBC-HĐND đến mẫu số 10/HĐBC-HĐND;

3. Mẫu thẻ cử tri và mẫu giấy chứng nhận cử tri tham gia bỏ phiếu ở nơi khác, gồm các mẫu từ mẫu số 11/HĐBC đến mẫu số 13/HĐBC;

4. Mẫu phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, gồm mẫu số 14/HĐBC-QH;

5. Mẫu phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp, gồm các mẫu từ mẫu số 15/HĐBC-HĐND đến mẫu số 17/HĐBC-HĐND;

6. Mẫu biên bản kiểm phiếu, biên bản xác nhận kết quả bầu cử, biên bản tổng kết bầu cử và các loại mẫu khác phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội, gồm các mẫu từ mẫu số 18/HĐBC-QH đến mẫu số 23/HĐBC-QH;

7. Mẫu biên bản kiểm phiếu, biên bản xác nhận kết quả bầu cử, biên bản tổng kết bầu cử và các loại mẫu khác phục vụ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, gồm các mẫu từ mẫu số 24/HĐBC-HĐND đến mẫu số 28/HĐBC-HĐND;

8. Các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử, gồm các mẫu từ mẫu số 29/HĐBC đến mẫu số 41/HĐBC.

(File điện tử các mẫu văn bản trong công tác ứng cử có thể tải về từ Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia <http://hoidongbaucu.quochoi.vn>).

Điều 2. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:

a) Đơn ứng cử: đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội thực hiện theo mẫu số 01/HĐBC-QH; đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 06/HĐBC-HĐND;

b) Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú: đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội thực hiện theo mẫu số 02/HĐBC-QH, đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 07/HĐBC-HĐND;

c) Tiểu sử tóm tắt: đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội thực hiện theo mẫu số 03/HĐBC-QH, đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 08/HĐBC-HĐND;

d) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử: đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội thực hiện theo

mẫu số 04/HĐBC-QH, đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo mẫu số 09/HĐBC-HĐND;

đ) Mỗi bộ hồ sơ ứng cử của người ứng cử gửi kèm theo 03 ảnh chân dung màu, nền trắng, cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt).

2. Người ứng cử thực hiện việc kê khai các nội dung đầy đủ, chính xác theo hướng dẫn trong các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo Nghị quyết này. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

3. Ảnh chân dung của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ứng cử. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.

Điều 3. Nộp hồ sơ ứng cử

1. Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như sau:

a) Người được tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân,

cơ quan nhà nước ở Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tổ giúp việc Tiểu ban nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội);

b) Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi mình cư trú hoặc công tác thường xuyên;

c) Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử.

2. Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 là trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021. Riêng thứ Bảy, ngày 13 tháng 3 năm 2021 và Chủ nhật, ngày 14 tháng 3 năm 2021, Tiểu ban nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

3. Ủy ban bầu cử các cấp có trách nhiệm thông báo công khai về địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Điều 4. Nội quy phòng bỏ phiếu

Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết Nội quy phòng bỏ phiếu. Nội quy phòng bỏ phiếu gồm các nội dung sau đây:

1. Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;
2. Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai;

3. Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu;

4. Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu dưới bất kỳ hình thức nào;

5. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;

6. Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu;

7. Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;

8. Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu

cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

PHỤ LỤC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG
ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng bầu cử
quốc gia hướng dẫn mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu
bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các mẫu văn bản
sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV

Kính gửi: (1).....

1. Họ và tên thường dùng: (2).....

2. Họ và tên khai sinh: (3).....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính:.....

5. Quốc tịch: (4).....

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5).....

7. Quê quán: (6).....

8. Nơi đăng ký thường trú: (7).....

Nơi ở hiện nay: (8).....

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9).....

Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:

10. Dân tộc: (10)..... 11. Tôn giáo: (11)....

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12).....

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13).....

- Học vị: (14)..... Học hàm: (15).....

- Lý luận chính trị: (16).....

- Ngoại ngữ: (17).....

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18).....

14. Chức vụ (19):

- Chúc vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác:

- Chúc vụ trong Đảng, đoàn thể:

15. Nơi công tác: (20).....

16. Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:..... Số điện thoại nhà riêng:

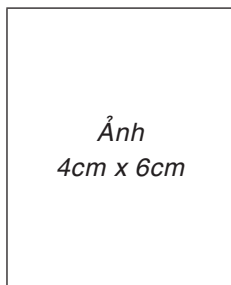
Số điện thoại di động:..... E-mail:

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026.

....., ngày tháng năm 2021

Ký tên

(Ký và ghi rõ họ và tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV

1. Họ và tên thường dùng: (2).....
2. Họ và tên khai sinh: (3).....
- Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính:.....
5. Quốc tịch: (4).....
6. Nơi đăng ký khai sinh: (5).....
7. Quê quán: (6).....
8. Nơi đăng ký thường trú: (7).....
- Nơi ở hiện nay: (8).....
9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9).....
- Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....
10. Dân tộc: (10)..... 11. Tôn giáo: (11).....
12. Trình độ:
 - Giáo dục phổ thông: (12)
 - Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)
 - Học vị: (14)..... Học hàm: (15)
 - Lý luận chính trị: (16)
 - Ngoại ngữ: (17)

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)
- Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:
- Ngạch:..... Mã ngạch
 - Bạc lương (nếu có):..... Hệ số lương:..... Ngày hưởng
 - Phụ cấp chức vụ (nếu có):
14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: (19)
15. Nơi công tác: (20)
16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ: (21)
- Ngày vào Đảng:...../...../.....
 - Ngày chính thức:/...../.....; Số thẻ đảng viên:
 - Chức vụ trong Đảng:
 - Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):
 - Lý do ra khỏi Đảng:
17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: (22)
- Tên tổ chức đoàn thể:
 - Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:
18. Tình trạng sức khỏe: (23)
19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: (24).....
-
20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25).....

.....

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):

.....
 22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....
 nhiệm kỳ.....

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm
đến tháng.....năm.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)

24. Họ và tên cha:.....
 Sinh ngày.....tháng.....năm.....

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

25. Họ và tên mẹ:.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

26. Họ và tên vợ (chồng):.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

27. Họ và tên con thứ nhất:.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.

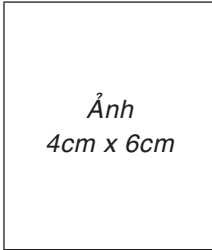
Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ quan,
tổ chức, đơn vị nơi làm việc
hoặc Ủy ban nhân dân
cấp xã nơi cư trú**

....., ngày.....tháng.....năm 2021

Ký tên

(Ký và ghi rõ họ và tên)



**TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV**

1. Họ và tên thường dùng: (2).....
2. Họ và tên khai sinh: (3).....
- Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Giới tính:.....
5. Quốc tịch: (4)
6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)
7. Quê quán: (6)
8. Nơi đăng ký thường trú: (7)
- Nơi ở hiện nay: (8)
9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)
- Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:
10. Dân tộc: (10)..... 11. Tôn giáo: (11)
12. Trình độ:
 - Giáo dục phổ thông: (12)
 - Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)
 - Học vị: (14)..... Học hàm: (15)

- Lý luận chính trị: (16)
- Ngoại ngữ: (17)
- 13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)
- 14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công
tác: (19)
- 15. Nơi công tác: (20)
- 16. Ngày vào Đảng: (21)/...../
- Ngày chính thức:/...../.....; Số thẻ đảng
viên
- Chức vụ trong Đảng:
- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):
- Lý do ra khỏi Đảng:
- 17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn
thể: (22)
- Tên tổ chức đoàn thể:
- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:
- 18. Tình trạng sức khỏe: (23)
- 19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao
tặng: (24).....
- 20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp
dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25).....
-
- 21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):
- 22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....
- nhiệm kỳ.....

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm
đến tháng.....năm.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2021

Ký tên

(Ký và ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP (27)
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV**

(Ngày.....tháng.....năm 2021)^(27.2)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân^(27.3): Ngày cấp:..... nơi cấp:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc^(27.4):

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Ngày cấp:..... nơi cấp:

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Ngày cấp:..... nơi cấp:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN^(27.5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất^(27.6):

1.1. Đất ở^(27.7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ²^(27.8):.....

- Diện tích^(27.9):.....

- Giá trị^(27.10):.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng^(27.11):

- Thông tin khác (nếu có)^(27.12):

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác^(27.13):

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị^(27.10):

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:.....

- Địa chỉ:.....

- Loại nhà^(27.14):

- Diện tích sử dụng^(27.15):

- Giá trị^(27.10):

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác^(27.16):

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....

- Diện tích:.....

- Giá trị^(27.10):.....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....

- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất^(27.17):

3.1. Cây lâu năm^(27.18):

- Loại cây:..... Số lượng:.....

Giá trị^(27.10):.....

- Loại cây:..... Số lượng:.....
Giá trị^(27.10):

3.2. Rừng sản xuất^(27.19):

- Loại rừng:..... Diện tích:.....
Giá trị^(27.10):

- Loại rừng:..... Diện tích:.....
Giá trị^(27.10):

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:.....
Giá trị^(27.10):

- Tên gọi:..... Số lượng:.....
Giá trị^(27.10):

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên^(27.20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên^(27.21).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....
Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:.....
Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....
Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:.....
Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp^(27.22):

- Hình thức góp vốn:.....
Giá trị:

- Hình thức góp vốn:.....
Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác^(27.23):

- Tên giấy tờ có giá:.....
Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:.....
Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)^(27.24):

- Tên tài sản:.....
Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:.....
Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác^(27.25):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu
sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài^(27.26):

.....

9. Tài khoản ở nước ngoài^(27.27):

- Tên chủ tài khoản:.....,
số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi
mở tài khoản:

***Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là
đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật.***

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV

(Kèm theo các mẫu số 01, 02, 03, 04/HĐBC-QH)

(1) Nơi nhận: Ghi Hội đồng bầu cử quốc gia (nếu là người được cơ quan, tổ chức ở Trung ương giới thiệu ứng cử); ghi tên Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi mình ứng cử (nếu là người do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử).

(2) Họ và tên thường dùng: Ghi họ, chữ đệm (nếu có) và tên thường dùng bằng chữ in hoa, đối với người hoạt động tôn giáo thì ghi theo chức danh tôn giáo (ví dụ: HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A).

(3) Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy khai sinh, bằng chữ in hoa (Ví dụ: NGUYỄN THỊ A).

(4) Quốc tịch: Ghi rõ **“Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác”**; trường hợp đang có cả quốc tịch nước khác hoặc đang làm thủ tục xin gia nhập quốc tịch nước khác thì ghi rõ thông tin về các quốc tịch đang có hoặc đang xin gia nhập.

(5) Nơi đăng ký khai sinh: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh hoặc tương đương nơi đã cấp Giấy khai sinh hoặc nơi mình được sinh ra trong trường hợp không có Giấy khai sinh.

(6) Quê quán: Ghi nơi sinh của ông nội hay nơi sinh của cha; trường hợp cá biệt có thể ghi theo nơi sinh của mẹ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ); ghi rõ tên hiện nay của xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

(7) Nơi đăng ký thường trú: Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trên Sổ hộ khẩu.

(8) Nơi ở hiện nay: Ghi nơi cư trú thường xuyên, nếu trùng với nơi đăng ký thường trú thì ghi **“Như trên”**. Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản, ấp...), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

(9) Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: Ghi một trong các số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc số căn cước công dân; trường hợp là Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân thì ghi số giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

(10) Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân theo Giấy khai sinh như: Kinh, Thái, Tày, Mường, Khmer....

(11) Tôn giáo: Ghi rõ tên tôn giáo (như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Hồi giáo...) và chức sắc, chức việc trong tôn giáo (nếu có)

(như Giám mục, Linh mục, Mục sư, Hòa thượng, Đại đức, Ni sư...). Trường hợp không theo tôn giáo nào thì ghi **“không”**.

(12) Trình độ giáo dục phổ thông: Ghi rõ lớp cao nhất đã học xong trong hệ đào tạo 10 năm hay 12 năm, học phổ thông hay bổ túc hoặc cấp học đã tốt nghiệp (Ví dụ: đã học hết lớp 9 phổ thông hệ 10 năm thì ghi là **“9/10 phổ thông”**, đã học xong lớp 12 phổ thông hệ 12 năm thì dù đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học phổ thông thì đều ghi là **“12/12 phổ thông”**,...).

(13) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ghi rõ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp..., chuyên ngành gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp.

(14) Học vị: Ghi rõ học vị (nếu có) là Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ hoặc tương đương và chuyên ngành đào tạo.

(15) Học hàm: Ghi rõ danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Giáo sư, Phó giáo sư, Viện sĩ....

(16) Lý luận chính trị: Ghi rõ trình độ cao nhất theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân.

(17) Ngoại ngữ: Ghi rõ biết tiếng nước nào và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thì ghi đại học tiếng Anh, tiếng Pháp...; nếu học theo hệ bồi dưỡng thì viết là: Anh, Pháp... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Trường hợp có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế

cấp còn thời hạn như: IELTS; TOEFL... hoặc khung B1, B2 châu Âu thì khai theo chứng chỉ được cấp. Trường hợp đã học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài thì khai theo văn bằng được cấp và ngôn ngữ theo học (Ví dụ: Thạc sĩ luật - Tiếng Anh...). Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì viết rõ tên dân tộc đó.

(18) Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ nghề nghiệp đang làm.

(19) Chức vụ: Ghi rõ chức vụ chính quyền, hàm cấp (lực lượng vũ trang, ngoại giao...); chức vụ trong Đảng, đoàn thể đang đảm nhiệm.

(20) Nơi công tác: Ghi rõ nơi đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì ghi nơi công tác hoặc làm việc thường xuyên (nơi làm việc chính).

(21) Nếu là Đảng viên thì ghi rõ ngày, tháng, năm được kết nạp vào Đảng, ngày chính thức (như trong lý lịch Đảng viên). Nếu đã ra khỏi Đảng thì ghi rõ tháng, năm nào và lý do ra khỏi Đảng.

(22) Ghi rõ là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nào; đang giữ chức vụ gì trong tổ chức (nếu có).

(23) Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: tốt, trung bình, kém.

(24) Chỉ khai những hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cao nhất trong từng loại đối với cá nhân

và viết rõ tên, hạng, được tặng năm nào (Ví dụ: được tặng Huân chương Lao động hạng 2, 3 thì chỉ ghi Huân chương Lao động hạng 2; được tặng Huân chương Độc lập hạng 1, 2, 3 thì chỉ ghi Huân chương Độc lập hạng 1... hoặc danh hiệu được phong tặng: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Chiến sĩ thi đua toàn quốc...).

(25) Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể), gồm có:

- Kỷ luật về Đảng: khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách theo quy định của Đảng.

- Kỷ luật hành chính: các biện pháp xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Xử lý vi phạm hành chính: các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xử lý hình sự: các hình phạt chính và hình phạt bổ sung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp đã bị kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hành chính trong thời gian 01 năm tính đến ngày làm hồ sơ ứng cử thì ghi rõ tên cơ quan ra quyết định, thời gian ra quyết định, lý do bị kỷ luật, xử lý và hình thức, thời hạn xử lý.

Trường hợp bị kết án về hình sự mà chưa được xóa án tích thì ghi rõ số bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thời gian ra bản án, quyết định, tội danh, hình phạt bị áp dụng.

Nếu không có hoặc đã bị xử lý nhưng không thuộc các trường hợp kể trên thì ghi **“Không bị kỷ luật, không có án tích”**.

(26) Ghi đầy đủ thông tin về những người thân thích (gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật). Trường hợp những người thân thích đã nghỉ hưu hoặc không còn công tác, làm việc thì ghi rõ nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu hoặc thôi công tác, làm việc; trường hợp đã mất thì ghi rõ mất năm nào, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc, nơi ở cuối cùng trước khi mất. Trường hợp những người thân thích đã từng là đảng viên nhưng bị khai trừ, bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng thì phải ghi rõ trong Sơ yếu lý lịch.

(27) Việc kê khai đối với Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng đại biểu Quốc hội khóa XV thực hiện theo Hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cụ thể như sau:

(27.2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(27.3) Ghi số căn cước công dân; trường hợp chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; ghi rõ ngày cấp và cơ quan cấp.

(27.4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

(27.5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(27.6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(27.7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(27.8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(27.9) Ghi diện tích đất (m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(27.10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc

nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(27.11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(27.12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (Ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(27.13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(27.14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(27.15) Ghi tổng diện tích (m^2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của Nhà nước.

(27.16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(27.17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(27.19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(27.20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(27.22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(27.23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(27.24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27.27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

Mẫu số 05/HĐBC-QH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN (1)

V/v nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV

Vào hồi giờ.... ngày.... tháng.... năm 2021, (2)
.....đã nhận Hồ sơ ứng cử đại biểu
Quốc hội khóa XV của ông/bà.....
Địa chỉ:
Số điện thoại liên hệ:
Hồ sơ gồm có:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV		
2.	Sơ yếu lý lịch		
3.	Tiểu sử tóm tắt		
4.	Bản kê khai tài sản, thu nhập		
5.	Ảnh 4cm x 6cm		

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Người nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm tiếp nhận,

kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận này cho người nộp hồ sơ ứng cử.

(2) Ghi Tiểu ban nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc ghi tên Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Mẫu số 06/HĐBC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỦNG CỬ

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1).....

NHIỆM KỲ 2021-2026

Kính gửi: Ủy ban bầu cử (1).....

1. Họ và tên thường dùng: (2)

2. Họ và tên khai sinh: (3)

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):

3. Ngày, tháng, năm sinh:.....

4. Giới tính:

5. Quốc tịch: (4)

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)

7. Quê quán: (6)

8. Nơi đăng ký thường trú: (7)

Nơi ở hiện nay: (8)

9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)

.....Ngày cấp:.....

..... Cơ quan cấp:

10. Dân tộc: (10).....

11. Tôn giáo: (11)

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: (12)

- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13).....

- Học vị: (14)..... Học hàm: (15)

- Lý luận chính trị: (16).....

- Ngoại ngữ: (17)

13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)

14. Chức vụ (19):

- Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác:

- Chức vụ trong Đảng, đoàn thể:

15. Nơi công tác: (20).....

16. Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:.....

Số điện thoại nhà riêng:

Số điện thoại di động:.....

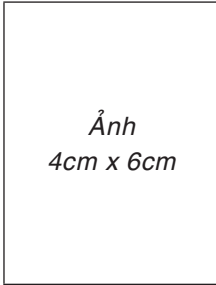
E-mail:

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1)..... nhiệm kỳ 2021-2026.

....., ngày.... tháng năm 2021

Ký tên

(Ký và ghi rõ họ và tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1).....
NHIỆM KỲ 2021-2026

1. Họ và tên thường dùng: (2).....
2. Họ và tên khai sinh: (3)
- Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Giới tính:
5. Quốc tịch: (4)
6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)
7. Quê quán: (6)
8. Nơi đăng ký thường trú: (7)
- Nơi ở hiện nay: (8)
9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)
- Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:
10. Dân tộc: (10).....
11. Tôn giáo: (11)
12. Trình độ:.....
- Giáo dục phổ thông: (12)
- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)
- Học vị: (14)..... Học hàm: (15)

- Lý luận chính trị: (16)
- Ngoại ngữ: (17)
- 13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)
- Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:
 - Ngạch:..... Mã ngạch
 - Bậc lương (nếu có):..... Hệ số lương:.....
- Ngày hưởng
- Phụ cấp chức vụ (nếu có):
- 14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: (19)
- 15. Nơi công tác: (20)
- 16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ: (21)
 - Ngày vào Đảng:/...../.....
 - Ngày chính thức:/...../.....; Số thẻ đảng viên:
 - Chức vụ trong Đảng:
 - Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):
 - Lý do ra khỏi Đảng:
- 17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: (22)
- Tên tổ chức đoàn thể:
- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:
- 18. Tình trạng sức khỏe: (23)
- 19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: (24).....
-

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25).....

.....

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....
..... nhiệm kỳ.....

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm
đến tháng.....năm.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)

24. Họ và tên cha:.....

Sinh ngày tháng năm.....

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

25. Họ và tên mẹ:..... Sinh ngày tháng năm.....

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

26. Họ và tên vợ (chồng):..... Sinh ngày tháng năm

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

27. Họ và tên con thứ nhất:..... Sinh ngày tháng năm

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.

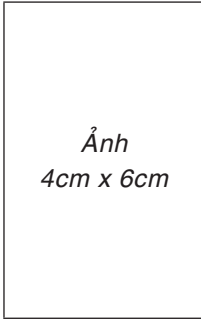
Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của cơ quan,
tổ chức, đơn vị nơi làm việc
hoặc Ủy ban nhân dân
cấp xã nơi cư trú**

....., ngày tháng năm 2021

Ký tên

(Ký và ghi rõ họ và tên)



**TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1).....
NHIỆM KỲ 2021-2026**

1. Họ và tên thường dùng: (2)
2. Họ và tên khai sinh: (3)
- Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh:.....
4. Giới tính:.....
5. Quốc tịch: (4)
6. Nơi đăng ký khai sinh: (5)
7. Quê quán: (6)
8. Nơi đăng ký thường trú: (7)
- Nơi ở hiện nay: (8)
9. Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: (9)
-Ngày cấp:.....Cơ quan cấp:
10. Dân tộc: (10).....
11. Tôn giáo: (11)
12. Trình độ:
 - Giáo dục phổ thông: (12)
 - Chuyên môn, nghiệp vụ: (13)

- Học vị: (14).....
- Học hàm: (15)
- Lý luận chính trị: (16)
- Ngoại ngữ: (17)
- 13. Nghề nghiệp hiện nay: (18)
- 14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công
tác: (19)
- 15. Nơi công tác: (20)
- 16. Ngày vào Đảng: (21)/...../
- Ngày chính thức:/.../.....; Số thẻ đảng viên
- Chức vụ trong Đảng:
- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có)
- Lý do ra khỏi Đảng:
- 17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn
thể: (22)
- Tên tổ chức đoàn thể:
- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:
- 18. Tình trạng sức khỏe: (23)
- 19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao
tặng: (24).....
- 20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp
dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): (25).....
-
- 21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):.....
-
- 22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....
- nhiệm kỳ.....

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm
đến tháng.....năm.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2021

Ký tên

(Ký và ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP (27)
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1).....
NHIỆM KỲ 2021-2026**

(Ngày tháng năm 2021)^(27.2)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân^(27.3):

Ngày cấp: nơi cấp:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:.....

. Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc^(27.4):

- Nơi thường trú:

- Sổ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

Ngày cấp:..... nơi cấp:

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi thường trú:

- Sổ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:Ngày cấp:..... nơi cấp:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN^(27.5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất^(27.6):

1.1. Đất ở^(27.7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ^(27.8):.....

- Diện tích^(27.9):.....

- Giá trị^(27.10):.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng^(27.11):

- Thông tin khác (nếu có)^(27.12):

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác^(27.13):

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:
- Giá trị^(27.10):
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:.....

- Địa chỉ:.....
- Loại nhà^(27.14):
- Diện tích sử dụng ^(27.15):
- Giá trị^(27.10):
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác^(27.16):

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....
- Diện tích:.....
- Giá trị ^(27.10):.....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất^(27.17):
- 3.1. Cây lâu năm^(27.18):
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị^(27.10):.....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị^(27.10):.....
- 3.2. Rừng sản xuất^(27.19):
- Loại rừng:..... Diện tích:.....
- Giá trị^(27.10):
- Loại rừng:..... Diện tích:.....
- Giá trị^(27.10):
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
- Tên gọi:..... Số lượng:.....
- Giá trị^(27.10):
- Tên gọi:..... Số lượng:.....
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên^(27.20).
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên^(27.21).
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
- 6.1. Cổ phiếu:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:.....
- Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:.....
- Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:.....

Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:.....

Giá trị:

6.3. Vốn góp^(27.22):

- Hình thức góp vốn:.....

Giá trị:

- Hình thức góp vốn:.....

Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác^(27.23):

- Tên giấy tờ có giá:.....

Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:.....

Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)^(27.24):

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:.....

Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:.....

Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)^(27.25):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:.....

Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:.....

Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài^(27.26):

9. Tài khoản ở nước ngoài^(27.27):

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi
mở tài khoản:

***Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là
đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật.***

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2021-2026

(Kèm theo các mẫu số 06, 07, 08, 09/HĐBC-HĐND)

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Họ và tên thường dùng: Ghi họ, chữ đệm (nếu có) và tên thường dùng bằng chữ in hoa, đối với người hoạt động tôn giáo thì ghi theo chức danh tôn giáo (ví dụ: HÒA THUƠNG THÍCH THANH A...).

(3) Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy khai sinh, bằng chữ in hoa (Ví dụ: NGUYỄN THỊ A).

(4) Quốc tịch: Ghi rõ **“Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác”**; trường hợp đang có cả quốc tịch nước khác hoặc đang làm thủ tục xin gia nhập quốc tịch nước khác thì ghi rõ thông tin về các quốc tịch đang có hoặc đang xin gia nhập.

(5) Nơi đăng ký khai sinh: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh hoặc tương đương nơi đã cấp Giấy khai sinh hoặc nơi mình được sinh ra trong trường hợp không có Giấy khai sinh.

(6) Quê quán: Ghi nơi sinh của ông nội hay nơi sinh của cha; trường hợp cá biệt có thể ghi theo nơi sinh của mẹ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ); ghi rõ tên hiện nay của xã (phường, thị trấn),

huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

(7) Nơi đăng ký thường trú: Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trên Sổ hộ khẩu;

(8) Nơi ở hiện nay: Ghi nơi cư trú thường xuyên, nếu trùng với nơi đăng ký thường trú thì ghi **“Như trên”**. Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản, ấp...), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).

(9) Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân: Ghi một trong các số giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ chiếu hoặc sổ căn cước công dân; trường hợp là Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân thì ghi số giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

(10) Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân theo Giấy khai sinh như: Kinh, Thái, Tày, Mường, Khmer...

(11) Tôn giáo: Ghi rõ tên tôn giáo (như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo...) và chức sắc, chức việc trong tôn giáo (nếu có) (như Giám mục, Linh mục, Mục sư, Hòa thượng, Đại đức, Ni sư...). Trường hợp không theo tôn giáo nào thì ghi **“Không”**.

(12) Trình độ giáo dục phổ thông: Ghi rõ lớp cao nhất đã học xong trong hệ đào tạo 10 năm hay 12 năm,

học phổ thông hay bổ túc hoặc cấp học đã tốt nghiệp (Ví dụ: đã học hết lớp 9 phổ thông hệ 10 năm thì ghi là **“9/10 phổ thông”**, đã học xong lớp 12 phổ thông hệ 12 năm thì dù đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học phổ thông thì đều ghi là **“12/12 phổ thông”**,...).

(13) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ghi rõ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp..., chuyên ngành gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp.

(14) Học vị: Ghi rõ học vị (nếu có) là Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ hoặc tương đương và chuyên ngành đào tạo.

(15) Học hàm: Ghi rõ danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Giáo sư, Phó giáo sư, Viện sĩ...

(16) Lý luận chính trị: Ghi rõ trình độ cao nhất theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân.

(17) Ngoại ngữ: Ghi rõ biết tiếng nước nào và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thì ghi đại học tiếng Anh, tiếng Pháp...; nếu học theo hệ bồi dưỡng thì viết là: Anh, Pháp... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Trường hợp có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế cấp còn thời hạn như: IELTS; TOEFL... hoặc khung B1, B2 châu Âu thì khai theo chứng chỉ được cấp. Trường hợp đã học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài thì khai theo văn bằng được cấp và ngôn ngữ theo học (Ví dụ: Thạc sĩ luật - Tiếng Anh...).

Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì ghi rõ tên dân tộc đó.

(18) Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ nghề nghiệp đang làm.

(19) Chức vụ: Ghi rõ chức vụ chính quyền, hàm cấp (lực lượng vũ trang, ngoại giao...); chức vụ trong Đảng, đoàn thể đang đảm nhiệm.

(20) Nơi công tác: Ghi rõ nơi đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì ghi nơi công tác hoặc làm việc thường xuyên (nơi làm việc chính).

(21) Nếu là Đảng viên thì ghi rõ ngày, tháng, năm được kết nạp vào Đảng, ngày chính thức (như trong lý lịch Đảng viên). Nếu đã ra khỏi Đảng thì ghi rõ tháng, năm nào và lý do ra khỏi Đảng.

(22) Ghi rõ là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nào; đang giữ chức vụ gì trong tổ chức (nếu có).

(23) Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: tốt, trung bình, kém.

(24) Chỉ khai những hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cao nhất trong từng loại đối với cá nhân và viết rõ tên, hạng, được tặng năm nào (Ví dụ: được tặng Huân chương lao động hạng 2, 3 thì chỉ ghi Huân chương lao động hạng 2; được tặng Huân chương độc lập hạng 1, 2, 3 thì chỉ ghi được Huân chương độc lập hạng 1... hoặc danh hiệu được phong tặng: Anh hùng lao động,

Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Chiến sĩ thi đua toàn quốc...).

(25) Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể) gồm có:

- Kỷ luật về Đảng: khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách theo quy định của Đảng.

- Kỷ luật hành chính: các biện pháp xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Xử lý vi phạm hành chính: các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xử lý hình sự: các hình phạt chính và hình phạt bổ sung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp đã bị kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hành chính trong thời gian 01 năm tính đến ngày làm hồ sơ ứng cử thì ghi rõ tên cơ quan ra quyết định, thời gian ra quyết định, lý do bị kỷ luật, xử lý và hình thức, thời hạn xử lý.

Trường hợp bị kết án về hình sự mà chưa được xóa án tích thì ghi rõ số bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thời gian ra bản án, quyết định, tội danh, hình phạt bị áp dụng.

Nếu không có hoặc đã bị xử lý nhưng không thuộc các trường hợp kể trên thì ghi **“Không bị kỷ luật, không có án tích”**.

(26) Ghi đầy đủ thông tin về những người thân thích (gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi

theo quy định của pháp luật). Trường hợp những người thân thích đã nghỉ hưu hoặc không còn công tác, làm việc thì ghi rõ nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu hoặc thôi công tác, làm việc; trường hợp đã mất thì ghi rõ mất năm nào, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc, nơi ở cuối cùng trước khi mất. Trường hợp những người thân thích đã từng là đảng viên nhưng bị khai trừ, bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng thì phải ghi rõ trong Sơ yếu lý lịch.

(27) Việc kê khai đối với Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện theo Hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cụ thể như sau:

(27.2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(27.3) Ghi số căn cước công dân; trường hợp chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; ghi rõ ngày cấp và cơ quan cấp.

(27.4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

(27.5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ

hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(27.6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(27.7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(27.8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(27.9) Ghi diện tích đất (m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(27.10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại

thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(27.11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(27.12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (Ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(27.13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(27.14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(27.15) Ghi tổng diện tích (m^2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo

giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của Nhà nước.

(27.16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(27.17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(27.19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(27.20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(27.22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(27.23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(27.24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử

dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(27.26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27.27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

Mẫu số 10/HĐBC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN (1)

V/v nộp hồ sơ ứng cử đại biểu

Hội đồng nhân dân (2).....

Nhiệm kỳ 2021-2026

Vào hồi..... giờ.... ngày.... tháng.... năm 2021, Ủy ban
bầu cử (2)..... đã nhận Hồ sơ ứng cử đại
biểu Hội đồng nhân dân (2)..... nhiệm kỳ
2021-2026 của ông/bà

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:

Hồ sơ gồm có:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân		
2.	Sơ yếu lý lịch		
3.	Tiểu sử tóm tắt		
4.	Bản kê khai tài sản, thu nhập		
5.	Ảnh 4cm x 6cm		

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Người nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận này cho người nộp hồ sơ ứng cử.

(2) Ghi tên đơn vị hành chính nơi người nộp hồ sơ đăng ký ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM(1)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
THẺ CỬ TRI BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026	
Họ và tên:.....	
Ngày, tháng, năm sinh: (2)	
Giới tính:.....	
Nơi cư trú: (3).....	
SỐ THẺ CỬ TRI: (4).....	Ngày tháng năm 2021
KHU VỰC BỎ PHIẾU SỐ:	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã/phường/thị trấn:.....	CHỦ TỊCH (5)
Huyện/quận/thị xã/thành phố:	(Ký, ghi rõ họ và tên,
.....	đóng dấu của UBND)
Tỉnh/thành phố:	

Ghi chú:

Kích thước Thẻ cử tri bằng một trang giấy A6 (10,5cm x 14,8cm) theo chiều ngang khổ giấy.

(1) Ghi tên xã, phường, thị trấn; đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì ghi tên huyện.

(2) Ghi theo ngày, tháng, năm sinh trong danh sách cử tri.

(3) Ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú mà cử tri lựa chọn để tham gia bỏ phiếu bầu cử (như đã ghi trong Danh sách cử tri).

Đối với cử tri là quân nhân tham gia bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị vũ trang đóng quân; ở nơi không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì ghi tên huyện.

Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì ghi tên trại tạm giam, cơ quan công an đang thực hiện việc tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(4) Số thẻ cử tri được ghi theo số thứ tự tương ứng trong danh sách cử tri.

(5) Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký tên và đóng dấu.

Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay Chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu ý:

- Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức việc lập danh sách cử tri, ghi Thẻ cử tri đối với các cử tri là quân nhân trong đơn vị và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, đóng dấu vào danh sách cử tri và Thẻ cử tri.

- Khi cử tri bầu cử xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước Thẻ cử tri.

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(1)..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỂ CỬ TRI THAM GIA BỎ PHIẾU Ở NƠI KHÁC**

Họ và tên cử tri:
Ngày, tháng, năm sinh:
Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân:.....
Nơi thường trú đã ghi trên Thẻ cử tri: (2)
Nơi ở hiện nay (3)
Đã được ghi tên vào danh sách cử tri (số Thẻ cử tri (4).....)
thuộc khu vực bỏ phiếu số: (5)..... xã/phường/thị trấn: (6) ..
....., huyện/quận/thị xã/thành phố: (7).....
....., tỉnh/thành phố:(8).....
Nay đăng ký bỏ phiếu tại xã/phường/thị trấn: (9)
....., huyện/quận/thị xã/thành phố: (10).....,
tỉnh/thành phố(11)
Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn: (9)
..... bổ sung tên cử tri vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử
tại địa phương.

Ngày tháng năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH (12)
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của UBND)

Ghi chú:

Kích thước Giấy chứng nhận để cử tri tham gia bầu cử ở nơi khác bằng một trang giấy A5 (14,8cm x 21cm) theo chiều ngang khổ giấy.

(1) Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã cấp Thẻ cử tri; đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì ghi tên huyện.

(2) Ghi địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà cử tri đã đăng ký tham gia bỏ phiếu trước đó như đã ghi trên Thẻ cử tri.

(3) Ghi nơi mới chuyển đến cư trú nếu khác với địa chỉ ở trên.

(4) Ghi số Thẻ cử tri đã được cấp.

(5) Ghi số Khu vực bỏ phiếu đã được ghi trong Thẻ cử tri đã được cấp.

(6), (7), (8) Ghi tên đơn vị hành chính đã được xác định trong Thẻ cử tri đã được cấp.

(9), (10), (11) Ghi tên đơn vị hành chính cử tri đăng ký chuyển đến bỏ phiếu.

(12) Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký tên và đóng dấu.

Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay Chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu ý: Khi cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào mục “Ghi chú” trong danh sách cử tri tại khu vực bầu cử thuộc địa phương mình cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác” tương ứng với dòng có họ tên của cử tri được cấp Giấy chứng nhận.

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬ TRI LÀ QUÂN NHÂN THAM GIA BỎ PHIẾU Ở NƠI CƯ TRÚ

Họ và tên cử tri:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân/Chứng minh sĩ quan

QĐND:

Là quân nhân tại đơn vị: (1)

Nơi cư trú (2)

Đã được ghi tên vào danh sách cử tri (số Thẻ cử tri (3).....)
thuộc khu vực bỏ phiếu số: (4)..... xã/phường/thị trấn: (5)

....., huyện/quận/thị xã/thành phố: (6).....
....., tỉnh/thành phố: (7)..... là nơi đơn vị

đóng quân. Nay đăng ký bỏ phiếu tại xã/phường/thị trấn: (8)

....., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: (9).....

....., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (10)

..... là nơi cử tri cư trú.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn: (8)

..... bổ sung tên cử tri vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử
tại địa phương.

Ngày tháng năm 2021

CHỈ HUY TRƯỞNG

(Ký ghi rõ họ và tên, đóng dấu của đơn vị)

Ghi chú:

Kích thước Giấy chứng nhận cử tri là quân nhân tham gia
bỏ phiếu ở nơi cư trú bằng một trang giấy A5 (21cm x 14,8cm)
theo chiều ngang khổ giấy.

- (1) Ghi tên Đơn vị vũ trang nhân dân.
- (2) Ghi nơi quân nhân đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú ngoài phạm vi đơn vị vũ trang nhân dân.
- (3) Ghi số Thẻ cử tri đã được cấp (nếu có).
- (4) Ghi số Khu vực bỏ phiếu đã được ghi trong Danh sách cử tri hoặc Thẻ cử tri đã được cấp.
- (5), (6), (7) Ghi tên đơn vị hành chính được xác định trong Danh sách cử tri hoặc Thẻ cử tri đã được cấp.
- (8), (9), (10) Ghi tên đơn vị hành chính mà cử tri đăng ký thường trú.

Lưu ý: Khi cấp Giấy chứng nhận, Đơn vị vũ trang nhân dân nơi có cử tri là quân nhân phải ghi ngay vào mục “Ghi chú” trong Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú” tương ứng với dòng có họ tên của cử tri được cấp Giấy chứng nhận.

Đơn vị bầu cử số:	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tỉnh/Thành phố	Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Vị trí đóng dấu của Tổ bầu cử	
PHIẾU BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV	
Được bầu (1)..... đại biểu	
(2)
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội bằng một trang giấy A5 (21 cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi số lượng đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(2) Phần ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trên Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ “Ông” hoặc “Bà” tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Đơn vị bầu cử số: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tỉnh/Thành phố:..... **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Vị trí đóng dấu của
Tổ bầu cử

PHIẾU BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ (1)
KHÓA (2) NHIỆM KỲ 2021-2026

Được bầu (3)..... đại biểu

(4)
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bằng một trang giấy A5 (21 cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương.

(2) Ghi rõ khóa của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

(3) Ghi số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(4) Phần ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trên Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ “Ông” hoặc “Bà” tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Đơn vị bầu cử số:	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Huyện/Quận/Thị xã/	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố:.....	_____
Vị trí đóng dấu của Tổ bầu cử	
PHIẾU BẦU CỬ	
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ (1)	
KHÓA (2) NHIỆM KỲ 2021-2026	
Được bầu (3)..... đại biểu	
(4)	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện bằng một trang giấy A5 (21 cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi rõ tên huyện, quận, thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

(2) Ghi rõ khóa của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

(3) Ghi số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện được bầu do Ủy ban bầu cử ở cấp huyện ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(4) Phần ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ “Ông” hoặc “Bà” tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Đơn vị bầu cử số:
Xã/Phường/Thị trấn.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**Vị trí đóng dấu của
Tổ bầu cử**

PHIẾU BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN (1)
KHÓA (2) NHIỆM KỲ 2021-2026

Được bầu (3)..... đại biểu

(4)
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bằng một trang giấy A5 (21 cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi rõ tên xã, phường, thị trấn.

(2) Ghi rõ khóa của Hội đồng nhân dân cấp xã.

(3) Ghi số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu do Ủy ban bầu cử ở cấp xã ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(4) Phân ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ “Ông” hoặc “Bà” tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2021

BÁO CÁO VỀ DỰ KIẾN PHÂN BỐ NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHOÁ XV THEO ĐƠN VỊ BẦU CỬ

1. Đơn vị bầu cử số 1 (gồm⁽¹⁾

STT	Họ và tên ⁽²⁾	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay ⁽³⁾	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ ⁽⁴⁾	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu Quốc hội (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị						
1																		
2																		
...																		

2. Đơn vị bầu cử số 2 (gồm⁽¹⁾)⁽³⁾

TM. ỦY BAN BẦU CỬ CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội tương ứng (có thể bao gồm huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).
- (2) Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội xếp theo vần chữ cái A, B, C,...
- (3) Từ đơn vị bầu cử số 2 trở lên thể hiện như đơn vị bầu cử thứ nhất.

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2021

DANH SÁCH CHÍNH THỨC
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV Ở ĐƠN VỊ BẦU CỬ
SỐ⁽¹⁾.....

GỒM⁽²⁾

(Theo Nghị quyết số ngày ... tháng ... năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia)

STT	Họ và tên ^(a)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay ^(b)	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ ^(c)	Nơi công tác	Ngày vào Đảng hội (nếu có)	Là đại biểu Quốc hội (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
...																		

- Tổng số người ứng cử đại biểu Quốc hội trong danh sách này là:
- người;
- Số đại biểu Quốc hội được bầu:người.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

- (1) Ghi số của đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.
- (2) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội (có thể bao gồm huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).
- (3) Danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội xếp theo vần chữ cái A, B, C,...

Tỉnh /Thành phố:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Huyện/Quận/ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Thị xã/Thành phố:.....
Xã/Phường/
Thị trấn:.....

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
CỦA TỔ BẦU CỬ**

Khu vực bỏ phiếu số: xã/phường/thị trấn:.....

Đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số

Gồm⁽¹⁾

Ngày tháng năm 2021, Tổ bầu cử gồm có:

1. Ông/Bà, Tổ trưởng
2. Ông/Bà, Thư ký
3. Ông/Bà, Ủy viên
4. Ông/Bà, Ủy viên
5.

Đã họp tại phòng bỏ phiếu của khu vực bỏ phiếu số

..... xã/phường/thị trấn

thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số

..... để tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc
hội khóa XV.

Đúng giờ phút⁽²⁾, ngày tháng.... năm 2021,
trước khi thực hiện việc bỏ phiếu, đại diện Tổ bầu cử đã
kiểm tra hòm phiếu với sự chứng kiến của hai cử tri là:

1. Ông/Bà:
Nơi ở hiện nay:

2. Ông/Bà:
Nơi ở hiện nay:

Sau đó, Tổ bầu cử đã khóa và niêm phong hòm phiếu lại, mời cử tri bắt đầu bỏ phiếu.

Đúng giờ phút⁽³⁾, ngày tháng năm 2021, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc cuộc bầu cử và tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử đã mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông/Bà:
Nơi ở hiện nay:

2. Ông/Bà:
Nơi ở hiện nay:

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành kiểm kê và lập biên bản về việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội.

Kết quả cuộc bầu cử như sau:

- Số đại biểu Quốc hội được ấn định cho đơn vị bầu cửngười

- Số người ứng cử:
.....người

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu:
.....người⁽⁴⁾

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:
.....người

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri:%

- Số phiếu phát ra:
.....phiếu

- Số phiếu thu vào:
.....phiếu

- Số phiếu hợp lệ:phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào: %

- Số phiếu không hợp lệ:phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau⁽⁵⁾:

1. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ

2. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ

3. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ

4. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ

5. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ

.....
.....

Trong ngày bầu cử và thời gian kiểm phiếu, đã xảy ra sự việc hoặc khiếu nại, tố cáo sau đây⁽⁶⁾

.....
.....
Những vấn đề hoặc khiếu nại, tố cáo mà Tổ bầu cử chưa giải quyết được và kiến nghị.⁽⁷⁾
.....
.....

Biên bản này được hoàn thành vào hồigiờ ...phút⁽⁸⁾, ngày... tháng...năm 2021, được lập thành 03 bản và được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.⁽⁹⁾

**CỦ TRI THỨ NHẤT
CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM PHIẾU**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**TM. TỔ BẦU CỬ
TỔ TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên, đóng dấu
của Tổ bầu cử)

**THỦ KÝ
TỔ BẦU CỬ**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**CỦ TRI THỨ HAI
CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM PHIẾU**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

Ghi chú: Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp huyện trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

(2) Ghi thời điểm bắt đầu việc bỏ phiếu.

(3) Ghi thời điểm kết thúc việc bỏ phiếu.

(4) Số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu (cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu).

(5) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội.

(6) Tóm tắt những sự việc xảy ra hoặc khiếu nại, tố cáo và cách giải quyết của Tổ bầu cử.

(7) Ghi rõ vấn đề, khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết và kiến nghị.

(8) Ghi thời điểm kết thúc việc kiểm phiếu.

(9) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử.

Số phiếu bầu sau khi đã được kiểm được tiến hành niêm phong và quản lý theo hướng dẫn tại Điều 13 của Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ.

BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU

QUỐC HỘI

ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
Ở ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ.....

Gồm ⁽¹⁾

Hồi giờ phút, ngày tháng năm
2021, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội gồm có:

1. Ông/Bà....., Trưởng ban
2. Ông/Bà....., Phó Trưởng ban
3. Ông/Bà....., Phó Trưởng ban
4. Ông/Bà, Ủy viên
5.

Đã họp tại để
lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XV tại các khu vực bỏ phiếu của đơn vị bầu cử đại
biểu Quốc hội số: gồm⁽¹⁾
..... thuộc tỉnh/thành phố

Theo Nghị quyết số: /NQ-HĐBCQG ngày...
tháng...năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì đơn
vị bầu cử số: được bầu⁽²⁾ đại biểu Quốc hội.

Theo Nghị quyết số.../NQ-HĐBCQG ngày tháng năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số có ⁽³⁾ người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Sau khi kiểm tra và tổng hợp kết quả từ Biên bản kết quả kiểm phiếu do các Tổ bầu cử chuyển đến, kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử số như sau:

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:người.
- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:người.
- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử: %
- Số phiếu phát ra: phiếu.
- Số phiếu thu vào: phiếu.
- Số phiếu hợp lệ:phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%
- Số phiếu không hợp lệ:phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%

SỐ PHIẾU BẦU CHO MỖI NGƯỜI ỨNG CỬ⁽⁴⁾

Tên huyện/ quận/ thị xã/ thành phố trong phạm vi đơn vị bầu cử	Số khu vực bỏ phiếu của mỗi huyện, quận, thị xã, thành phố	Số phiếu bầu cho ông (bà)	Số phiếu bầu cho ông (bà)	Số phiếu bầu cho ông (bà)	Số phiếu bầu cho ông (bà)	Số phiếu bầu cho ông (bà)	Ghi chú

Tổng cộng:							
Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	%%%%%	

Căn cứ vào kết quả ghi trên đây, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội kết luận:

a) Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu đạt% so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.

(5)

b) Các ông/bà có tên sau đây nhận được quá nửa tổng số phiếu hợp lệ và có nhiều phiếu hơn, đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV⁽⁶⁾:

1. Ông/Bàsố phiếu:đạt:% so với tổng số phiếu hợp lệ.

2. Ông/Bàsố phiếu:đạt:% so với tổng số phiếu hợp lệ.

3. Ông/Bàsố phiếu:đạt:% so với tổng số phiếu hợp lệ.

c) Theo ấn định của Hội đồng bầu cử quốc gia thì số đại biểu Quốc hội được bầu ở đơn vị bầu cử số là đại biểu, nay đã bầu được đại biểu, còn thiếu....đại biểu.

(7)

d) Tóm tắt những việc xảy ra ⁽⁸⁾:
.....

đ) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do các Tổ bầu cử đã giải quyết⁽⁹⁾:

e) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do Ban bầu cử đã giải quyết, cách giải quyết⁽¹⁰⁾:

g) Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng bầu cử quốc gia⁽¹¹⁾:

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV ở đơn vị bầu cử số được lập thành 03 bản và được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.⁽¹²⁾

Các tài liệu kèm theo gồm⁽¹³⁾:

1

2

**TM. BAN BẦU CỬ
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ban bầu cử)

CÁC PHÓ TRƯỞNG BAN BẦU CỬ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp huyện trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội (có thể bao gồm huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

(2) Ghi rõ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu tại đơn vị bầu cử theo Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia.

(3) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Hội đồng bầu cử quốc gia công bố.

(4) Xếp các cột và số phiếu bầu cho từng người ứng cử bắt đầu từ trái sang phải theo thứ tự trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã công bố.

(5) Trường hợp số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử thì viết thêm như sau: *“Vì số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử, nên cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số không có giá trị. Đề nghị Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại tại đơn vị bầu cử”*.

(6) Xếp tên người trúng cử theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(7) Trường hợp đã bầu được đủ số lượng đại biểu thì ghi tổng số đại biểu đã trúng cử và ghi “0” vào số đại biểu còn thiếu. Trường hợp không có người ứng cử nào được quá nửa tổng số phiếu hợp lệ hoặc số người trúng cử ít hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử thì ghi rõ số lượng còn thiếu và viết thêm như sau: *“Vì số người trúng cử đại biểu Quốc hội chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử nên đề nghị Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, quyết định việc bầu cử thêm tại đơn vị bầu cử”*.

(8) Ghi rõ những việc bất thường đã xảy ra; nếu không có việc gì xảy ra thì ghi “Không có”.

(9), (10), (11) Ghi rõ các đơn thư, nội dung khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử chuyển đến; nếu không có thì ghi “Không có”.

(12) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử.

(13) Ví dụ như các đơn khiếu nại, tố cáo hay tờ trình, báo cáo của Tổ bầu cử.

Việc xác định kết quả trong bầu cử lại, bầu cử thêm được Ban bầu cử đại biểu Quốc hội lập thành biên bản riêng với các nội dung theo Mẫu số 21/HĐBC-QH.

**ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

**BIÊN BẢN
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
Ở TỈNH/THÀNH PHỐ**

Vào hồi giờ phút, ngày ... tháng ... năm 2021,
Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố gồm có:

1. Ông/Bà, Chủ tịch
2. Ông/Bà, Phó Chủ tịch
3. Ông/Bà, Phó Chủ tịch
4. Ông/Bà, Ủy viên
- 5

.....

Đã họp tạiđể lập biên
bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV
ở tỉnh/thành phố

Theo Nghị quyết số/NQ-HĐBCQG ngày...
tháng...năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì tỉnh/
thành phố được bầu ⁽¹⁾
..... đại biểu Quốc hội.

Theo Nghị quyết số/NQ-HĐBCQG ngày
tháng năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì

tỉnh/thành phố có ⁽²⁾
 người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Sau khi kiểm tra Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh/thành phố....., như sau:

1. Số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri đã tham gia bỏ phiếu tại địa phương như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số ... Gồm ⁽³⁾								
2.	Đơn vị bầu cử số ... Gồm ⁽³⁾								
3.	Đơn vị bầu cử số ... Gồm ⁽³⁾								
	Tổng cộng:								

2. Các đơn vị bầu cử có số cử tri đã tham gia bỏ phiếu chưa đạt quá nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, phải tổ chức bầu cử lại gồm:⁽⁴⁾

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử lại như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử lại)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số ... Gồm ⁽³⁾								
2.								
Tổng cộng:									

3. Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Quốc hội như sau:⁽⁵⁾

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử ĐBQH ⁽⁶⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số Gồm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số Gồm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			
				

4. Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử ĐBQH ⁽⁷⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số Gồm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			
				
2.	Đơn vị bầu cử số Gồm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			

5. Các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm, gồm⁽⁸⁾

.....

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử thêm như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử lại)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số ... Gồm ⁽³⁾								
2.								
...									
Tổng cộng:									

Kết quả bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử ĐBQH ⁽⁶⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số Góm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			
2.				

Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội sau khi bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử ĐBQH ⁽⁷⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số Góm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số Góm ⁽³⁾	1.			
		2.			
		3.			

6. Những khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử, Ban bầu cử đã giải quyết:

.....
.....

7. Những việc quan trọng đã xảy ra và cách giải quyết:

.....
.....

8. Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử đã giải quyết:

.....
.....

9. Những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia:

.....
.....

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh/thành phố được lập thành 04 bản và được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.⁽⁹⁾

Các tài liệu kèm theo gồm⁽¹⁰⁾:

1.
2.

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

**CÁC PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN BẦU CỬ**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi rõ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia.

(2) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội tại các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Hội đồng bầu cử quốc gia công bố.

(3) Ghi tên các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi đơn vị bầu cử.

(4) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử lại thì ghi “Không có” và không điền nội dung trong bảng tổng hợp kết quả kèm theo mục này.

(5) Ghi kết quả phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Quốc hội theo bảng kèm theo. Trường hợp đơn vị bầu cử phải tổ chức bầu cử lại thì ghi kết quả bầu cử lại.

(6) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội.

(7) Xếp theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(8) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử thêm thì ghi “Không có” và không điền nội dung trong bản tổng hợp kết quả kèm theo mục này.

(9) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử.

(10) Ví dụ như các đơn khiếu nại, tố cáo hay tờ trình, báo cáo của Tổ bầu cử, Ban bầu cử.

Tỉnh/Thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢO CÁO VỀ DANH SÁCH

NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV

(Bầu cử ngày ... tháng năm 2021)

STT	Họ và tên (*)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày đăng ký (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
...																		

....., ngày ... tháng ... năm 2021

TRƯỞNG BAN BẦU CỬ

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ban bầu cử)

(*) Ghi đầy đủ họ và tên người trúng cử tại đơn vị bầu cử, xếp tên theo vần chữ cái A, B, C.

ỦY BAN BẦU CỬ
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHÍNH THỨC
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN⁽¹⁾.....
KHÓA..... NHIỆM KỲ 2021-2026

Đơn vị bầu cử số:

Gồm⁽²⁾.....

STT	Họ và tên ⁽³⁾	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ				
1																	
2																	
...																	

Tổng số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp⁽⁴⁾ trong danh sách này là:người;

Số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp⁽⁴⁾ được bầu tại đơn vị bầu cử số là:người.

(1)....., ngày ... tháng ... năm 2021

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,

đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi thành lập Ủy ban bầu cử (Ví dụ Tỉnh A, Thành phố B, Huyện C, Xã D...).

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính hoặc thôn, tổ dân phố hợp thành đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(3) Danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được xếp theo vần chữ cái A, B, C.

(4) Cấp tổ chức bầu cử (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

Tỉnh/Thành phố:
Huyện/Quận/Thị xã/
Thành phố:
Xã/Phường/Thị trấn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN⁽¹⁾.....
KHÓA NHIỆM KỲ 2021-2026
CỦA TỔ BẦU CỬ

Khu vực bỏ phiếu số:
.....xã/phường/thị trấn:.....
Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾
.....số:

Gồm⁽²⁾

Ngày tháng năm 2021, Tổ bầu cử gồm có:

1. Ông/Bà, Tổ trưởng
2. Ông/Bà, Thư ký
3. Ông/Bà, Ủy viên
4. Ông/Bà, Ủy viên
5.

.....
Đã họp tại phòng bỏ phiếu của khu vực bỏ phiếu số
..... xã/phường/thị trấn thuộc
đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾ số
..... để tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa nhiệm kỳ 2021-2026.

Đúng giờ phút⁽³⁾, ngày tháng.... năm 2021, trước khi thực hiện việc bỏ phiếu, đại diện Tổ bầu cử đã kiểm tra hòm phiếu với sự chứng kiến của hai cử tri là:

1. Ông/Bà:

Nơi ở hiện nay:

2. Ông/Bà:

Nơi ở hiện nay:

Sau đó, Tổ bầu cử đã khoá và niêm phong hòm phiếu lại, mời cử tri bắt đầu bỏ phiếu.

Đúng giờ phút⁽⁴⁾, ngày tháng năm 2021, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc cuộc bầu cử và tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử đã mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông/BàNơi ở hiện nay:

2. Ông/BàNơi ở hiện nay:

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành kiểm kê và lập biên bản về việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Kết quả cuộc bầu cử như sau:

- Số đại biểu Hội đồng nhân dân được ấn định cho đơn vị bầu cử: người

- Số người ứng cử: người

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu:
..... người⁽⁵⁾

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:
..... người
- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri%
- Số phiếu phát ra:
.....phiếu
- Số phiếu thu vào:
.....phiếu
- Số phiếu hợp lệ: phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%
- Số phiếu không hợp lệ: phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau:⁽⁶⁾
 1. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ
 2. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ
 3. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ
 4. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ
 5. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ
 6. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ
 7. Ông/Bà
được phiếu/..... phiếu hợp lệ.....

.....
.....
Trong ngày bầu cử và thời gian kiểm phiếu, đã xảy ra sự việc hoặc khiếu nại, tố cáo sau đây:⁽⁷⁾
.....
.....

Những vấn đề hoặc khiếu nại, tố cáo mà Tổ bầu cử chưa giải quyết được và kiến nghị:⁽⁸⁾
.....
.....

Biên bản này được hoàn thành vào hồigiờ ...phút⁽⁹⁾, ngày... tháng...năm 2021, được lập thành 03 bản và được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.⁽¹⁰⁾

**CỬ TRI THỨ NHẤT
CHỨNG KIẾN VIỆC
KIỂM PHIẾU**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**TM. TỔ BẦU CỬ
TỔ TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ
và tên, đóng dấu
của Tổ bầu cử)

**THỦ KÝ
TỔ BẦU CỬ**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**CỬ TRI THỨ HAI
CHỨNG KIẾN VIỆC
KIỂM PHIẾU**
(Ký, ghi rõ họ
và tên)

Ghi chú: Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tổ chức bầu cử đại

biểu Hội đồng nhân dân (ví dụ Tỉnh A, Thành phố B, Huyện C, Xã D...).

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng ở mỗi cấp.

(3) Ghi thời điểm bắt đầu việc bỏ phiếu.

(4) Ghi thời điểm kết thúc việc bỏ phiếu.

(5) Số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu (cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu).

(6) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng.

(7) Tóm tắt những sự việc xảy ra hoặc khiếu nại, tố cáo và cách giải quyết của Tổ bầu cử.

(8) Ghi rõ vấn đề, khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết và kiến nghị.

(9) Ghi thời điểm kết thúc việc kiểm phiếu.

(10) Tổ bầu cử lập 03 loại biên bản theo mẫu này để thể hiện kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp, cụ thể như sau:

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có Tổ bầu cử;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân

dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có Tổ bầu cử;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có Tổ bầu cử.

Các biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử.

Số phiếu bầu sau khi đã được kiểm được tiến hành niêm phong và quản lý theo hướng dẫn tại Điều 13 của Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ.

**BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

.....(1).....
ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)
Ở ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ
Gồm ⁽²⁾**

Vào hồi giờ..... phút, ngày ... tháng ... năm 2021,
Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾.....
..... gồm có:

1. Ông/Bà, Trưởng Ban
2. Ông/Bà, Phó Trưởng ban
3. Ông/Bà, Phó Trưởng ban
4. Ông/Bà, Ủy viên
5.

.....
Đã họp tại để
lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng
nhân dân⁽¹⁾ khóa,
nhiệm kỳ 2021-2026 tại các khu vực bỏ phiếu của đơn vị
bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân số gồm ⁽²⁾

.....
Theo Nghị quyết số/NQ-UBBC ngày tháng
..... năm 2021 của Ủy ban bầu cử ⁽¹⁾ thì

đơn vị bầu cử số được bầu ⁽³⁾ đại biểu Hội đồng nhân dân.

Theo Nghị quyết số/NQ-UBBC ngày tháng năm 2021 của Ủy ban bầu cử ⁽¹⁾ thì đơn vị bầu cử số có ⁽⁴⁾ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Sau khi kiểm tra và tổng hợp kết quả từ Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến, kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾ ở đơn vị bầu cử số như sau:

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:
.....người

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:
..... người

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:%

- Số phiếu phát ra: phiếu

- Số phiếu thu vào: phiếu

- Số phiếu hợp lệ:phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%

- Số phiếu không hợp lệ:phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:%

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau:

1. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

2. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

3. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

4. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

5. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

6. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

7. Ông/Bàđượcphiếu/
.....phiếu hợp lệ

.....
.....

**Căn cứ vào kết quả ghi trên đây, Ban bầu cử đại
biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾ kết luận:**

a) Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu đạt% so với
tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.

⁽⁵⁾
.....

b) Các ông/bà có tên sau đây nhận được quá nửa tổng
số phiếu hợp lệ và có nhiều phiếu hơn, đã trúng cử đại
biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾ khóa
....., nhiệm kỳ 2021-2026⁽⁶⁾:

1. Ông/Bà số phiếu:..... đạt:
..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

2. Ông/Bà số phiếu:..... đạt:
..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

3. Ông/Bà số phiếu:..... đạt:
..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

4. Ông/Bà số phiếu:..... đạt:
..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

.....
.....
c) Theo ấn định của Ủy ban bầu cử⁽¹⁾,
thì số đại biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾
được bầu ở đơn vị bầu cử số là đại biểu, nay đã
bầu được đại biểu, còn thiếu đại biểu.

(7)

.....
d) Tóm tắt những việc xảy ra⁽⁸⁾:

.....
đ) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do
các Tổ bầu cử đã giải quyết⁽⁹⁾:

.....
e) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do
Ban bầu cử đã giải quyết, cách giải quyết ⁽¹⁰⁾:

.....
g) Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu
cử ⁽¹¹⁾:

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng
nhân dân ⁽¹⁾ ở đơn vị bầu cử số
được lập thành 04 bản và được gửi đến Ủy ban bầu cử,
Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ⁽¹⁾
.....⁽¹²⁾.

Các tài liệu kèm theo⁽¹³⁾:

1.

.....

2.

.....

TM. BAN BẦU CỬ

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ban bầu cử)

CÁC PHÓ TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng ở mỗi cấp.

(3) Ghi rõ số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại đơn vị bầu cử theo Nghị quyết của Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó.

(4) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó đã công bố.

(5) Trường hợp số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử thì viết thêm như sau: “Vì số

*cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử, nên cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1).....
..... tại đơn vị bầu cử số không có giá trị. Đề nghị Ủy ban bầu cử (1) xem xét, quyết định việc bầu cử lại tại đơn vị bầu cử”.*

(6) Xếp tên người trúng cử theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(7) Trường hợp đã bầu được đủ số lượng đại biểu thì ghi tổng số đại biểu đã trúng cử và ghi “0” vào số đại biểu còn thiếu. Trường hợp không có người ứng cử nào được quá nửa số phiếu hợp lệ hoặc số người trúng cử ít hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử thì ghi rõ số lượng còn thiếu và viết thêm như sau: *“Vì số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử nên đề nghị Ủy ban bầu cử (1) xem xét, quyết định việc bầu cử thêm tại đơn vị bầu cử”.*

(8) Ghi rõ những việc bất thường đã xảy ra; nếu không có việc gì xảy ra thì ghi “Không có”.

(9), (10), (11) Ghi rõ các đơn thư, nội dung khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử chuyển đến; nếu không có thì ghi “Không có”.

(12) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử.

(13) Ví dụ như các đơn khiếu nại, tố cáo hay tờ trình, báo cáo của Tổ bầu cử.

Việc xác định kết quả trong bầu cử lại, bầu cử thêm được Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân lập thành biên bản riêng với các nội dung theo Mẫu số 26/HĐBC-HĐND.

ỦY BAN BẦU CỬ

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN TỔNG KẾT CUỘC BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)
KHÓA, NHIỆM KỲ 2021-2026**

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm
2021, Ủy ban bầu cử (1) gồm có:

1. Ông/Bà, Chủ tịch
2. Ông/Bà, Phó Chủ tịch
3. Ông/Bà, Phó Chủ tịch
4. Ông/Bà, Ủy viên
5.

.....
Đã họp tại để lập biên bản tổng
kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1)
khóa, nhiệm kỳ 2021-2026.

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa
phương thì (1) được bầu (2) đại
biểu Hội đồng nhân dân. Theo Nghị quyết số/NQ-
UBBC ngày tháng năm 2021 của Ủy ban bầu cử (1)
....., có tổng cộng (3) người ứng cử
đại biểu Hội đồng nhân dân (1) khóa,
nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi kiểm tra Biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử xác nhận kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾ khóa, nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri tham gia bỏ phiếu tại địa phương như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số..... Góm ⁽⁴⁾								
2.	Đơn vị bầu cử số..... Góm ⁽⁴⁾								
3.								
Tổng cộng:									

2. Các đơn vị bầu cử có số cử tri đã tham gia bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, phải tổ chức bầu cử lại gồm⁽⁵⁾:

.....

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử lại như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử lại)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số... Gồm ⁽⁴⁾								
2.	Đơn vị bầu cử số... Gồm ⁽⁴⁾								

3. Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:⁽⁶⁾

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND ⁽⁷⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3.			
3.					

4. Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾ khóa, nhiệm kỳ 2021-2026 theo từng đơn vị bầu cử như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử đại biểu HĐND ⁽⁸⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3.			

2.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3.			
3.					

5. Các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu do Ủy ban bầu cử ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm gồm⁽⁹⁾:

.....
.....

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử thêm như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử thêm)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số... Gồm ⁽⁴⁾								
2.								
...									
Tổng cộng:									

Kết quả bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND ⁽⁷⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3			
2.				

Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾ khóa, nhiệm kỳ 2021-2026 sau khi bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử đại biểu HĐND ⁽²⁾	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số..... Gồm ⁽⁴⁾	1.			
		2.			
		3.			

6. Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết:

.....

7. Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử đã giải quyết:

.....

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾ khóa, nhiệm kỳ 2021-2026 được lập thành 06 bản và được gửi đến⁽¹⁰⁾

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

CÁC PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Ghi rõ số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại đơn vị bầu cử theo Nghị quyết của Ủy ban bầu cử ở cấp đó.

(3) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tổ chức bầu cử theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ủy ban bầu cử đã công bố.

(4) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng ở mỗi cấp.

(5) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử lại thì ghi “Không có” và không điền nội dung trong bảng thống kê kết quả kèm theo mục này.

(6) Ghi kết quả phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo bảng kèm theo. Trường hợp đơn vị bầu cử phải tổ chức bầu cử lại thì ghi kết quả bầu cử lại.

(7) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(8) Xếp theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(9) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử thêm thì ghi “Không có”.

(10) Đối với Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã thì ghi gửi đến “*Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cấp trên trực tiếp*”.

Đối với Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì ghi gửi đến “*Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*”.

ỦY BAN BẦU CỬ
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)KHÓA.....
NHIỆM KỲ 2021-2026

STT	Họ và tên ⁽²⁾	Đơn vị bầu cử ⁽³⁾	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tên giáo quán	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ				Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
										Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ				
1																		
2																		
...																		

Số đại biểu được bầu của HĐND:⁽¹⁾ đại biểu.
Tổng số người trúng cử trong danh sách này là: người.

(1) ngày.. tháng năm 2021

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên đơn vị hành chính tổ chức bầu cử.
- (2) Ghi đầy đủ họ và tên người trúng cử, xếp tên theo vần chữ cái A, B, C.
- (3) Ghi số đơn vị bầu cử mà người trúng cử đã ứng cử.

**ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBBC

....., ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình và kết quả sơ bộ cuộc bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: Hội đồng bầu cử quốc gia,

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRONG NGÀY BẦU CỬ

1. Việc tổ chức khai mạc bầu cử.
2. Diễn biến cuộc bầu cử; tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu.
3. Không khí ngày bầu cử, dư luận trong Nhân dân về cuộc bầu cử và những người ứng cử.
4. Những thuận lợi, khó khăn về giao thông, thông tin liên lạc, thời tiết ảnh hưởng đến việc bầu cử.
5. Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong quá trình diễn ra cuộc bầu cử.
6. Các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho cuộc bầu cử.
7. Những tình huống phát sinh cần xin ý kiến chỉ đạo giải quyết (nếu có).

II. KẾT QUẢ SƠ BỘ CUỘC BẦU CỬ

1. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

2. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

3. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại do có dưới 50% tổng số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu; số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử thêm do bầu không đủ số lượng đại biểu được ấn định.

4. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu bị hủy kết quả bầu cử do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Trên đây là Báo cáo tình hình và kết quả sơ bộ của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (có kèm theo Biểu thống kê sơ bộ kết quả bầu cử theo Mẫu số 30/HĐBC), Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố trân trọng báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Bộ Nội vụ;
-;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021

BIỂU THỐNG KÊ SƠ BỘ KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

I. KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Cử tri		Đơn vị bầu cử					Khu vực bỏ phiếu					Phiếu bầu cử				Tỷ lệ phiếu hợp lệ/ thu vào (%)
		Tổng số cử tri (trong danh sách)	Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu (%)	Tổng số đơn vị bầu cử	Số đơn vị có dưới 50% tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu	Số đơn vị bị hủy kết quả bầu cử	Số đơn vị phải bầu cử lại	Số đơn vị phải bầu cử thêm	Tổng số khu vực bỏ phiếu	Số khu vực có dưới 50% tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu	Số khu vực phải bầu cử lại	Số khu vực phải bầu cử thêm	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào	Tỷ lệ phiếu thu vào/ phát ra (%)		
I	ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI																	
II	ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																	

[illegible]

II. CƠ CẤU, THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

[illegible]

III. CƠ CẤU NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

[illegible]

IV. THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Số TT	Cấp bầu cử	Số đại biểu trúng cử	Cơ quan Đảng		Chính quyền		UBMTTQVN và tổ chức thành viên		Tòa án nhân dân		Viện kiểm sát nhân dân		Quân đội, Công an		Cơ quan, đơn vị khác	
			Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Cấp tỉnh															
2	Cấp huyện															
3	Cấp xã															

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

**ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBBC

....., ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Hội đồng bầu cử quốc gia,

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.

2. Việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử, xác định và ấn định số đơn vị bầu cử, số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Việc tuyên truyền, vận động trong Nhân dân về cuộc bầu cử; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với cuộc bầu cử; công tác hiệp thương; việc tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử cho các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử.

4. Việc lập và niêm yết danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, tổ chức tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

5. Công tác giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến cuộc bầu cử.

6. Công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

7. Về kinh phí và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho cuộc bầu cử.

8. Những việc quan trọng xảy ra và kết quả giải quyết.

II. KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ

1. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

2. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

3. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại do có dưới 50% tổng số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu; số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử thêm do bầu không đủ số lượng đại biểu được ấn định.

4. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu bị hủy kết quả bầu cử do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và kết quả đạt được.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất.

2. Kiến nghị.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 *(có kèm theo Biểu thống kê chính thức kết quả bầu cử theo Mẫu số 32/HĐBC)*, Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố trân trọng báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Bộ Nội vụ;
-;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021

BIỂU THỐNG KÊ CHÍNH THỨC KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

I. KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Cử tri		Đơn vị bầu cử							Khu vực bỏ phiếu					Phiếu bầu cử				Tỷ lệ phiếu hợp lệ thu vào (%)
		Tổng số cử tri (trong danh sách)	Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu (%)	Tổng số đơn vị bầu cử	Số đơn vị chỉ có 01 khu vực bỏ phiếu	Số đơn vị có dưới 50% tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Số đơn vị bị hủy kết quả bầu cử	Số đơn vị phải bầu cử lại	Số đơn vị phải bầu cử thêm	Số đơn vị phải bầu cử thêm	Tổng số khu vực bỏ phiếu	Số khu vực có dưới 50% tổng số cử tri bỏ phiếu	Số khu vực bị hủy kết quả bầu cử lại	Số khu vực phải bầu cử thêm	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào	Tỷ lệ phiếu thu vào/ phát ra (%)		
1	ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI																			

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN														
1	Cấp tỉnh													
2	Cấp huyện													
3	Cấp xã													
	Tổng cộng													

II. CƠ CẤU, THÀNH PHẦN NGƯỜI TRUNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Số đại biểu được ấn định	Số đại biểu trúng cử	Nữ	Dân tộc thiểu số	Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi)	Ngoài Đảng	Tái cử	Tôn giáo	Tự ứng cử	Trình độ chuyên môn		Trình độ lý luận chính trị			Cơ quan đăng	Chính quyền	UBMT TQVN và tổ chức thành viên	Tòa án nhân dân	Viện kiểm sát nhân dân	Quản đối, Công an	Cơ quan, đơn vị khác
									Dưới đại học	Đại học	Sau đại học	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân						

III. CƠ CẤU NGƯỜI TRUNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Số TT	Cấp bầu cử	Số đại biểu được bầu	Số đại biểu trúng cử	Nữ		Dân tộc thiểu số		Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi)			Ngoài Đảng		Tái cử (tỷ lệ so với số người trung cử)	Tôn giáo		Tự ứng cử		Trình độ chuyên môn (tỷ lệ %)			Trình độ lý luận chính trị (tỷ lệ %)		
				Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người		Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Dưới đại học	Sau đại học	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
1	Cấp tỉnh																						
2	Cấp huyện																						
3	Cấp xã																						

IV. THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Số TT	Cấp bầu cử	Số DB trúng cử	Cơ quan Đảng		Chính quyền		UBMTTQVN và tổ chức thành viên		Tòa án nhân dân		Viện kiểm sát nhân dân		Quân đội, Công an		Cơ quan, đơn vị khác	
			Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Cấp tỉnh															
2	Cấp huyện															
3	Cấp xã															

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(*) Đơn vị bầu thiếu là đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có số người trúng cử chưa đủ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ấn định cho đơn vị bầu cử đó hoặc đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có số người trúng cử chưa đủ 2/3 số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN (*).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021

DANH SÁCH CỬ TRI
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026

Khu vực bỏ phiếu số (**) thuộc xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị xã/ thành phố tỉnh/ thành phố

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Nghề nghiệp	Nơi cư trú		Bầu cử ĐBQH	Bầu cử đại biểu HĐND			Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	Thường trú	Tạm trú	(8)	Tỉnh	Huyện	Xã	(12)
							(7a)	(7b)	(8)	(9)	(10)	(11)	
1													
2													
	Tổng số												

Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu là: người; trong đó có: Nam;
..... Nữ.

Cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội: người;

Cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh người;

Cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện..... người;

Cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã người;

Danh sách này được lập tạingàythángnăm 2021.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^(*)**

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,

đóng dấu của Ủy ban nhân dân)

Ghi chú:

(*) Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì ghi Ủy ban nhân dân huyện và tên huyện.

(**) Ghi số thứ tự của khu vực bỏ phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cử tri ở địa phương về việc lập danh

sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Các cử tri đang đăng ký thường trú tại địa bàn được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi mình thường trú; trường hợp cử tri có nguyện vọng bỏ phiếu ở nơi khác thì cần thông báo lại để Ủy ban nhân dân cấp xã không ghi tên vào danh sách cử tri ở địa phương. Trong quá trình lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ghi vào danh sách những cử tri đang đăng ký tạm trú ở địa phương mình nếu cử tri đó thể hiện rõ nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi mình tạm trú (có thể bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói với người có trách nhiệm, ví dụ như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã...).

Việc điền thông tin ở các nội dung trong bảng danh sách được thực hiện như sau:

- Cột (1) ghi họ và tên cử tri xếp theo hộ gia đình hoặc theo tổ chức, đơn vị nơi cử tri đăng ký tham gia bỏ phiếu (ví dụ bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đơn vị vũ trang nhân dân,...). Trường hợp danh sách lập theo hộ gia đình thì tên chủ hộ xếp lên đầu; các hộ xếp theo thứ tự từ đầu xóm đến cuối xóm (ở nông thôn), từ đầu phố đến cuối phố (ở thành thị) hoặc theo một thứ tự thích hợp với đặc điểm của địa phương.
- Cột (2) cần ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh. Đối với cử tri sinh từ năm 2002 trở về trước, nếu không xác định được chính xác ngày sinh, tháng sinh thì chỉ cần ghi năm sinh.
- Các cột (3), (4) đánh dấu (X) theo giới tính của cử tri.
- Cột (5) ghi rõ: Kinh, Tày, Nùng,...

- Cột (6) ghi rõ: cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, lực lượng vũ trang, công nhân, nông dân, nội trợ, hưu trí...
- Cột (7a), (7b) chỉ ghi địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của cử tri vào cột tương ứng tùy theo nơi cử tri có nguyện vọng đăng ký tham gia bỏ phiếu.
- + Trường hợp cử tri đăng ký bỏ phiếu ở nơi tạm trú thì ghi chú vào cột (12) thời gian bắt đầu đăng ký tạm trú.
- + Trường hợp cử tri là quân nhân đăng ký bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị đóng quân.
- + Trường hợp cử tri là đối tượng quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri đăng ký bỏ phiếu theo tổ chức, đơn vị (bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, cơ sở cách ly phòng chống dịch bệnh...) thì ghi tên và địa chỉ của tổ chức, đơn vị nơi tổ chức đăng ký lập danh sách cử tri.
- Các cột (8), (9), (10), (11) thực hiện đánh dấu như sau:
 - + Cử tri đăng ký bỏ phiếu ở nơi thường trú hoặc nơi tạm trú có thời gian đăng ký tạm trú từ 12 tháng trở lên tính đến ngày bầu cử thì đánh dấu (X) vào cả 4 cột (8), (9), (10), (11).
 - + Cử tri đăng ký bỏ phiếu tại nơi tạm trú mà thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng tính đến ngày bầu cử, cử tri là quân nhân (lực lượng vũ trang) bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì đánh dấu (X) vào cột (8), (9), (10).

- + Các cử tri còn lại đánh dấu (X) vào cột (8) và (9).
- + Đánh dấu (0) vào các ô còn lại.
- Cột (12) ghi chú cụ thể về các nội dung sau đây:
 - + Đối với cử tri là người tạm trú đăng ký bỏ phiếu tại địa phương thì ghi thời gian bắt đầu đăng ký tạm trú tại địa phương (bắt đầu tạm trú từ năm 2019 trở về trước thì chỉ cần ghi năm; từ năm 2020 đến nay thì ghi rõ tháng và năm) để làm cơ sở xác định số cấp Hội đồng nhân dân mà cử tri được tham gia bầu cử.
 - + Cử tri thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì ghi “Người đang bị tạm giam”, “Người đang bị tạm giữ” “Người đang chấp hành biện pháp...”.
 - + Cử tri đã được cấp Giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác thì ghi “Bỏ phiếu ở nơi khác”; cử tri là quân nhân đã xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú thì ghi “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.
 - + Cử tri được bổ sung vào danh sách cử tri theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì ghi “Cử tri không cư trú ở địa phương”.
 - + Việc xóa tên trong danh sách cử tri theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 30 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(**) Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký tên và đóng dấu. Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay Chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TỔ BẦU CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VIỆC SỬ DỤNG
PHIẾU BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2021-2026**

Khu vực bỏ phiếu số

Thuộc xã/phường/thị trấn Huyện/
quận/thị xã/thành phố

Tỉnh/thành phố

Vào hồi giờ, ngày tháng năm
2021, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc cuộc bầu
cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân
dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành
kiểm kê và lập biên bản về việc sử dụng phiếu bầu dưới
sự chứng kiến của hai cử tri không phải là người ứng
cử gồm:

1. Ông/BàNơi ở hiện nay:

2. Ông/BàNơi ở hiện nay:

**Kết quả kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử như
sau:**

1. Số phiếu Tổ bầu cử đã nhận về là: phiếu

Trong đó:

Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là: phiếu

2. Số phiếu phát ra là: phiếu

Trong đó:

Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là: phiếu

3. Số phiếu cử tri đổi do gạch hồng là: phiếu

Trong đó:

Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là: phiếu

**4. Số phiếu còn lại không sử dụng đến
là: phiếu**

Trong đó:

Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện là: phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là: phiếu

Sau khi kiểm kê, Tổ bầu cử đã niêm phong toàn bộ số phiếu chưa sử dụng và số phiếu cử tri đổi do gạch hồng.

Biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu được lập thành 06 bản và được gửi đến:

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử số (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đã được niêm phong);

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố, đơn vị bầu cử số (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã được niêm phong);

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố, đơn vị bầu cử số (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện đã được niêm phong);

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn, đơn vị bầu cử số (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đã được niêm phong);

- Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**CỦ TRI
THỨ NHẤT
CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM
PHIẾU**

(Ký, ghi rõ họ
và tên)

**TM. TỔ BẦU CỬ
TỔ TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ
và tên, đóng dấu
của Tổ bầu cử)

....., ngày.... tháng
năm 2021

**THƯ KÝ
TỔ BẦU CỬ**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CỬ TRI
THỨ HAI
CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM
PHIẾU**

(Ký, ghi rõ họ
và tên)

Lưu ý:

- Số phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp chưa sử dụng hoặc cử tri đổi do gạch hỏng được xếp thành từng loại và niêm phong vào các bì riêng, bên ngoài ghi rõ thông tin về Tổ bầu cử, đơn vị hành chính cấp xã nơi có Tổ bầu cử và dòng chữ:

- Phiếu bầu đại biểu Quốc hội chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

- Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố... chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

- Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

- Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

Tổ bầu cử gửi bì niêm phong từng loại phiếu bầu kèm theo Biên bản này đến từng Ban bầu cử tương ứng.

Mẫu số 35/HĐBC-QH

**HỘI ĐỒNG BẦU CỬ
QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../NQ-HĐBCQG

Hà Nội, ngày.... tháng ... năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XV

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Xác nhận ⁽¹⁾ ông, bà (có danh sách kèm theo)⁽²⁾ đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026 có đủ tư cách để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các ông, bà có tên trong danh sách;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- UBTWMTTQVN;
- Lưu: HC,

**TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ
QUỐC GIA
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Hội đồng bầu cử
quốc gia)

Ghi chú:

(1) Ghi tổng số người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội.

(2) Danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội được lập theo Mẫu số 36/HĐBC-QH.

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUỐC GIA⁽¹⁾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN
ĐỦ TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số... ngày... tháng....
năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc
xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XV)*

I. TỈNH/THÀNH PHỐ⁽²⁾

Đơn vị bầu cử số 1⁽³⁾ (Gồm)

1. Bà Nguyễn Thị A⁽⁴⁾...
2. Ông Nguyễn Văn B....

.....

II. TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Đơn vị bầu cử số 1 (Gồm)

.....

Ghi chú:

(1) Đóng dấu treo của Hội đồng bầu cử quốc gia và dấu giáp lai giữa các trang của danh sách.

(2) Tên tỉnh, thành phố được xếp theo vần chữ cái A, B, C

(3) Đơn vị bầu cử được xếp theo số thứ tự.

(4) Tên người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội được xếp theo vần chữ cái A, B, C.

ỦY BAN BẦU CỬ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(1) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../NQ-UBBC (1)....., ngày ... tháng ... năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân
nhiệm kỳ 2021-2026**

ỦY BAN BẦU CỬ⁽¹⁾

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

Xác nhận ⁽²⁾ông, bà (có danh sách kèm theo).....⁽³⁾ đã trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ⁽¹⁾ khóa ⁽⁴⁾, nhiệm kỳ 2021-2026 có đủ tư cách để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các ông bà có tên trong danh sách;
- Thường trực HĐND⁽¹⁾
- Ủy ban nhân dân⁽¹⁾
- UBND⁽¹⁾
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN BẦU CỬ CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tổ chức Ủy ban bầu cử.

(2) Ghi tổng số người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân.

(3) Danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân được lập theo Mẫu số 38/HĐBC-HĐND.

(4) Ghi khóa của Hội đồng nhân dân.

ỦY BAN BẦU CỬ ⁽¹⁾

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN
ĐỦ TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN⁽²⁾
KHÓA⁽³⁾, NHIỆM KỲ 2021-2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/NQ-UBBC
ngày... tháng.... năm 2021 của Ủy ban bầu cử⁽²⁾
về việc xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân
nhiệm kỳ 2021-2026)*

Đơn vị bầu cử số 1⁽⁴⁾ (Gồm⁽⁵⁾)

1. Bà Nguyễn Thị A⁽⁶⁾...
2. Ông Nguyễn Văn B....

Đơn vị bầu cử số 2 (Gồm)

1.
2.

Ghi chú:

- (1) Đóng dấu treo của Ủy ban bầu cử và dấu giáp lai giữa các trang của danh sách.
- (2) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tổ chức Ủy ban bầu cử.
- (3) Ghi khóa của Hội đồng nhân dân.
- (4) Đơn vị bầu cử được xếp theo số thứ tự.

(5) Tên các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi đơn vị bầu cử.

(6) Tên người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân được xếp theo vần chữ cái A,B,C.

Mẫu số 39/HĐBC-QH

**HỘI ĐỒNG BẦU CỬ
QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../HĐBCQG

Hà Nội, ngày... tháng... năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
Đại biểu Quốc hội khóa XV**

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số...../NQ-HĐBCQG ngày... tháng... năm 2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XV;

CHỨNG NHẬN:

Ông/Bà

Sinh ngàythángnăm

Là đại biểu Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026, trúng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số..... thuộc (tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đại biểu ứng cử).

**TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu
của Hội đồng bầu cử quốc gia)

Ghi chú:

Kích thước mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XV bằng một trang giấy A4 (29,7cm x 21 cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Mẫu số 40/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(1)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../UBBC

(1)....., ngày... tháng... năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN

**Đại biểu Hội đồng nhân dân (1)
khóa (2), nhiệm kỳ 2021-2026**

ỦY BAN BẦU CỬ (1)

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-UBBC ngày... tháng... năm... của Ủy ban bầu cử⁽¹⁾ về việc xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026;

CHỨNG NHẬN:

Ông (Bà)

Sinh ngàythángnăm

Là đại biểu Hội đồng nhân dân⁽¹⁾
khóa⁽²⁾, nhiệm kỳ 2021-2026, trúng cử tại đơn vị
bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân số⁽³⁾ thuộc (1)

.....

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu
của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

Kích thước mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân bằng một trang giấy A4 (29,7cm x 21 cm) theo chiều dọc khổ giấy.

- (1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tổ chức Ủy ban bầu cử.
- (2) Ghi khóa của Hội đồng nhân dân.
- (3) Ghi số thứ tự của đơn vị bầu cử.

CÁC MẪU DẤU CỦA CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Các mẫu dấu của các Tổ chức phụ trách bầu cử đã được thiết kế để dùng lâu dài trong tất cả các cuộc bầu cử để tiết kiệm chi phí. Do đó, các con dấu đã được sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 nếu vẫn trong tình trạng sử dụng tốt và các thông tin về đơn vị hành chính có liên quan (tên loại, tên gọi) không có sự thay đổi, điều chỉnh thì vẫn được sử dụng cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, cụ thể như sau:

I. MẪU DẤU BẦU CỬ CỦA ỦY BAN BẦU CỬ Ở TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình tròn, đường kính 38 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 5 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam), ở phía dưới là tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trong lòng con dấu có chữ: “Ủy ban bầu cử”, (Xem hình số 1)

II. MẪU DẤU CỦA BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình tròn, đường kính 36 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 5 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam), ở phía dưới là tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trong lòng dấu có chữ: “Ban bầu cử đại biểu Quốc hội - Đơn vị bầu cử số...”.

(Xem hình số 2)

III. MẪU DẤU CỦA BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình tròn, đường kính 36 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 5 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam); ở phía dưới là tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trong lòng con dấu có chữ: “Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân - Đơn vị bầu cử số...”.

(Xem hình số 3)

IV. MẪU DẤU CỦA ỦY BAN BẦU CỬ Ở CẤP HUYỆN

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định,

hình tròn, đường kính 36 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 5 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam); ở phía dưới là tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trong lòng con dấu có chữ: “Ủy ban bầu cử” dưới là tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

(Xem hình số 4)

V. MẪU DẤU CỦA BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình tròn, đường kính 36 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 5 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam); ở phía dưới là tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trong lòng con dấu có chữ: “Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân - Đơn vị bầu cử số ...” dưới là tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

(Xem hình số 5)

VI. MẪU DẤU CỦA ỦY BAN BẦU CỬ Ở CẤP XÃ

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định,

hình tròn, đường kính 34 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 4 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam); ở phía dưới là tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ở giữa có dấu gạch ngang).

3. Trong lòng con dấu có chữ: “Ủy ban bầu cử”, dưới là tên xã, phường, thị trấn.

(Xem hình số 6)

VII. MẪU DẤU CỦA BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình tròn, đường kính 34 mm, ngoài có hai vòng chỉ, trong lòng có một vòng chỉ nhỏ cách vòng chỉ ngoài 4 mm.

2. Giữa hai vòng tròn ở phía trên có chữ: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có sao nhỏ 5 cánh ở đầu chữ Cộng và sau chữ Nam); ở phía dưới là tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ở giữa có dấu gạch ngang).

3. Trong lòng con dấu có chữ: “Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân - Đơn vị bầu cử số...”, dưới là tên xã, phường, thị trấn.

(Xem hình số 7)

VIII. MẪU DẤU CỦA TỔ BẦU CỬ

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình chữ nhật, dài 04 cm rộng 2,5cm, có hai viền chỉ.

2. Trên mặt dấu có chữ: “Tổ bầu cử số...”, dưới là tên đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

(Xem hình số 8)

IX. MẪU DẤU ĐÃ BỎ PHIẾU CỦA TỔ BẦU CỬ

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình chữ nhật, dài 04 cm rộng 2,5cm, có hai viền chỉ.

2. Trên mặt dấu có chữ: “Đã bỏ phiếu”; trên là tên “Tổ bầu cử số...”.

(Xem hình số 9)

X. VIỆC QUẢN LÝ CON DẤU

Các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng con dấu. Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, việc quản lý con dấu được thực hiện như sau:

- Các Tổ bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban bầu cử cấp xã bàn giao các con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban bầu cử cấp huyện bàn giao con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cùng cấp (qua Phòng Nội vụ)

để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban bầu cử cấp tỉnh bàn giao con dấu của tổ chức mình cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ) để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận các con dấu bầu cử.

Mẫu có 3 vòng tròn



Hình số 1



Hình số 2



Hình số 3



Hình số 4



Hình số 5



Hình số 6



Hình số 7

<p>TỜ BẦU CỬ SỐ...</p> <p>Xã:</p> <p>Huyện:</p> <p>Tỉnh:</p>

Hình số 8

<p>TỜ BẦU CỬ SỐ...</p> <p>ĐÃ BỎ PHIẾU</p>

Hình số 9

13. KẾ HOẠCH
SỐ 42/KH-HĐBCQG NGÀY 19/01/2021
CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13; Nghị quyết số 133/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng bầu cử xây dựng Kế hoạch triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức vào Chủ nhật, ngày 23/5/2021. Cuộc bầu cử sẽ diễn ra sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vừa kết thúc thắng lợi, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân

ta đang tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Cuộc bầu cử là dịp để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 phải đảm bảo dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của toàn dân; bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật; đại biểu được bầu có chất lượng, với cơ cấu hợp lý, trong đó lấy tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu làm trọng tâm, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Đảm bảo sự đồng bộ trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương.

II. NHỮNG NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ

1. Tổ chức các hội nghị triển khai công tác bầu cử

- Ở Trung ương: Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Ở địa phương: Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 ở địa phương mình.

(Thời gian: tổ chức ngay sau khi Hội nghị toàn quốc triển khai công tác bầu cử).

2. Thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử

2.1. Ở Trung ương: Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 118/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV về thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia, xác định Hội đồng bầu cử quốc gia có 21 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện một số cơ quan, tổ chức hữu quan do đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

2.2. Ở địa phương: Việc thành lập Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử được tiến hành theo thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

a) Về thành lập Ủy ban bầu cử

- Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có từ 21-31 thành viên, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Thời hạn quyết định thành lập: chậm nhất là ngày 07/02/2021 (105 ngày trước ngày bầu cử).

- Ủy ban bầu cử cấp huyện, Ủy ban bầu cử cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sau khi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử huyện, Ủy ban bầu cử xã để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Ủy ban bầu cử huyện có từ 11-15 thành viên, Ủy ban bầu cử xã có từ 09-11 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Thời hạn quyết định thành lập: chậm nhất là ngày 07/02/2021 (105 ngày trước ngày bầu cử).

b) Về thành lập Ban bầu cử

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một Ban bầu cử đại biểu Quốc hội có từ 09-15 thành viên để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại diện thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Thời hạn quyết định thành lập: chậm nhất là ngày 14/3/2021 (70 ngày trước ngày bầu cử).

- *Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sau khi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Thành phần Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có thêm đại diện cử tri ở địa phương.

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có 11-13 thành viên;

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện có 09-11 thành viên;

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có 07-09 thành viên;

Ban bầu cử gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Thời hạn quyết định thành lập: chậm nhất là ngày 14/3/2021 (70 ngày trước ngày bầu cử).

c) Về thành lập Tổ bầu cử

Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu

Hội đồng nhân dân. Tổ bầu cử có từ 11-21 thành viên, gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

Ở đơn vị vũ trang nhân dân, được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập mỗi một Tổ bầu cử có từ 05 - 09 thành viên, gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân.

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử có từ 11-21 thành viên, gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Thời hạn quyết định thành lập: chậm nhất là ngày 03/4/2021 (50 ngày trước ngày bầu cử).

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử và việc kết thúc hoạt động của các tổ chức này được quy định trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Về số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và việc phân bổ đại biểu Quốc hội theo đơn vị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- *Về số lượng đại biểu Quốc hội:* Luật Tổ chức Quốc hội quy định tổng số đại biểu Quốc hội không quá 500 người, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào:

+ Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 3 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

+ Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương.

+ Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 6 đại biểu.

+ Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

+ Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Trên cơ sở số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến, số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được công bố chậm nhất là ngày 04/3/2021 (80 ngày trước ngày bầu cử).

Như vậy, các địa phương gửi dự kiến danh sách đơn vị bầu cử ở địa phương mình về Hội đồng bầu cử quốc gia 85-90 ngày trước ngày bầu cử (khoảng 22/02-27/02/2021).

- Về số đại biểu Hội đồng nhân dân

Số đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là ngày 04/3/2021 (80 ngày trước ngày bầu cử).

4. Về ứng cử, hiệp thương, lựa chọn giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1186/2021/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 quy định chi tiết, hướng dẫn về việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

Chậm nhất là 17/02/2021 (95 ngày trước ngày bầu cử).

Sau hội nghị hiệp thương, Biên bản phải được gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai

Chậm nhất là 19/3/2021 (65 ngày trước ngày bầu cử).

Sau hội nghị hiệp thương, Biên bản phải được gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba

Chậm nhất là 18/4/2021 (35 ngày trước ngày bầu cử).

Sau hội nghị hiệp thương, Biên bản phải được gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia.

5. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ người ứng cử

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở Trung ương giới thiệu ứng cử nộp 2 bộ Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội tại Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu và người tự ứng cử nộp 2 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh nơi mình cư trú hoặc công tác thường xuyên.

Thời gian: chậm nhất là 17 giờ ngày 14/3/2021 (70 ngày trước ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở tỉnh sau khi nhận hồ sơ ứng cử, chuyển hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương về Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng thời chuyển lý lịch trích ngang kèm bản sao tiểu sử tóm tắt và kê khai tài sản đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để đưa vào danh sách hiệp thương.

Cần lưu ý: Công dân chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

6. Về việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội

Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách do Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi đến chậm nhất là ngày 28/4/2021 (25 ngày trước ngày bầu cử).

7. Việc lập và niêm yết danh sách cử tri

Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu. Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Danh sách cử tri phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu chậm nhất là 13/4/2021 (40 ngày trước ngày bầu cử), đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Việc lập và niêm yết danh sách cử tri được thực hiện theo quy định tại các điều 31 và 32 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

8. Về vận động bầu cử

Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó. Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bỏ phiếu 24 giờ.

Hình thức vận động bầu cử được thực hiện theo quy định tại Điều 65 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

Về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, khiếu nại tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử thực hiện theo Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp.

Đối với việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh để các cơ quan này giải quyết. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

10. Về tổ chức bầu cử

Các vấn đề liên quan đến tổ chức bầu cử như: thẻ cử tri, khu vực bỏ phiếu, địa điểm bỏ phiếu, xác định phiếu hợp lệ và phiếu không hợp lệ; báo cáo tình hình trong ngày bầu cử; biên bản xác định kết quả bầu cử; công bố kết quả bầu cử và tổng kết cuộc bầu cử... đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các nghị quyết hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các vấn đề liên quan đến mẫu hồ sơ ứng cử và hồ sơ ứng cử, nội quy phòng bỏ phiếu, mẫu thẻ cử tri và phiếu bầu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn về mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.

11. Về công bố kết quả bầu cử

- Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào Biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội chậm nhất ngày 12/6/2021 (20 ngày sau ngày bầu cử).

- Ủy ban bầu cử ở tỉnh công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân

dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử ở huyện công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chậm nhất ngày 02/6/2021 (10 ngày sau ngày bầu cử).

12. Xác nhận tư cách người trúng cử

- Hội đồng bầu cử quốc gia xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, cấp giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa XV về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên.

- Ủy ban bầu cử xác nhận tư cách người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên.

13. Tổng kết cuộc bầu cử

- Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, Ủy ban bầu cử ở tỉnh tổng kết và gửi báo cáo tổng kết bầu cử tại địa phương đến thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ủy ban bầu cử ở huyện, xã gửi báo cáo tổng kết cuộc bầu cử tại địa phương đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cấp trên trực tiếp. Các địa phương tiến hành tổng kết từ sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia công bố kết quả bầu cử cho đến trước ngày 22/6/2021.

- Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 ở địa phương về Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, Hội đồng bầu cử quốc gia trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội.

- Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân khóa mới, Ủy ban bầu cử trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân.

III. VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐBCQG ngày 23/9/2020 về việc thành lập Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền để giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử. Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch căn cứ ý kiến chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc gia, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan hữu quan triển khai, thường xuyên kiểm tra, tổ chức rút kinh nghiệm và báo cáo với Hội đồng bầu cử quốc gia về công tác tuyên truyền bầu cử kết hợp với việc tuyên truyền, động viên Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương.

Các đoàn thể và tổ chức xã hội cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên làm nòng cốt để động viên cử tri nghiêm chỉnh thực hiện cuộc bầu cử và các quy định của pháp luật về bầu cử. Tích cực tuyên truyền để Nhân dân thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026, nêu cao tinh thần làm chủ, tích cực, tự giác tham gia cuộc bầu cử để lựa chọn và bầu ra những người hội đủ các yêu cầu, tiêu biểu về phẩm chất, năng lực, uy tín đại diện xứng đáng cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân tham gia vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh căn cứ vào kế hoạch hướng dẫn tuyên truyền bầu cử, chỉ đạo các ngành ở địa phương triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thành công tốt đẹp.

IV. VỀ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ

Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐBCQG ngày 23/9/2020 về việc thành lập Tiểu ban an ninh, trật tự và y tế để giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và y tế trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Cụ thể là:

- Xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể của Tiểu ban trong thời gian từ ngay sau Hội nghị toàn quốc triển khai công tác bầu cử đến khi kết thúc cuộc bầu cử.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Ban Công tác đại biểu và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc nghiên cứu, tham mưu, kiến nghị Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và y tế phục vụ cuộc bầu cử.

- Tiến hành các đợt kiểm tra về tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, trong đó chú ý đến các địa bàn trọng điểm, những điểm nóng, dễ xảy ra mất ổn định.

V. VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT BẦU CỬ

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử; kiểm tra việc

tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc giám sát, kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và kiểm tra, giám sát công tác bầu cử theo phân công tại văn bản số 05/NQ-HĐBCQG của Hội đồng bầu cử quốc gia ngày 16/9/2020.

Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát, kiểm tra công tác bầu cử; Ủy ban bầu cử kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, đề nghị các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện bám sát quy định của pháp luật về bầu cử, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, giải quyết.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

KT. CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN

Nguyễn Hạnh Phúc

14. THÔNG TRI
SỐ 13/TT-MTTW-BTT NGÀY 19/01/2021
CỦA BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
Hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia
công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và
đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ
2021-2026

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 113/2020/QH14 ngày 17/11/2020 về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN); Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

I. YÊU CẦU

1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khoá XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan đến công tác bầu cử.

2. Công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử thực sự dân chủ, khách quan, đúng luật, bảo

đảm đúng tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần, số lượng, chất lượng người được giới thiệu.

3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần xây dựng kế hoạch cụ thể, đồng bộ về tiến độ thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức thành viên để hoàn thành tốt công tác Mặt trận tham gia bầu cử.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC MẶT TRẬN TRONG BẦU CỬ

1. Tham gia thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp để thành lập Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Căn cứ vào cơ cấu, thành phần, số lượng của các tổ chức phụ trách bầu cử được quy định tại Mục 2 Chương 3 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cử đại diện lãnh đạo tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử; bảo đảm đủ cơ cấu, thành phần của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Đối với các địa phương không có đơn vị hành chính cấp xã, việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Tổ chức các hội nghị hiệp thương

a) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp thực hiện các bước hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN và các văn bản hướng dẫn về bầu cử có liên quan. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp lựa chọn thời gian tổ chức hiệp thương phù hợp; phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân chuẩn bị tài liệu, rà soát kỹ cơ cấu, thành phần, số lượng, kết quả lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi làm việc (sau đây gọi chung là nơi công tác) và nơi cư trú của người được giới thiệu ứng cử bảo đảm đúng theo quy định.

b) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động đề nghị và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp dự kiến phân bổ giới thiệu người ứng cử để danh sách giới thiệu người ứng cử

trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57, khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Những trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo bằng văn bản để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

Trường hợp đặc biệt là những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng do điều kiện công tác đặc thù ít tiếp xúc với cử tri và nhân dân nơi cư trú nên không đạt được trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm của cử tri tham dự hội nghị...

3. Tổ chức hội nghị cử tri

Việc tổ chức hội nghị cử tri thực hiện theo quy định tại Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ; Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cần bảo đảm một số nội dung sau:

3.1. Việc tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác

Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị thì Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không có người đủ điều kiện để dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh cơ cấu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

3.2. Việc tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhận xét đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cư trú thường xuyên tại địa phương; phối hợp với các đoàn thể nhân dân thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của hội nghị cử tri, quyền và nghĩa vụ của cử tri trong việc tham gia hội nghị cử tri; bảo đảm cơ sở vật chất, chỗ ngồi cho cử tri; thông báo đầy đủ, sớm trước 05 ngày về người ứng cử, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị cử tri, thông tin tóm tắt tiểu sử của người ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri được biết; bảo đảm cử tri đến tham dự đúng

thành phần, đủ số lượng theo quy định tại Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử

4.1. Hình thức, nguyên tắc vận động bầu cử; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong vận động bầu cử, nội dung việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử; việc vận động bầu cử trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện theo các quy định tại Chương VI của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4.2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện khách quan mà Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh không thể trực tiếp chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri ở đơn vị bầu cử thì phải có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện chủ trì, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh phải cử cán bộ của mình tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri nhằm chủ động nắm tình hình và bảo đảm cho hội nghị tiếp xúc cử tri được thực hiện an toàn, đúng luật.

4.3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân

dân cùng cấp tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

4.4. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

b) Thông báo kịp thời bằng văn bản ít nhất trước 07 ngày cho những người ứng cử về thành phần, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để người ứng cử chủ động sắp xếp thời gian, liên hệ với địa phương tổ chức hội nghị về việc tham dự.

c) Tổ chức hội nghị để đại diện Ủy ban nhân dân cùng cấp thông báo với những người ứng cử những nội dung cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương để người ứng cử xây dựng, dự kiến chương trình hành động của mình trước khi tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri. Trong trường hợp người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhu cầu nghe Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc đơn vị bầu cử của mình giới thiệu về tình hình kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh thì cần tổ chức để Ủy ban nhân dân các đơn vị bầu cử này báo cáo cho người ứng cử nghe.

d) Chuẩn bị chu đáo về địa điểm, thành phần mời và giấy mời; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng ở khu vực tổ chức hội nghị để đông đảo cử tri có điều kiện đến dự; phối hợp đảm bảo tốt về an ninh trật

tự tại các địa điểm tiếp xúc. Khi tiếp xúc ở các huyện cần mời đại diện cử tri tất cả các xã trong huyện dự (đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và các cử tri mong muốn được dự buổi tiếp xúc...).

e) Tổ chức tuyên truyền bằng hình thức phù hợp, bảo đảm công bằng giữa những người ứng cử để cử tri và nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có điều kiện hiểu rõ hơn về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Tóm tắt tiểu sử người ứng cử gửi đến các gia đình, phát thanh trên hệ thống loa công cộng. Người ứng cử có thể gửi Chương trình hành động của mình cho các cử tri dự hội nghị tiếp xúc.

4.5. Trong quá trình chủ trì điều hành hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri tạo không khí dân chủ, cởi mở; tránh gò ép nhưng cũng không trao đổi vượt ra ngoài mục đích, yêu cầu của hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc.

4.6. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận cấp tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri cần có sự thống nhất với Ủy ban bầu cử cùng cấp về số cuộc tiếp xúc cử tri, trên cơ sở đó thông báo cho người ứng cử để người ứng cử chủ động trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội ít nhất là 10 cuộc. Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ít nhất là 5 cuộc. Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ít nhất là 3 cuộc.

4.7. Thời gian tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri để người ứng cử vận động bầu cử được tiến hành từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử (ngày 28/4/2021) và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ (trước 7 giờ 00 ngày 22/5/2021).

4.8. Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi ngay báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tới Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để kịp thời tổng hợp, báo cáo tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XV.

5. Công tác tuyên truyền

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức thành viên, các cơ quan tuyên truyền, báo chí tổ chức thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026; làm cho mọi cử tri hiểu rõ vai trò, vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; về tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân; về quyền, nghĩa vụ của công dân, của cử tri, tự mình đi bỏ phiếu để lựa chọn người xứng đáng bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân để ngày bầu cử thực sự là ngày hội của toàn dân. Tổ chức nắm bắt tình hình tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo cấp ủy, chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp

trên. Kịp thời đấu tranh, phê phán bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, kích động, gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 thành công (nội dung, hình thức, thời gian, giải pháp tổ chức tuyên truyền theo hướng dẫn của Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban Tuyên giáo Trung ương).

6. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư về bầu cử

6.1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phối hợp với Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử các cấp, các cơ quan có liên quan trong việc tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân.

6.2. Trong quá trình tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải thực hiện đúng quy định của: Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Thông tri số 36/TTr-MTTW-BTT ngày 06/05/2019 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để hướng dẫn công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

6.3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết các

loại đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác bầu cử theo quy trình cụ thể sau đây:

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về việc thành lập các tổ chức bầu cử ở địa phương thì chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp ra quyết định thành lập các tổ chức bầu cử đó giải quyết.

Khiếu nại, kiến nghị về việc lập danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chỉ huy trong đơn vị vũ trang nhân dân lập thì chuyển đến cơ quan, đơn vị lập danh sách cử tri giải quyết. Nếu công dân không đồng ý với kết quả giải quyết thì hướng dẫn công dân đến Tòa án nhân dân để khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội thì chuyển đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội. Nếu công dân không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, tiếp tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thì chuyển đến Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở cấp tỉnh (nếu người ứng cử do cấp tỉnh giới thiệu) hoặc chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia (nếu người ứng cử do Trung ương giới thiệu) để giải quyết (đây là kết quả giải quyết cuối cùng).

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì chuyển đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp

đó giải quyết. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì chuyển đến Ủy ban bầu cử cấp tương ứng để giải quyết (đây là kết quả giải quyết cuối cùng).

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến việc tổ chức hội nghị cử tri, hội nghị hiệp thương thì chuyển đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị giải quyết.

Đối với việc cử tri nêu, người ứng cử không đủ tiêu chuẩn ứng cử mà tiếp nhận được từ trước ngày kết thúc thời gian xác minh vụ việc theo khoản 4 Điều 55 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì chuyển cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người ứng cử xác minh, trả lời bằng văn bản gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương; trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp; nếu không có cấp trên trực tiếp quản lý thì chuyển đến cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó để xác minh; trường hợp xác minh người ứng cử là đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, đảng viên thuộc diện cấp ủy ở địa phương quản lý theo Quyết định số 210-QĐ/TW ngày 08/11/2013 của Bộ Chính trị (Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương) thì ngoài việc chuyển đến địa chỉ

cơ quan có thẩm quyền giải quyết nêu trên, đồng thời chuyển đến Ủy ban Kiểm tra, cấp ủy các cấp tương ứng có trách nhiệm quản lý đảng viên.

- Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội thì chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì chuyển đến Ủy ban bầu cử cấp đó giải quyết.

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử nào thì chuyển đến Tổ bầu cử đó giải quyết. Nếu công dân không đồng ý với kết quả giải quyết của Tổ bầu cử, tiếp tục khiếu nại, tố cáo thì chuyển đến Ban bầu cử cấp xã để được giải quyết (đây là kết quả giải quyết cuối cùng).

6.4. Đối với những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nhận được sau khi các tổ chức phụ trách bầu cử các cấp đã kết thúc nhiệm vụ theo quy định tại Điều 20, Điều 28 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thì xử lý vụ việc đã tiếp nhận như sau:

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia thì chuyển đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV giải quyết;

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử các cấp thì chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở cấp tương ứng giải quyết.

6.5. Đối với những nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc

thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức bầu cử ở xã thì chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tổ chức bầu cử tương ứng ở cấp huyện giải quyết.

7. Công tác giám sát

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát; phối hợp với các tổ chức thành viên và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp giám sát và vận động Nhân dân giám sát quá trình tổ chức cuộc bầu cử, góp phần bảo đảm để cuộc bầu cử diễn ra thật sự dân chủ và đúng pháp luật theo hướng dẫn tại Thông tri số 12/TTr-MTTW-BTT ngày 18/01/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

8. Công tác thi đua, khen thưởng

8.1. Về nội dung thi đua

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức phát động đợt thi đua thực hiện tốt các nội dung Mặt trận tham gia bầu cử gắn với nội dung thi đua thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2021.

- Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền theo kế hoạch của Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ.

- Phối hợp thực hiện các bước của quy trình hiệp thương, các cuộc tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử đảm bảo dân chủ, đúng luật, không vi phạm về Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác giám sát theo Thông tri số 12/TTr-MTTW-BTT ngày 18/01/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có những hình thức tổ chức thích hợp, sáng tạo trong hoạt động giám sát.

8.2. Công tác khen thưởng

a) Đối tượng và tiêu chuẩn:

- Đối tượng: là các tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Tiêu chuẩn: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp căn cứ vào các nội dung thi đua nêu tại mục 8.1 của Thông tri này và đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ được phân công để bình xét, đề nghị khen thưởng.

b) Hình thức khen thưởng và số lượng:

- Giấy khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã (gọi tắt là cấp huyện):

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã/phường/thị trấn (gọi tắt là cấp xã) và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư. Số lượng do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện quy định.

- Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh):

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh xem xét, khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư. Số lượng do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh quy định.

- Bằng khen của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc toàn diện trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Đối với Trung ương: Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, quyết định khen thưởng đối với các đồng chí trong Ban Thường trực và các tập thể. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo công tác bầu

cử lựa chọn trong khoảng từ 15-25 cá nhân tiêu biểu trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, trình Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

Đối với địa phương: Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn 01 tập thể (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh hoặc ban, đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh) và 01 cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; 01 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và 01 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

- Giấy khen của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, khen thưởng từ 20 - 25 cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử trên cơ sở đề xuất của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo công tác bầu cử.

- Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, của Thủ tướng Chính phủ sẽ thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

8.3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

- Kết thúc cuộc bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến hành tổ chức họp

bình xét, khen thưởng và lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc để đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp khen thưởng. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc toàn diện theo số lượng hướng dẫn tại mục 8.2 để đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

- Hồ sơ đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng thực hiện theo quy định tại Quy chế thi đua, khen thưởng của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (nhiệm kỳ 2019-2024) được ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-MTTW ngày 27/02/2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và gửi về qua Ban Tổ chức - Cán bộ cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước ngày 10/6/2021.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức - Cán bộ cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổng hợp, giải quyết theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các nội dung công tác Mặt trận trong bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể ở cấp mình, đồng thời phối hợp với các tổ chức thành viên để thực

hiện. Khi thấy cần thiết, có thể mời một số thành viên Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội cử một số cán bộ chuyên trách tham gia thực hiện những công việc cụ thể.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bằng văn bản và thư điện tử (qua địa chỉ hòm thư: banchidaobaucumttq@gmail.com) như sau:

a) Các biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba, trong đó chú ý nêu tình hình người tự ứng cử.

Thời gian gửi sau từng hội nghị hiệp thương 01 (một) ngày.

b) Báo cáo về tình hình thực hiện việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất ngày 13/3/2021. Báo cáo về tình hình tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và nơi công tác (nếu có) về người ứng cử đại biểu Quốc hội chậm nhất ngày 14/4/2021, đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chậm nhất ngày 15/4/2021.

c) Báo cáo tình hình và kết quả tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa người ứng cử với cử tri để thực hiện vận động bầu cử kèm theo bản tổng hợp kiến nghị của cử tri với Đảng, Nhà nước và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thời gian phải gửi báo cáo chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 22/5/2021.

d) Báo cáo nhanh tình hình và kết quả ngày bầu cử tại địa phương: Có thể báo cáo bằng điện thoại, Fax, qua thư điện tử: banchidaobaucumttq@gmail.com vào ngày 23/5/2021.

đ) Báo cáo hoạt động giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Thời gian chậm nhất phải gửi báo cáo là ngày 26/5/2021.

e) Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân với các nội dung nêu trên kèm theo danh sách trích ngang những người trúng cử đại biểu Quốc hội là cán bộ Mặt trận, đoàn thể, dân tộc thiểu số, tôn giáo của địa phương mình. Thời gian chậm nhất phải gửi báo cáo là ngày 11/6/2021.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh căn cứ vào mục này để hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã thực hiện chế độ báo cáo.

3. Đề nghị các tổ chức thành viên Mặt trận phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia công tác bầu cử, giám sát công tác bầu cử bảo đảm dân chủ, đúng luật; phản ánh ý kiến, kiến nghị của các đoàn viên, hội viên, dư luận xã

hội về bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tiến hành chung một thời điểm, nhiều việc phải tiến hành đồng thời, việc triển khai rất khẩn trương. Do đó, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử địa phương để thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia cuộc bầu cử.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

15. CHỈ THỊ
SỐ 02/CT-TTg NGÀY 14/01/2021
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ
2021-2026

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 133/2020/QH14 về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; theo đó, ngày bầu cử sẽ được tiến hành vào Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là sự kiện chính trị, có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước và từng địa phương; được tổ chức vào thời điểm kế thừa 35 năm đổi mới, đất nước đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện trong giai đoạn 2016-2020 với những dấu ấn nổi bật trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo; triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã và đang đặt ra các yêu cầu mới cao hơn đối với tổ chức, hoạt động của Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Cùng với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp lần này được Đảng, Quốc hội, Chính phủ xác định là những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị trong năm 2021; là đợt vận động và sinh hoạt dân chủ sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân để lựa chọn, bầu được những đại biểu ưu tú, đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội khóa XV, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và các đại biểu đại diện cho Nhân dân địa phương tại Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong nhiệm kỳ 2021-2026.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn, giới

thiệu, bầu người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có kế hoạch triển khai, chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền ứng cử, quyền bầu cử của công dân theo quy định của Hiến pháp; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; góp phần nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần tự giác của mọi công dân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác bầu cử.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Tổng cục Thống kê hướng dẫn Cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp số liệu dân số đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 của từng địa phương để làm căn cứ tính số lượng đại biểu Quốc hội và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở mỗi đơn vị hành chính.

3. Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc thông suốt trong quá

trình chuẩn bị, tổ chức bầu cử, đặc biệt trước và trong ngày bầu cử 23 tháng 5 năm 2021.

4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xây dựng kế hoạch, phương án triển khai lực lượng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; chủ động sẵn sàng lực lượng phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn trong suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh, trật tự tại những địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh; chỉ đạo và hướng dẫn các lực lượng quân đội, công an tham gia cuộc bầu cử.

5. Bộ Tài chính bố trí kinh phí kịp thời để các cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện công tác bầu cử; hướng dẫn việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí bầu cử; bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, yêu cầu, tiết kiệm và hiệu quả.

6. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi tình hình, tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phòng chống đại dịch Covid-19; chủ động xây dựng các phương án nhằm kịp thời ứng phó với những tình huống dịch bệnh có thể xảy ra ở một số khu vực trong thời gian chuẩn bị và tổ chức bầu cử.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các phương án chủ động đối phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra trong thời gian chuẩn bị và tổ chức bầu cử.

8. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc kê khai tài sản đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân trước, trong và sau bầu cử.

9. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử; kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, các cơ quan liên quan theo dõi, cập nhật tình hình chuẩn bị, tiến độ thực hiện công tác bầu cử tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để kịp thời tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật về bầu cử.

10. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện cuộc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, kế hoạch công tác

bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động thực hiện và bảo đảm tiến độ việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử; công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; trình tự các bước tiến hành công việc trước, trong, sau ngày bầu cử và các điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ cho cuộc bầu cử.

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, các cơ quan liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử. Chỉ đạo các cơ quan quân đội, công an, y tế ở địa phương xây dựng các kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và tại các địa điểm bỏ phiếu; bảo đảm cho cuộc bầu cử được diễn ra an toàn, đúng pháp luật; xây dựng phương án dự phòng bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành liên tục, không bị gián đoạn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác chỉ đạo tổ chức, thực hiện cuộc bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của các bộ, cơ quan Trung ương.

11. Ủy ban nhân dân các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về mô hình tổ chức chính quyền đô thị. Trong đó, tại quận, phường của thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tại phường của thành phố Hà Nội sẽ không tổ chức bầu đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử; kịp thời gửi báo cáo đến Bộ Nội vụ để tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình công tác chuẩn bị, triển khai và tổ chức cuộc bầu cử, ngày bầu cử theo tiến độ từng giai đoạn, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 thành công tốt đẹp.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

16. THÔNG TƯ
SỐ 102/2020/TT-BTC NGÀY 23/11/2020
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và
quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện phân công số 06/HĐBCQG-CTĐB ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về phân công soạn thảo và ban hành văn bản phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 1. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nội dung chi

Kinh phí phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội

khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được sử dụng chỉ cho các nội dung sau:

1. Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử.

2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

a) Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử;

b) Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

3. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia; chi trang thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

4. Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử.

5. Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương,

hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.

6. Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử:

a) Chi phương tiện đi lại, công tác phí;

b) Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu;

c) Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.

7. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

8. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

a) Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử;

b) Chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử;

c) Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu;

d) Chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử;

đ) Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử;

e) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử;

g) Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tình hình thực tế, các cơ quan,

đơn vị được giao sử dụng kinh phí thực hiện bố trí kinh phí chi tiêu theo các nội dung trên đây cho phù hợp và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Mức chi tại Trung ương

1. Chi tổ chức hội nghị: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Riêng chi tổ chức các hội nghị do Hội đồng bầu cử quốc gia triệu tập áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp Quốc hội gần nhất đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

- Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đồng/người /buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.500.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị Quyết 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội, mức chi từ 100.000 đồng/lần đến 300.000 đồng/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 600.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản:

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (Thông tư 338/2016/TT-BTC);

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn quốc do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước):

- Xây dựng văn bản: 2.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

Riêng báo cáo tổng kết cuộc bầu cử báo cáo Quốc hội, mức tương đương soạn thảo nghị quyết của Quốc hội (văn bản mới) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia: mức 2.200.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thành viên các Tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 1.800.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia và Nghị quyết số

04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo nghị quyết, quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia) mức bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng đối với:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thường trực tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thường trực giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

- Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

b) Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động, mức khoán hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/người/tháng;

c) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia và Nghị quyết số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

8. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

9. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

10. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

11. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

12. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

13. Chi thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Quốc hội.

14. Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện.

Các trường hợp đặc biệt phát sinh vượt quá thẩm quyền của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.

Điều 4. Mức chi tại địa phương

1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này: căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chỉ có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo và quy định tại Thông tư này, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi cụ thể tại địa phương.

3. Các nội dung chi khác: thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán:

a) Đối với các bộ, cơ quan Trung ương: căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được Hội đồng bầu cử quốc gia giao, căn cứ

các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các bộ, cơ quan Trung ương được giao chủ trì tổ chức các hoạt động bầu cử, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Căn cứ số lượng cử tri tại địa phương, căn cứ các chế độ chi tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã) xây dựng dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ số lượng Ủy ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã); số Tổ bầu cử; số thành viên thuộc các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; số lượng cử tri tại địa phương; căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng nguyên tắc, tiêu thức phân bổ kinh phí bầu cử cho các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trình Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia tổng hợp phương án phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bố trí cho các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương tổ chức phục vụ bầu cử gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Về phân bổ và giao dự toán:

a) Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Bộ Tài chính thông báo mức kinh phí bầu cử cho Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, cơ quan Trung ương được giao chủ trì tổ chức chuẩn bị bầu cử;

b) Căn cứ mức kinh phí bầu cử được Bộ Tài chính thông báo, căn cứ vào số cử tri có trên địa bàn, đặc điểm của từng vùng, khu vực, Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phương án phân bổ kinh phí bầu cử và giao cho Sở Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp tỉnh và các Ủy ban bầu cử cấp huyện. Ủy ban bầu cử cấp huyện quyết định phân bổ kinh phí và giao cho Phòng

Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các Ủy ban bầu cử cấp xã, Tổ bầu cử, Ban bầu cử và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn.

Trường hợp Ủy ban bầu cử cấp huyện được thành lập trên cơ sở đơn vị bầu cử có từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì trụ sở Ủy ban bầu cử cấp huyện làm việc thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nào thì Ủy ban bầu cử cấp huyện phân bổ dự toán kinh phí bầu cử về cơ quan tài chính quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đó.

3. Về tổ chức thực hiện dự toán, kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí: các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua kho bạc Nhà nước. Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

a) Kinh phí bầu cử được hạch toán vào chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Các bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định chi tiêu tài

chính hiện hành, cuối năm tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của cơ quan, đơn vị mình;

c) Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành.

Trường hợp Tổ bầu cử, Ban bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử công bố kết quả bầu cử mà công tác quyết toán kinh phí vẫn chưa hoàn tất thì Tổ trưởng Tổ bầu cử, Trưởng Ban bầu cử giao trách nhiệm và ủy quyền cho Ủy viên Tổ bầu cử, Ủy viên Ban bầu cử là đại diện Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính cùng cấp.

Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra xét duyệt quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phục vụ bầu cử; Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kinh phí bầu cử đã sử dụng vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương và quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn Luật;

d) Kết thúc hoạt động bầu cử, trong vòng 90 ngày, các bộ, cơ quan Trung ương và các Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 01 năm 2021.

2. Đối với khối lượng công việc của các bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi văn bản này có hiệu lực; các bộ, ngành, địa phương căn cứ quy định tại văn bản này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ tình hình thực tế, trường hợp cần bổ sung các chế độ chính sách liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19, các bộ, ngành, địa phương thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương phản ánh về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính để xử lý kịp thời.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

17. THÔNG TƯ
SỐ 01/2021/TT-BNV NGÀY 11/01/2021
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng
nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 ở địa phương.

2. Tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tại quận, phường của thành phố Hồ Chí Minh (theo Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 của Quốc hội khóa XIV về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh), thành phố Đà Nẵng (theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng) và tại phường của thành phố Hà Nội (theo Nghị quyết số 97/2020/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội) và theo Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố

trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện); xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương

1. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện theo quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và Điều 28 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

a) Đối với các địa phương hải đảo, không có đơn vị hành chính cấp xã thì việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân (nếu có) và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định cơ cấu, thành phần của các tổ chức phụ trách bầu cử ở các địa phương mình quản lý.

b) Đối với đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có một khu vực bỏ

phiếu thì vẫn thành lập Ban bầu cử và Tổ bầu cử riêng; thành viên Ban bầu cử có thể tham gia làm thành viên Tổ bầu cử.

c) Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng do Ban Chỉ huy đơn vị quyết định. Trong trường hợp một đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì chỉ huy đơn vị trao đổi với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đóng quân, đề nghị chỉ định Ủy ban nhân dân một trong các đơn vị hành chính cấp xã phối hợp thực hiện việc lập danh sách cử tri, phát thẻ cho cử tri tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, được quần chúng tín nhiệm, hiểu biết pháp luật và có kinh nghiệm thực hiện công tác bầu cử tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử.

3. Trường hợp thành viên tổ chức phụ trách bầu cử bị chết, bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vì lý do khác dẫn đến khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử thì căn cứ tình hình cụ thể của mỗi địa phương, Ủy ban nhân dân sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình trước ngày bầu cử.

Điều 4. Phân công nhiệm vụ thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Tổ trưởng Tổ bầu cử (sau đây gọi chung là người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử) chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng thành viên tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình từ giai đoạn chuẩn bị, triển khai, tổ chức ngày bầu cử, các công việc tiến hành sau ngày bầu cử cho đến khi kết thúc cuộc bầu cử theo quy định tại Điều 28 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015. Trong đó, phân công một thành viên làm thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, con dấu, tổng hợp chung công tác bầu cử của tổ chức phụ trách bầu cử.

Điều 5. Hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử và trách nhiệm của các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

1. Hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử

a) Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử có quyền trưng tập cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội giúp việc cho tổ chức phụ trách

bầu cử theo quyết định của người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử.

b) Các tổ chức phụ trách bầu cử tổ chức quán triệt những nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức phụ trách bầu cử đã được Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định; các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử phải được tập huấn đầy đủ các kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng công tác tập huấn đối với thành viên Tổ bầu cử.

c) Các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện các công việc theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo tiến độ về tình hình chuẩn bị, triển khai, thực hiện công tác bầu cử với tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền.

d) Trong trường hợp dịch bệnh bùng phát phải cách ly xã hội, thiên tai, bão lũ dẫn đến địa hình bị chia cắt, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại những khu vực bị cách ly hoặc chia cắt.

2. Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

a) Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử phân công, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên trong quá trình thực hiện công tác bầu cử.

b) Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm tham gia đầy đủ việc tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử; nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; công tâm, khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải trao đổi, hội ý công việc, đánh giá rút kinh nghiệm về những công việc đã thực hiện của mỗi thành viên; người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc các thành viên thực hiện những công việc còn tồn đọng và phân công các thành viên thực hiện các công việc tiếp theo của tổ chức phụ trách bầu cử theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử.

d) Trong ngày bầu cử, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải đeo phù hiệu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

Chương III

NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 6. Bố trí địa điểm bỏ phiếu

1. Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương như: nhà văn hóa, hội trường, trường học,... và căn cứ

mật độ phân bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự.

2. Địa điểm bỏ phiếu gồm: cổng ra - vào, khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu và khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được trang trí theo mẫu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

a) Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu

- Tổ bầu cử sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm cổng ra vào khu vực bỏ phiếu;

- Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu là nơi niêm yết danh sách cử tri; nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử; nơi tổ chức lễ khai mạc; nơi tiếp đón cử tri đến bỏ phiếu. Khu vực này có thể bố trí bàn, ghế để cử tri chờ thực hiện việc bỏ phiếu.

(Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu

- Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được bố trí trang trọng, đủ bàn, ghế, bút viết và những điều kiện cần thiết để cử tri đến bỏ phiếu; nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu;

- Phòng bỏ phiếu phải có lối đi vào, lối đi ra một chiều và theo trật tự nhất định, có thể tham khảo bố trí theo sơ đồ sau: Bắt đầu lối vào là bàn hướng dẫn, bàn để cử tri xuất trình Thẻ cử tri và nhận phiếu bầu; tiếp đến là một số bàn để cử tri viết phiếu bầu, nơi để hòm phiếu; bàn đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri để xác nhận cử tri đã bỏ phiếu; lối ra cho cử tri sau khi cử tri đã thực hiện xong việc bỏ phiếu;

- Tùy điều kiện cụ thể của từng phòng bỏ phiếu, Tổ bầu cử niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân để cử tri tham khảo trước khi viết phiếu bầu;

- Nơi cử tri viết phiếu bầu cần có các vách ngăn hoặc phòng kín để bảo đảm cử tri “bỏ phiếu kín” theo quy định của pháp luật về bầu cử;

(Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công thành viên Tổ bầu cử luân phiên trực bảo vệ địa điểm bỏ phiếu cả ngày và đêm trước, trong ngày bầu cử và cho đến khi kết thúc việc bỏ phiếu, tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu gửi đến Ủy ban bầu cử tương ứng.

Điều 7. Hòm phiếu

Việc chuẩn bị hòm phiếu, số lượng, kích cỡ hòm phiếu tùy theo đặc điểm, điều kiện của từng địa phương theo

hướng dẫn cụ thể của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Hòm phiếu được đóng mới hoặc sử dụng hòm phiếu bầu cử hiện có. Hòm phiếu phải bảo đảm chắc chắn, trang trí sạch đẹp, phía mặt trước của hòm phiếu có dán hình Quốc huy, phía dưới có dòng chữ “HÒM PHIẾU”. Ngoài hòm phiếu chính, Tổ bầu cử phải chuẩn bị hòm phiếu phụ (hòm phiếu lưu động) và băng niêm phong hòm phiếu.

Điều 8. Nhận tài liệu liên quan đến công tác bầu cử của Tổ bầu cử

Tổ bầu cử phân công thành viên nhận các loại tài liệu sau đây từ Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban bầu cử cùng cấp:

1. Nhận Thẻ cử tri theo danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu và phát cho cử tri trước ngày bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Nhận đủ số lượng phiếu bầu theo danh sách cử tri và số lượng phiếu bầu dự phòng. Khi nhận phiếu bầu phải có biên bản bàn giao giữa người giao và người nhận về số lượng cụ thể của từng loại phiếu bầu. Tổ bầu cử kiểm tra kỹ phiếu bầu về số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử, danh sách họ và tên những ứng cử viên đúng với khu vực bỏ phiếu của tổ mình và phải quản lý chặt chẽ số lượng các loại phiếu bầu.

3. Con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu”.

4. Các loại biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử.

5. Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.

6. Danh sách và tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu.

7. Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử, mẫu diễn văn khai mạc, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân.

8. Phù hiệu của các thành viên Tổ bầu cử.

9. Văn phòng phẩm (bút, giấy, kéo, thước kẻ, keo dán, hộp mực con dấu,...).

10. Các tài liệu khác liên quan đến bầu cử theo hướng dẫn của địa phương.

Điều 9. Các công việc thực hiện trước ngày bầu cử của Tổ bầu cử

1. Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì cuộc họp phân công cụ thể cho từng thành viên thực hiện các công việc sau:

a) Tổ trưởng phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động trong phòng bỏ phiếu và việc bỏ phiếu, việc kiểm phiếu.

b) Thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, phiếu bầu, con dấu, làm biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

c) Phân công thành viên chịu trách nhiệm về trang trí phòng bỏ phiếu, trực tiếp chỉ đạo hoạt động ngoài phòng bỏ phiếu và bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

d) Phân công thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra Thẻ cử tri, đối chiếu danh sách cử tri, đánh dấu theo dõi

số cử tri đi bầu vào danh sách cử tri, phát phiếu bầu đã được đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri.

đ) Phân công thành viên chịu trách nhiệm hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và viết phiếu bầu.

e) Phân công thành viên chịu trách nhiệm trực tại bàn gần hòm phiếu, đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.

g) Phân công thành viên hướng dẫn cử tri ra, vào phòng bỏ phiếu, nhận phiếu, viết phiếu và bỏ phiếu.

h) Phân công thành viên phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu.

i) Phân công thành viên đơn đốc, thông báo để các cử tri đi bỏ phiếu.

k) Các công việc khác liên quan đến công tác bầu cử.

2. Tổ bầu cử thực hiện việc rà soát, kiểm tra lại toàn bộ các loại phương tiện vật chất - kỹ thuật phục vụ ngày bầu cử, bao gồm:

a) Phòng bỏ phiếu.

b) Nơi niêm yết danh sách cử tri, danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Phiếu bầu bảo đảm đúng đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu.

d) Các con dấu.

đ) Các hòm phiếu.

e) Các biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử.

g) Thành phần dự lễ khai mạc, diễn văn khai mạc và các văn phòng phẩm phục vụ việc bầu cử.

h) Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu, trong đó cần xác định rõ số cử tri là người ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội tập trung tại các cơ sở điều trị Covid-19 hoặc các địa điểm cách ly tập trung khác và người đang bị cách ly tại nhà (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, lũ lụt để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

i) Các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác phục vụ cho ngày bầu cử.

3. Quản lý phiếu bầu

Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công thành viên quản lý chặt chẽ số phiếu bầu. Trường hợp phát hiện phiếu bầu bị mất thì Tổ bầu cử phải báo cáo ngay Ban bầu cử để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 10. Các công việc thực hiện trong ngày bầu cử của Tổ bầu cử

1. Các thành viên Tổ bầu cử phải đến trước giờ khai mạc để kiểm tra công tác chuẩn bị, bảo đảm thời gian

khai mạc đúng giờ quy định. Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng và kết thúc vào bảy giờ tối cùng ngày. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày. Sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện cần thiết cho ngày bầu cử, Tổ bầu cử mới tổ chức lễ khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

2. Tổ chức lễ khai mạc

a) Thành phần tham dự lễ khai mạc:

- Các thành viên Tổ bầu cử, những người có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử;

- Đại diện cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở địa phương;

- Đại diện cử tri là người cao tuổi, người có công với cách mạng và chức sắc tôn giáo trong khu vực (nếu có);

- Cử tri đến dự lễ khai mạc;

- Phóng viên báo, đài (nếu có).

b) Trình tự tổ chức lễ khai mạc:

Lễ khai mạc phải được tổ chức trang trọng, thời gian khoảng 15 đến 20 phút, do Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì theo nội dung và trình tự sau đây:

- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

- Đọc diễn văn khai mạc;

- Đọc nội quy phòng bỏ phiếu;

- Kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri; mời 2 cử tri không phải là những

người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ứng cử tại khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ theo quy định;

- Sau khi thực hiện thủ tục niêm phong hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 bắt đầu;

- Tổ bầu cử phải bố trí thành viên Tổ bầu cử thường trực bên hòm phiếu làm nhiệm vụ hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và bảo vệ hòm phiếu.

3. Tiến hành bỏ phiếu

a) Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay. Khi đến phòng bỏ phiếu, cử tri xuất trình Thẻ cử tri để được nhận phiếu bầu.

b) Khi bắt đầu việc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời những cử tri có tên trong danh sách cử tri là lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có) và cử tri là người cao tuổi nhất có mặt tại thời điểm khai mạc bỏ phiếu trước.

c) Việc bỏ phiếu được tiến hành liên tục. Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo, hướng dẫn cử tri thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bầu cử, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và gạch phiếu bầu; đôn đốc cử tri tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân.

d) Khi cử tri gạch phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri gạch bị nhầm hoặc bị hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác. Cử tri không thể tự gạch phiếu bầu thì nhờ người khác gạch phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người gạch phiếu hộ phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định. Người gạch hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người khuyết tật không thể bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

đ) Trong khi tiến hành bỏ phiếu, nếu có tình huống bất thường xảy ra làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử và các thành viên Tổ bầu cử phải nhanh chóng hội ý để kịp thời xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thể tự xử lý được thì phải tạm dừng cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải tiến hành niêm phong và quản lý chặt chẽ hòm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan khác, kịp thời báo cáo Ban bầu cử để có phương án giải quyết, đồng thời phải có biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục tiến hành.

e) Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri của cử tri đã bỏ phiếu bầu xong.

4. Một số điểm cần lưu ý trong ngày bầu cử

a) Trong quá trình diễn ra việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình,

chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử.

b) Tổ bầu cử hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên hàng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử (không gạch tên người ứng cử nào) hoặc gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu.

c) Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người ốm đau, già yếu, khuyết tật; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội tập trung tại các cơ sở điều trị Covid-19 hoặc các địa điểm cách ly tập trung khác và người đang

bị cách ly tại nhà (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, lũ lụt, để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về khu vực bỏ phiếu.

d) Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do gạch hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu gạch hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

đ) Khi cử tri có Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp xã đề nghị thì tên của cử tri đó được bổ sung vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở khu vực bỏ phiếu của xã nơi được ghi trong giấy chứng nhận thì Tổ bầu cử phải hướng dẫn người đó đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ghi trong giấy chứng nhận để bổ sung vào danh sách cử tri. Danh sách cử tri bổ sung phải xác định rõ những người này được bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Sau khi có danh sách cử tri bổ sung do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Tổ bầu cử mới được phát phiếu bầu cho những cử tri này; khi những cử tri này đã bỏ phiếu xong thì Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” lên Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác. Tổ bầu cử phải ghi danh sách cử tri bổ sung để theo dõi riêng và tổng hợp số liệu sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

e) Tổ bầu cử không được để những người không có nhiệm vụ vào phòng bỏ phiếu. Không ai được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy,... vào địa điểm bỏ phiếu.

5. Kết thúc việc bỏ phiếu và tổ chức kiểm phiếu

Sau khi đã hết giờ bỏ phiếu theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì Tổ bầu cử mới được mở hòm phiếu để kiểm phiếu.

6. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên khi tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Đối với các Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành bốn nhóm thì phân công thực hiện như sau: nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội; nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Đối với các Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành bốn nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cho phù hợp.

b) Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

Điều 11. Kiểm kê, kiểm tra và phân loại phiếu bầu

1. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm kê (đếm), niêm phong phiếu bầu chưa sử dụng và phiếu bầu

do cử tri gạch hồng (nếu có), lập biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo biểu mẫu của Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành; toàn bộ phiếu bầu niêm phong được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trước khi mở hòm phiếu, mời 2 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu. Người ứng cử hoặc người đại diện hợp pháp của người ứng cử và các phóng viên được chứng kiến việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu.

3. Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu.

4. Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bàn giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu.

5. Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng

số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay Ban bầu cử giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử xem xét, quyết định.

6. Phiếu bầu hợp lệ, phiếu bầu không hợp lệ và cách tính tỷ lệ phiếu bầu

a) Phiếu hợp lệ là phiếu bầu đủ số lượng đại biểu hoặc bầu ít hơn số lượng đại biểu được bầu theo quy định; phiếu do Tổ bầu cử phát ra.

b) Phiếu không hợp lệ là phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra; phiếu không có dấu của Tổ bầu cử; phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử; phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử; phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

c) Tỷ lệ phiếu bầu: số phiếu được bầu/tổng số phiếu hợp lệ.

7. Khi bắt đầu việc kiểm phiếu, Tổ bầu cử thực hiện phân loại phiếu bầu thành hai loại sau đây:

- a) Loại phiếu hợp lệ.
- b) Loại phiếu không hợp lệ.

8. Sau khi phân loại xong phiếu bầu, Tổ bầu cử phải ghi kết quả kiểm tra số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ vào biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

9. Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của Tổ bầu cử theo biểu mẫu của Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành.

Điều 12. Kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử

1. Việc kiểm phiếu bầu cho từng người ứng cử chỉ thực hiện đối với những phiếu hợp lệ. Các phiếu bầu hợp lệ được xếp thành các loại, gồm: Loại phiếu bầu 1 đại biểu; loại phiếu bầu 2 đại biểu; loại phiếu bầu 3 đại biểu,...

2. Tổ bầu cử kiểm phiếu theo từng loại phiếu bầu quy định tại khoản 1 Điều này để làm căn cứ xác định số phiếu bầu cho từng người ứng cử.

3. Để việc kiểm phiếu được chính xác, Tổ bầu cử phân công ít nhất ba người kiểm phiếu, gồm: một người đọc, một người ghi, một người kiểm tra việc đọc và ghi. Cách ghi số phiếu cho từng người ứng cử tham khảo theo cách vẽ lần lượt các hình vuông và một đường chéo, cứ năm phiếu tạo thành một hình vuông có một đường chéo.

Điều 13. Niêm phong và quản lý phiếu bầu sau khi kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành niêm phong phiếu bầu theo từng loại phiếu bầu đại biểu Quốc hội, phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

- a) Số phiếu bầu hợp lệ.
- b) Số phiếu bầu không hợp lệ.

2. Toàn bộ số phiếu đã được niêm phong quy định tại khoản 1 Điều này phải được Tổ bầu cử cho vào hòm phiếu và làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý các loại phiếu bầu của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong thời gian quản lý phiếu bầu theo quy định pháp luật lưu trữ (ít nhất là 05 năm) nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu đã được niêm phong.

Điều 14. Chế độ thông tin, báo cáo

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh quyết định việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương đến tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm trung thực, khách quan, kịp thời, tập trung vào các vấn đề sau:

1. Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thiên tai, dịch bệnh ở địa phương trong quá trình diễn ra cuộc bầu cử.

2. Những thuận lợi, khó khăn về giao thông, thông tin liên lạc, thời tiết ảnh hưởng đến việc bầu cử.

3. Số cử tri đi bầu và tiến độ cử tri đi bầu.

4. Những tình huống phát sinh cần xin ý kiến chỉ đạo báo cáo ngay để kịp thời giải quyết (nếu có).

Điều 15. Các tình huống có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử

1. Trường hợp dịch Covid-19 bùng phát.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, trên tinh thần là địa phương chủ động xây dựng các phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ (số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020, số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 và số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020).

2. Trường hợp mưa lũ đặc biệt nghiêm trọng, địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ

và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

3. Trong trường hợp các tình huống phát sinh tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được, do vượt quá thẩm quyền thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại các khu vực này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực, tham mưu giúp Chính phủ trong phạm vi, quyền hạn được giao và theo phân công của Hội đồng bầu cử quốc gia, hướng dẫn, tổ chức triển khai và tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 ở các địa phương.

2. Sở Nội vụ (đối với cấp tỉnh), Phòng Nội vụ hoặc Phòng Tổ chức - Nội vụ (đối với địa phương thực hiện hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị) là cơ quan thường trực và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tham mưu giúp việc cho Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, Ủy ban

bầu cử cấp huyện trong việc thực hiện công tác bầu cử ở địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương, Sở Nội vụ cấp tỉnh và Phòng Nội vụ hoặc Phòng Tổ chức - Nội vụ (đối với địa phương thực hiện hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị) cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

4. Căn cứ các quy định tại Thông tư này, các tổ chức phụ trách bầu cử phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

5. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kịp thời phản ánh về Bộ Nội vụ và các cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử Trung ương nghiên cứu giải quyết.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

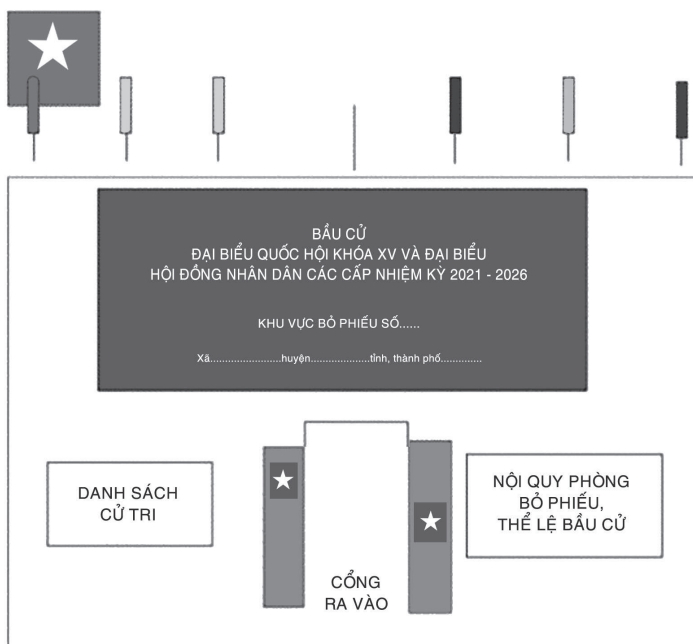
BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân

MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BNV
ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Nội vụ)

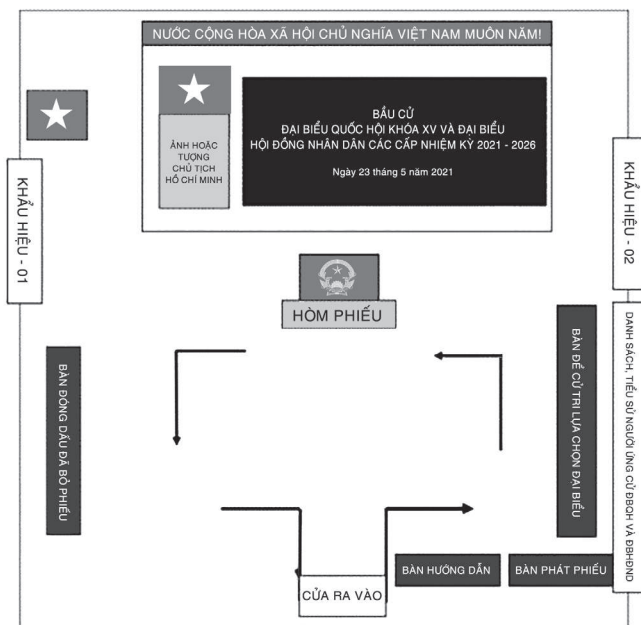
KHU VỰC BÊN NGOÀI PHÒNG BỎ PHIẾU



MẪU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BNV
ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Nội vụ)

KHU VỰC BÊN TRONG PHÒNG BỎ PHIẾU



18. KẾ HOẠCH
SỐ 4711/KH-BTTTT NGÀY 26/11/2020
CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Công tác thông tin, tuyên truyền cuộc
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015;

Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia;

Nghị quyết số 05/NQ-HĐBCQG ngày 16/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia phân công thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

Văn bản số 06/NQ-HĐBCQG ngày 16/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia phân công soạn thảo và ban hành văn bản;

Để triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử trong cả nước đúng pháp luật, đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao, đồng thời tạo bầu không khí sôi nổi và phấn khởi chào mừng cuộc bầu cử, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cho cuộc bầu cử như sau:

II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào ngày 23/5/2021 (Chủ nhật). Đây là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước nhằm lựa chọn, bầu ra những đại biểu tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, cuộc bầu cử diễn ra trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 35 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội, nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng nặng nề

của đại dịch Covid-19. Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh thương mại, công nghệ, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ diễn ra gay gắt, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, nhân tố bất ổn mới. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải ra sức phấn đấu, đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đạt kết quả cao, việc xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 để Nhân dân thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử, tích cực ủng hộ, nêu cao tinh thần làm chủ, trách nhiệm công dân, tự giác tham gia bầu cử để lựa chọn, bầu những người tiêu biểu, có đủ các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, uy tín tham gia Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, đại diện xứng đáng cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân; tạo không khí tin tưởng, phấn khởi trong Nhân dân, động viên quần chúng Nhân dân nêu cao ý thức, thái độ tích cực trong việc tham gia xây dựng Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, làm cho ngày bầu cử thực sự trở thành ngày hội của toàn dân.

III. NỘI DUNG THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về vị trí, vai trò, chức năng của Quốc hội, Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; phân tích, làm rõ bản chất Nhà nước ta là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền dân chủ của Nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng; tuyên truyền về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; những đóng góp của Quốc hội Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng, đổi mới, phát triển đất nước; tuyên truyền về vai trò, vị trí của Quốc hội khóa XV trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quá trình hội nhập quốc tế trong thời kỳ đổi mới.

2. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015; về vị trí, vai trò của người đại biểu nhân dân; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của

công dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Thông tin về công tác chuẩn bị nhân sự, các bước hiệp thương giới thiệu các ứng cử viên và các hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri của người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, đảm bảo dân chủ, bình đẳng, đúng luật.

4. Tuyên truyền để mọi cử tri tự giác, tích cực, chủ động tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ danh sách người ứng cử để lựa chọn, bầu những đại biểu có đủ tiêu chuẩn tham gia vào Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Thông tin, tuyên truyền đối ngoại về bầu cử, giới thiệu với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, với nhân dân các nước trên thế giới biết được thể thức và không khí dân chủ, minh bạch, đúng pháp luật trong quá trình bầu cử; chủ động đấu tranh phản bác những thông tin, luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực phản động, thù địch.

6. Thông tin về công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, đảm bảo an ninh trật tự, tạo điều kiện để cử tri bỏ phiếu thuận lợi.

7. Tuyên truyền đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch lợi dụng bầu cử để gây mất đoàn kết trong Đảng, chia rẽ đại đoàn kết

dân tộc và chống những hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân.

8. Tuyên truyền về kết quả bầu cử và trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các đại biểu trong nhiệm kỳ 2021-2026.

IV. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

1. Đợt 1 (từ 15/01/2021 đến 15/3/2021)

- Các cơ quan báo chí Trung ương, địa phương và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản, quy định pháp luật liên quan với các hình thức sáng tạo, phong phú, phù hợp với mỗi địa phương, vùng miền.

- Tổ chức tập huấn và cung cấp thông tin cho phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn báo chí và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở của các địa phương về bầu cử.

- Kiểm tra một số địa phương về tình hình triển khai kế hoạch, nội dung công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử.

2. Đợt 2 (từ 16/3/2021 đến 23/5/2021)

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân; quyền, nghĩa vụ của người ứng cử; quyền và nghĩa vụ của cử tri; các quy định về trình tự bầu cử và

thể thức bầu cử; thông tin tư liệu tổng hợp các số liệu về các kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa XIV.

- Đôn đốc, kiểm tra công tác thông tin, tuyên truyền bầu cử.

- 15 ngày trước ngày bầu cử (23/5/2021), tập trung tuyên truyền với tần suất cao nhất. Cao điểm ngày bầu cử 23/5/2021 với nội dung chính như: thông tin về không khí bầu cử, diễn biến, tiến độ, kết quả bầu cử ở các địa phương, dư luận trong nước và quốc tế.

- Các doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện việc nhắn tin tới các thuê bao điện thoại di động trên toàn quốc về việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 vào ngày 23/5/2021.

3. Đợt 3 (từ 24/5/2021 đến 10/6/2021)

- Tập trung thông tin, tuyên truyền về kết quả bầu cử; trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các đại biểu trong nhiệm kỳ 2021-2026.

- Tổ chức họp báo tại địa phương về kết quả cuộc bầu cử.

- Tổ chức hội nghị tổng kết công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử. Xây dựng báo cáo tổng kết về công tác thông tin, tuyên truyền bầu cử.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Thông tin về cuộc bầu cử tại các cuộc họp giao ban

báo chí hàng tuần hoặc đột xuất; đổi mới cách thức tuyên truyền, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, thiết thực.

- Thành lập đoàn công tác kiểm tra một số địa phương, cơ quan báo chí về công tác thông tin, tuyên truyền.

- Cử cán bộ tham gia Tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; tham gia quản lý, vận hành trang thông tin điện tử và Trung tâm báo chí bầu cử.

- Tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin cho phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn báo chí và đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở của các địa phương về bầu cử.

- Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông di động hỗ trợ nhắn tin tuyên truyền tới các thuê bao điện thoại di động trên toàn quốc nhằm vận động cử tri cả nước đi bầu cử.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn cập nhật, thông báo với Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia về tiến độ triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền và dư luận báo chí trong, ngoài nước về cuộc bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 theo từng đợt thông tin, tuyên truyền.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan và tổ chức thực hiện Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử và các nhiệm vụ khác được phân công.

2. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Xây dựng kế hoạch tổ chức và chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương, Phòng Văn hóa - Thông tin, hệ thống đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện triển khai các hoạt động tuyên truyền hiệu quả, phù hợp với từng nhóm người, văn hóa vùng, miền, địa phương; tăng cường thông tin, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cấp xã, trên các trạm tin, bảng tin, cụm pano cố động của địa phương.

- Báo cáo kết quả thông tin, tuyên truyền về bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tại địa phương gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15/6/2021 (qua Cục Báo chí) để tổng hợp báo cáo.

3. Các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở

a) Các cơ quan báo chí

- Triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền theo đúng kế hoạch đã ban hành; tận dụng tối đa ưu thế công nghệ thông tin trong công tác truyền thông. Sử dụng đa dạng các hình thức, thể loại báo chí (phỏng vấn, tọa đàm, phóng sự,...) để thông tin toàn diện các vấn đề, nội dung liên quan, trong đó tập trung giới thiệu về một số nội dung, như: tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; hoạt động gặp gỡ, tiếp

xúc cử tri đảm bảo tính dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật; danh sách các ứng cử viên và tiểu sử của người ứng cử; ý kiến cử tri, người ứng cử; thông cáo báo chí về diễn biến, kết quả bầu cử...

- Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Truyền hình Quốc hội Việt Nam và các Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chương trình để thông tin, tuyên truyền các nội dung liên quan; chủ động sắp xếp, bố trí thời gian, thời lượng, tần suất phát sóng phù hợp từng giai đoạn, bảo đảm hiệu quả công tác tuyên truyền.

- Các báo điện tử, báo in, tạp chí in, tạp chí điện tử: xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên trang, chuyên mục; xuất bản các chuyên đề tuyên truyền; xuất bản phụ trương, đặc san về cuộc bầu cử.

- Tuân thủ yêu cầu và nội dung tuyên truyền, thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin.

- Các cơ quan báo chí ở Trung ương có trách nhiệm đưa tin về quá trình tổ chức công tác bầu cử, tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước.

- Các cơ quan báo chí của địa phương có trách nhiệm đưa tin về hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu

Hội đồng nhân dân các cấp và việc vận động bầu cử ở địa phương.

- Các cơ quan báo chí đối ngoại tăng cường các bài viết bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau tuyên truyền, giới thiệu về bầu cử.

- b) Hệ thống thông tin cơ sở: tổ chức biên tập lại nội dung thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 phù hợp với từng vùng miền, địa phương mình; đăng, phát nội dung thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử qua hệ thống đài truyền thanh xã, phường, thị trấn vào thời điểm thích hợp...; tuyên truyền thông qua hình thức cổ động trực quan.

4. Các doanh nghiệp viễn thông

- Hỗ trợ Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc nhắn tin tuyên truyền tới các thuê bao điện thoại di động để vận động cử tri cả nước đi bầu cử.

- Tăng cường đảm bảo thông suốt mạng viễn thông công cộng phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của người dân, phóng viên, báo chí trong thời gian bầu cử.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp và cấp năm 2021.

2. Kinh phí triển khai hoạt động thông tin tuyên truyền về cuộc bầu cử tại các địa phương được lấy từ nguồn ngân sách địa phương.

3. Các cơ quan báo chí được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan mình.

Trên đây là Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, yêu cầu công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử cần được triển khai liên tục với những hình thức sinh động, phong phú, kịp thời, thiết thực, không phô trương, lãng phí; tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, lãng phí việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong công tác thông tin, tuyên truyền.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Vĩnh Bảo

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG	7
1. Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	9
2. Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp	15
3. Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 20/01/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	24
4. Hướng dẫn số 169-HD/BTGTW ngày 22/01/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	40
<i>Phần thứ hai</i>	
CÁC VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC, ĐOÀN THỂ	51
5. Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia	53

6. Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	57
7. Nghị quyết số 1185/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XV	59
8. Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung	70
9. Nghị quyết số 1187/NQ-UBTVQH14 ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	101
10. Nghị quyết liên tịch số 09/2021/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chính phủ - Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	109
11. Nghị quyết số 05/NQ-HĐBCQG ngày 16/9/2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia phân công thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia	168
12. Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia hướng dẫn mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	176

13. Kế hoạch số 42/KH-HĐBCQG ngày 19/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	339
14. Thông tri số 13/TT-MTTW-BTT ngày 19/01/2021 của ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	357
15. Chỉ thị số 02/CT-TTG ngày 14/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	379
16. Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	386
17. Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	404
18. Kế hoạch số 4711/KH-BTTTT ngày 26/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	432

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbetqg.vn, Website: www.nxbetqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



Giá: 121.000đ